

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2020

Tổng hợp kết quả chính từ 235 BCKT của 205 cuộc kiểm toán¹ (Phụ lục 01) tổ chức trong năm 2020 đối với niên độ ngân sách năm 2019, KTNN trân trọng báo cáo Quốc hội các kết quả kiểm toán năm 2020 như sau:

A. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2019

I. VỀ QUYẾT TOÁN THU, CHI CÂN ĐỐI NSNN

(PHỤ LỤC 02, 03, 04 KÈM THEO)

1. Về lập và giao dự toán

1.1. Dự toán thu NSNN

Dự toán thu năm 2019 Quốc hội quyết định và Chính phủ giao 1.411.300 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa 1.173.500 tỷ đồng; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 300.500 tỷ đồng (hoàn thuế GTGT 111.300 tỷ đồng); thu từ dầu thô 44.600 tỷ đồng; thu viện trợ 4.000 tỷ đồng. Qua kiểm toán cho thấy:

(1) Dự toán thu tiền sử dụng đất chưa sát với khả năng của nguồn thu² dẫn đến thực hiện vượt 70,8% so với dự toán, đây là nguyên nhân nhiều năm liền³ thực hiện vượt cao so với dự toán.

(2) Dự toán thu XNK do Chính phủ lập và giao bằng 102,5% so với ước thực hiện năm 2018 (300.500/293.000 tỷ đồng), chưa sát với khả năng, thực hiện thu XNK năm 2019 vượt 15,6% dự toán giao (347.282/300.500 tỷ đồng).

(3) Bộ Tài chính tiếp tục xây dựng dự toán hoàn thuế GTGT đầu năm (111.300 tỷ đồng) thấp hơn số địa phương lập (124.261 tỷ đồng) và chưa sát với số phải hoàn trong năm dẫn đến hoàn vượt dự toán Quốc hội quyết định 21.742

¹ Tại 16 bộ, cơ quan trung ương; 40 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 08 chủ đề kiểm toán hoạt động; 21 chuyên đề; 57 dự án đầu tư; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 46 DNNN, tổ chức TCNH; 15 đầu mối lĩnh vực quốc phòng, an ninh, các cơ quan đảng và kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN năm 2019 tại Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT.

² Các địa phương lập dự toán chi bằng 67,7% so với ước thực hiện năm 2018 và TW giao dự toán bằng 74% so với ước thực hiện năm 2018 báo cáo Quốc hội.

³ Năm 2016 thực hiện thu sử dụng đất đạt 199,24% dự toán giao (99.619/50.000 tỷ đồng); năm 2017 là 196,88% (125.413/63.700 tỷ đồng); năm 2018 là 182,71% (147.815/85.900 tỷ đồng); năm 2019 là 170,8% (153.738/90.000 tỷ đồng).

tỷ đồng (cao hơn nhiều so với số hoàn vượt năm 2018⁴).

Ngoài ra, qua kiểm toán cho thấy: 17/40 địa phương dự kiến chưa đầy đủ, bao quát hết nguồn thu⁵; một số bộ lập dự toán thu chưa sát⁶.

1.2. Dự toán chi NSNN

Dự toán chi cân đối NSNN năm 2019 được Quốc hội quyết định và Chính phủ giao là 1.633.300 tỷ đồng. Tình hình lập, phân bổ và giao dự toán cụ thể như sau:

1.2.1. Dự toán chi đầu tư phát triển

Dự toán được Quốc hội giao 429.300 tỷ đồng⁷, trong đó vốn NSTW 196.900 tỷ đồng, NSDP 232.400 tỷ đồng; Chính phủ giao 412.438 tỷ đồng (NSTW là 180.038 tỷ đồng; vốn cân đối NSDP 232.400 tỷ đồng), số chưa phân bổ 16.861 tỷ đồng⁸. Kết quả kiểm toán cho thấy:

(1) Công tác giao KHV tại Bộ KH&ĐT:

Giao chi tiết KHV đầu tư phát triển năm 2019 nguồn NSNN 14 lần sau ngày 20/12/2018 là chưa phù hợp quy định tại khoản 6 Điều 66 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; chưa ưu tiên bố trí vốn cho một số dự án hoàn thành⁹; nhiều dự án được các bộ, cơ quan trung ương đề xuất bố trí vốn không sát với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân, dẫn đến trong năm không giải ngân được phải điều chỉnh giảm hoặc tỷ lệ giải ngân thấp¹⁰, KHV phải hủy bỏ lớn¹¹; thậm chí kế hoạch vốn năm 2018 kéo dài sang tỷ lệ giải ngân thấp nên tỷ lệ phải hủy bỏ lớn¹²; giao KHV cho một số dự án nằm trong kế hoạch đầu tư trung hạn

⁴ Năm 2018, Bộ Tài chính xây dựng dự toán hoàn thuế GTGT đầu năm (104.000 tỷ đồng) thấp hơn số địa phương lập (114.053 tỷ đồng), năm 2018 hoàn vượt dự toán Quốc hội quyết định 7.783 tỷ đồng

⁵ (i) Thành phố Đà Nẵng; Hải Phòng; Các tỉnh: Quảng Ninh; Trà Vinh; Bà Rịa - Vũng Tàu; Tiền Giang; Quảng Ngãi; Hà Giang; Hải Dương.

(ii) Một số huyện, thị xã, thành phố tại các tỉnh: Đắk Lắk (thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, huyện Krông Pắc, Ea H'leo); Bắc Giang (thành phố Bắc Giang, huyện Việt Yên, Lạng Giang); Đồng Nai (huyện Tân Phú, Thống Nhất, Trảng Bom và thành phố Long Khánh); Gia Lai (thành phố Pleiku; thị xã Ayun Pa; huyện Mang Yang); tỉnh Lào Cai (huyện Bắc Hà); Quảng Trị (huyện Vĩnh Linh, Đăk Krong); Phú Thọ (huyện Lâm Thao, Hạ Hòa).

⁶ Bộ GTVT (Bộ và Văn phòng Bộ GTVT); Bộ Y tế;

⁷ Nghị quyết số 70/2018/QH14 ngày 9/11/2018 (NSTW là 196.900 tỷ đồng, NSDP 232.400 tỷ đồng).

⁸ Nguyên nhân chủ yếu chưa giao được kế hoạch là do các bộ, ngành và địa phương đề xuất cho các dự án không đủ thủ tục đầu tư; dự án chưa ký Hiệp định nên chưa đủ căn cứ bố trí vốn...

⁹ Tỉnh Hòa Bình: Dự án cải tạo đường tỉnh 433, đoạn Km0 - Km23 thiếu 667,6 tỷ đồng, Dự án Đường liên huyện vùng cao Lạc Sơn - Tân Lạc tỉnh Hoà Bình thiếu 154,6 tỷ đồng; tỉnh Lạng Sơn: Dự án Đường Bản Ngõa - Xã Thườn - Bản Lầy - Pắc Lệ thiếu 48,2 tỷ đồng; tỉnh Lào Cai: Dự án khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường thiếu 894,372; Dự án Kè Cánh Chín xã Vạn Hòa, thành phố Lào Cai thiếu 44,07 tỷ đồng; tỉnh Yên Bái: Đường tránh ngập thành phố Yên Bái, đoạn Trung tâm Km 5 - Quốc lộ 32C thiếu 319,5 tỷ đồng; Dự án Cầu Tuần Quán thiếu 214,9 tỷ đồng.

¹⁰ Nguồn vốn trong nước giao cho các bộ, ngành cơ quan trung ương giải ngân đạt 71,66%; (ii) nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương giải ngân đạt 60,84%.

¹¹ Nguồn vốn thuộc KH năm 2019 bị hủy bỏ chiếm 12,45% (6.661/53.487 tỷ đồng), trong đó vốn nước ngoài bị hủy bỏ 59,94% (6.445/10.752 tỷ đồng), trong đó một số bộ ngành có tỷ lệ kế hoạch vốn hủy bỏ cao như: Bộ Y tế (1.201/6.788 tỷ đồng), Bộ VHTT&DL (120/520 tỷ đồng), Viện Hàn lâm Khoa học công nghệ Việt Nam (1.864/2206 tỷ đồng), Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (15,34/20,34 tỷ đồng).

¹² Nguồn vốn thuộc KH năm trước chuyển sang 2019 bị hủy bỏ chiếm 42,88% (4.311/10.054 tỷ đồng), trong đó vốn nước ngoài bị hủy bỏ 76,83% (1.118/1.455 tỷ đồng), một số bộ ngành có tỷ lệ kế hoạch vốn hủy bỏ cao như:

nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020¹³ nhưng chưa phù hợp đối tượng, phạm vi của các CTMT¹⁴ 266,397 tỷ đồng¹⁵.

(2) Công tác xây dựng, giao kế hoạch vốn tại một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020: Giao KHV trung hạn cho một số dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư¹⁶, chưa kịp thời¹⁷, đầy đủ¹⁸; chưa xây dựng, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn¹⁹; một số địa phương chưa bố trí²⁰ hoặc bố trí²¹ vốn dự phòng thấp hơn tỷ lệ 10% theo quy định.

- Phân bổ KHV hàng năm: Phân bổ nhiều lần trong năm²², cho dự án chưa đủ thủ tục²³, chưa có trong kế hoạch trung hạn²⁴, chưa đảm bảo điều kiện²⁵,

Văn phòng Chính phủ (80,0/80,31 tỷ đồng), Bộ Ngoại giao (174,12/219,51 tỷ đồng), Bộ Y tế (1.475,26/1.870,68 tỷ đồng), Bộ GD&ĐT (128,81/191,53 tỷ đồng), Ngân hàng nhà nước (491,32/527,56 tỷ đồng), Viện Hàn lâm Khoa học Công nghệ Việt Nam (873,35/879,89 tỷ đồng), Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (10,4/10,4 tỷ đồng), Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật Việt Nam (10,0/10,0 tỷ đồng).

¹³ Do đặc thù của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, các CTMT được xây dựng và phê duyệt sau khi các dự án đã được Chính phủ tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nên một số dự án có trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và được giao vốn hàng năm song không phù hợp đối tượng, phạm vi, mục tiêu Chương trình.

¹⁴ Kế hoạch trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016-2020 phê duyệt tại Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017, Quyết định 1291/QĐ-TTg ngày 29/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ; CTMT phát triển kinh tế - xã hội các vùng giai đoạn 2016-2020 phê duyệt tại Quyết định số 1256/QĐ-TTg ngày 21/8/2017 và số 1509/QĐ-TTg ngày 04/11/2019; CTMT phát triển hạ tầng du lịch giai đoạn 2016-2020 phê duyệt tại Quyết định số 1861/QĐ-TTg ngày 23/11/2017; CTMT tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống cư dân phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017; CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động phê duyệt tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017.

¹⁵ 01 dự án thuộc CTMT phát triển kinh tế xã hội các vùng số tiền 30 tỷ đồng; 03 dự án thuộc CTMT phát triển hạ tầng du lịch số tiền 16,942 tỷ đồng; 12 dự án thuộc CTMT tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư số tiền 218,565 tỷ đồng; 01 dự án thuộc CTMT giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động số tiền 0,89 tỷ đồng.

¹⁶ Tỉnh Ninh Thuận, Tiền Giang.

¹⁷ Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường nối từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng).

¹⁸ Dự án đầu tư xây dựng nút giao Nam cầu Bính (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng): KHV trung hạn bố trí thiếu 381 tỷ so với TMĐT.

¹⁹ (i) Tỉnh Phú Thọ không phê duyệt chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 nguồn cân đối NSDP và các huyện được kiểm toán (TP. Việt Trì, thị xã Phú Thọ, huyện Phù Ninh, huyện Hạ Hòa, huyện Lâm Thao) không phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020; (ii) Tỉnh Nghệ An: Các huyện Diễn Châu, Nghi Lộc, Quỳnh Châu; (iii) Hà Tĩnh: Huyện Can Lộc; (iv) Lâm Đồng: Huyện Đức Trọng, Đa Tánh; (v) Thanh Hóa: Huyện Yên Định, Quảng Xương, Hà Trung, thị xã Nghi Sơn.

²⁰ Tỉnh Trà Vinh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

²¹ TP. Đà Nẵng; tỉnh Đắk Lắk, Thanh Hóa (huyện Thạch Thành, Hậu Lộc, Yên Định, Quảng Xương, thị xã Nghi Sơn); Tỉnh Bình Thuận; Thái Bình.

²² Bộ GTVT; TAND tối cao.

²³ TP. Đà Nẵng, Hải Phòng; tỉnh: Quảng Ngãi, Hải Dương, Quảng Ninh, Yên Bái, Phú Yên, Bến Tre, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Ninh Bình, Thanh Hóa, Gia Lai, Đắk Lắk, Kon Tum.

²⁴ (i) TP. Đà Nẵng, TP. Hà Nội (huyện Quốc Oai), các tỉnh: Quảng Ngãi, Sóc Trăng, Ninh Thuận, Tiền Giang, Lạng Sơn, Bắc Ninh (TP. Bắc Ninh; thị xã Từ Sơn; các huyện Tiên Du, Lương Tài, Gia Bình), Quảng Trị (Thị xã Quảng Trị), Bến Tre (TP. Bến Tre), Đắk Lắk (huyện Ea Kar), Kon Tum (huyện Ia H'Drai); Nam Định; (ii) Bộ GTVT.

²⁵ (i) TP.Đà Nẵng: Bố trí vốn đối ứng cho Dự án cải thiện hạ tầng giao thông TP. Đà Nẵng (sử dụng nguồn vốn TW vay nước ngoài) trong khi Hiệp định vay vốn chưa được ký kết, dẫn đến phải điều chỉnh 04 lần; (ii) Tỉnh Bắc Ninh: Sử dụng 478,1 tỷ đồng nguồn kinh phí CCTL năm 2019 để bổ sung vốn cho các dự án đầu tư chưa đảm bảo theo quy định tại Nghị quyết số 70/2018/NQ-QH14 ngày 9/11/2018 của Quốc hội, tuy nhiên kết thúc niên độ, Tỉnh đã hoàn trả nguồn. (iii) Tỉnh Thừa Thiên Huế: Bố trí vốn cho 08 dự án cấp tỉnh, số tiền 33,9 tỷ đồng và 09 dự án cấp huyện số tiền

chưa phù hợp tiến độ thực hiện²⁶, sai tính chất nguồn vốn²⁷, không phù hợp phân cấp nhiệm vụ chi²⁸, dàn trải²⁹, chưa đúng thứ tự ưu tiên³⁰; chưa đủ vốn đối ứng thực hiện dự án³¹ và thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020³²; vượt cơ cấu vốn³³; vượt khả năng thực hiện³⁴; vượt nhu cầu³⁵, vượt TMĐT³⁶, vượt kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn³⁷, không đúng đối tượng³⁸; ứng trước³⁹ chưa đúng quy định và chậm thu hồi vốn ứng trước⁴⁰; chưa ưu tiên bố trí vốn để thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCB⁴¹; phê duyệt chủ trương đầu tư dự án không phù hợp với quy hoạch, phân kỳ đầu tư⁴², chưa phù hợp với chỉ đạo

7,5 tỷ đồng có số liệu giải ngân đến ngày 30/9/2018 dưới 30% kế hoạch vốn năm 2018; (iv) Tỉnh Nam Định: 09 dự án có quyết định đầu tư sau ngày 31/10.

²⁶ TW Đoàn TNCSSHCM (Dự án Làng TNLN biên giới Minh Tân, tỉnh Hà Giang; Làng TNLN Quảng Châu, tỉnh Quảng Bình; Sơn Bua, tỉnh Quảng Ngãi).

²⁷ TP. Đà Nẵng; tỉnh Bến Tre, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Trà Vinh, Nghệ An, Quảng Ninh, Bắc Giang, Phú Yên, Ninh Thuận, Hà Giang, Đắk Lắk, Bình Phước; Bộ Tài chính.

²⁸ (i) Tỉnh Quảng Ninh: Phân bổ đầu tư ngân sách cấp huyện cho 02 dự án giao thông quốc lộ 998,7 tỷ đồng (Dự án Mở rộng QL18 từ nút giao đường cao tốc Hạ Long Vân Đồn đến đầu đường Hoàng Quốc Việt (2017: 177 tỷ đồng; 2018: 198,1 tỷ đồng; 2019: 268,2 tỷ đồng), Dự án cải tạo chỉnh trang đường 18A đoạn từ nút giao thông đường Hoàng Quốc Việt với đường 18A đến cầu Bãi Cháy (2018: 150 tỷ đồng, 2019: 205,4 tỷ đồng); (ii) Dự án Đường cát hạ cánh số 02 – Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh: Bố trí ngân sách tỉnh 900 tỷ cho dự án thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ GTVT.

²⁹ Tỉnh Quảng Ninh (TP. Hạ Long); VKSND tối cao; TAND tối cao; Bộ Xây dựng; Tổng cục Hải quan.

³⁰ VKSND tối cao; TAND tối cao; Bộ TN&MT; Tổng cục Hải quan.

³¹ TP. Hải Phòng; tỉnh: Nghệ An, Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái.

³² Tỉnh Gia Lai, Kon Tum.

³³ (i) Dự án Trường tiểu học và THCS Bãi Cháy; (ii) Dự án Trường Mầm non Hạ Long; (iii) Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa Kiên Giang; (iv) Dự án đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch – Nội Bài, TP. Hà Nội; (v) tỉnh Ninh Bình 01 dự án.

³⁴ Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Sơn La bố trí 800 tỷ đồng nhưng chỉ giải ngân 240,5 tỷ đồng.

³⁵ (i) Bộ NN&PTNT: 10 dự án nhu cầu vốn lập 4.058 tỷ đồng, được giao lần 1 là 5.414 tỷ đồng, vốn sau điều chỉnh lần cuối 4.103 tỷ đồng; (ii) Tổng cục Thuế: Giao vượt nhu cầu sử dụng, vượt giá trị đề nghị quyết toán tại Dự án đầu tư xây dựng trụ sở Chi cục Thuế thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; (iii) Bộ Y tế: Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện K cơ sở I, II đăng ký 11,25 tỷ đồng, được giao 350 tỷ đồng.

³⁶ Cao Bằng 17 dự án; Lâm Đồng, Tuyên Quang: Mỗi tỉnh 01 dự án.

³⁷ TP Hồ Chí Minh: 27 dự án; TP. Đà Nẵng: 195 danh mục dự án; TP. Cần Thơ 02 dự án; Tỉnh: Ninh Thuận 05 dự án, Bến Tre 04 dự án, Tiền Giang 03 dự án, Quảng Ngãi 01 dự án; thị xã Vĩnh Châu (tỉnh Sóc Trăng) 05 dự án. Tỉnh Thừa Thiên Huế 29 dự án.

³⁸ Tỉnh Thừa Thiên Huế: Bố trí Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn ngân sách TW hỗ trợ có mục tiêu cho Dự án Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh 40,5 tỷ đồng và bố trí vốn đến năm 2019: 16 tỷ đồng; dự án Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã Quảng Công, huyện Quảng Điền 150 tỷ đồng và đã bố trí vốn đến hết năm 2019: 122,5 tỷ đồng.

³⁹ (i) Dự án còn số dư ứng trước nhưng tiếp tục được ứng trước trong năm 2019: tỉnh Bến Tre 02 dự án; Quảng Bình 01 dự án; (ii) Ứng trước cho các dự án không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn: tỉnh Sóc Trăng 01 dự án 135 tỷ đồng; tỉnh Bến Tre 02 dự án 10 tỷ đồng; tỉnh Tiền Giang 01 dự án 35,2 tỷ đồng.

⁴⁰ (i) Chuyên đề việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của VKSND tối cao: Chưa thu hồi các khoản ứng trước còn lại của kế hoạch trung hạn 32,4 tỷ đồng; (ii) Bộ NN&PTNT: Vốn ứng trước từ năm 2018 chuyển sang năm 2019 chưa được bố trí hoàn ứng cho 46 dự án 642 tỷ đồng; (iii) Bộ Xây dựng: Dự án Mua căn hộ làm nhà công vụ của Chính phủ (ứng trước từ năm 2014 là 70,4 tỷ đồng, đến ngày 31/12/2019 chưa trả nợ 36,4 tỷ đồng); (iv) Bộ GTVT: Đến ngày 31/12/2019 số vốn ứng trước hết thời gian quy định chưa được bố trí hoàn ứng là 10.844 tỷ đồng.

⁴¹ Tỉnh Thái Bình, Nam Định, Thừa Thiên Huế; Bình Thuận;

⁴² Tỉnh Bình Thuận: Dự án Đường vào sân bay Phan Thiết.

của cấp có thẩm quyền⁴³; không bố trí⁴⁴ hoặc bố trí⁴⁵ chưa đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 10% nguồn xổ số kiến thiết đầu tư cho CTMTQG xây dựng nông thôn mới; phân bổ vốn chưa phù hợp phải điều chỉnh, bổ sung còn khá phổ biến.

- Sử dụng ngân sách địa phương để chi trả dịch vụ công ích đoạn đường thuộc Dự án BOT⁴⁶; tỷ lệ giải ngân tại một số địa phương⁴⁷, dự án⁴⁸ thấp; kéo dài KHV không đúng quy định⁴⁹.

1.2.2. Dự toán chi thường xuyên

Dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2019 được Quốc hội quyết định và Chính phủ giao 1.042.816 tỷ đồng, bằng 63,84% tổng dự toán chi NSNN. Kết quả kiểm toán cho thấy:

- Một số bộ, cơ quan trung ương được kiểm toán lập dự toán một số khoản chi chưa đúng quy định⁵⁰, không sát thực tế⁵¹; lập dự toán chi đối với các nhiệm vụ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt⁵².

- Giao và phân bổ chưa đầy đủ cơ sở, căn cứ⁵³; giao cao hơn nhu cầu⁵⁴, quy định⁵⁵; không phân bổ hết dự toán theo quy định⁵⁶; giao dự toán chưa đúng

⁴³ Tỉnh Bình Thuận: Dự án Cầu Văn Thánh, thành phố Phan Thiết theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT): phê duyệt chủ trương đầu tư chưa phù hợp với chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Công văn số 1248/VPCP-KTTH ngày 02/02/2018 của Văn phòng Chính phủ.

⁴⁴ Tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁴⁵ Các tỉnh Bắc Ninh, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bắc Giang, Phú Yên, Lạng Sơn, Đắk Lắk.

⁴⁶ Tỉnh Quảng Ninh: Dự án Quốc lộ 18 đoạn Hạ Long - Mông Dương trên địa bàn TP Cẩm Phả, số tiền 13,8 tỷ đồng.

⁴⁷ TP. Hà Nội: Tỷ lệ giải ngân chỉ đạt 67,8%; Đà Nẵng 67,03%; Cần Thơ 71,5%; tỉnh Sóc Trăng 74,66%; Bến Tre 62,8% (NS cấp tỉnh); Trà Vinh 69,55% (NS cấp tỉnh); Hà Giang 78,8%; Bà Rịa - Vũng Tàu 75,8%, Bình Phước 72,5%.

⁴⁸ (i) Dự án cải tạo, nâng cấp QL53 đoạn Trà Vinh - Long Toàn, tỉnh Trà Vinh phải điều chỉnh giảm 188 tỷ đồng; (ii) Dự án thành phần đầu tư xây dựng cầu Mỹ Thuận 2 và đường dẫn hai đầu cầu thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 điều chỉnh giảm 568 tỷ đồng, (iii) Dự án Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ: Số vốn thực hiện từ khởi công đến hết năm 2019 là 3.185,932 tỷ đồng đạt 61% vốn NSNN phân bổ giai đoạn 2017-2020.

⁴⁹ TP. Đà Nẵng 156,4 tỷ đồng (vốn TPCP); Hải Phòng 135,6 tỷ đồng (TPCP); tỉnh Ninh Thuận 254,8 tỷ đồng (TPCP); Hải Dương 1,6 tỷ đồng (NSTW); Bến Tre 36,5 tỷ đồng (XSKT); Lạng Sơn 58,3 tỷ đồng (NSTW); Nghệ An 15,7 tỷ đồng (NSTW); Quảng Trị 23,5 tỷ đồng (NSTW); Hải Dương 1,6 tỷ đồng (NSTW); Lai Châu 23,6 tỷ đồng (NSTW); Tuyên Quang 7,1 tỷ đồng (TPCP); Lâm Đồng 96,7 tỷ đồng (dự phòng NSTW); Phú Yên 46 tỷ đồng; Hà Giang 53,8 tỷ đồng (TPCP); Kon Tum 5,3 tỷ đồng (NSTW); Yên Bái 1,9 tỷ đồng (NSTW); huyện Hoài Đức (TP. Hà Nội) 31,7 tỷ đồng (vốn NSTP).

⁵⁰ TAND tối cao; Bộ Nội vụ; Bộ Xây dựng; Bộ NN&PTNT; Tổng cục Thuế; Tổng cục Hải quan.

⁵¹ (i) Bộ TN&MT: Một số đơn vị lập dự toán không sát thực tế nên trong quá trình thực hiện còn phải điều chỉnh nhiệm vụ và dự toán kinh phí, hủy dự toán, một số nhiệm vụ đơn vị không lập dự toán đầu năm nhưng Bộ TN&MT điều chỉnh dự toán từ nhiệm vụ khác sang; (ii) Tổng cục GDNN: Văn phòng Tổng cục GDNN, Cục Kiểm định chất lượng GDNN xây dựng một số nhiệm vụ không thường xuyên không sát thực tế, một số nội dung không có kế hoạch triển khai cụ thể dẫn đến không thực hiện được nên phải hủy dự toán hoặc chuyển dự toán trong năm.

⁵² Bộ Nội vụ; Bộ TN&MT (Cục Công nghệ thông tin và dữ liệu tài nguyên môi trường; Tổng cục Khí tượng thủy văn); Tổng cục Thuế.

⁵³ (i) Ủy ban Dân tộc: Giao dự toán đầu năm cho một số đơn vị chưa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hoặc chưa có nhiệm vụ chi tiết nên trong năm (nhất là cuối năm) phải điều chỉnh sang đơn vị khác; (ii) Bộ Nội vụ: Giao dự toán kinh phí quản lý nhà nước chưa đầy đủ cơ sở, chưa đúng nguồn kinh phí 23,92 tỷ đồng; giao kinh phí sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề thực hiện các nhiệm vụ trong khi các nhiệm vụ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa có thuyết minh cơ sở 14 tỷ đồng; giao kinh phí sự nghiệp KHCN thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cho 03 đơn vị chưa đủ cơ sở 9,6 tỷ đồng; (iii) Bộ Xây dựng: Giao dự toán không sát thực tế, một số nhiệm vụ giao nhưng không phê duyệt dự toán chi tiết nên không thực hiện, phải hủy

quy định theo Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg⁵⁷; giao dự toán kinh phí sửa chữa khi chưa có quyết định phê duyệt dự án⁵⁸; giao biên chế cho các liên đoàn lao động còn mang tính cào bằng và được giao bởi nhiều cấp có thẩm quyền⁵⁹; một số sai sót khác trong công tác phân bổ và giao dự toán⁶⁰.

dự toán; (iv) Bộ NN&PTNT: Giao dự toán khi dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi tiết và kế hoạch tổng thể; giao dự toán cho Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp chưa có căn cứ, chưa đúng quy định 7,126 tỷ đồng (v) Tổng cục Hải quan: Giao dự toán cho một số Cục Hải quan chưa có kế hoạch chương trình được phê duyệt, không chi tiết nội dung thực hiện; (vi) Bộ GD&ĐT: Giao dự toán kinh phí khoa học công nghệ còn một số lần chưa có thuyết minh chi tiết nhiệm vụ kèm theo, chưa được phê duyệt, không phù hợp với chức năng nhiệm vụ; (vii) Bộ Y tế: Không giao tự chủ theo giai đoạn 03 năm mà giao tự chủ từng năm cho các đơn vị nhưng không xác định tỷ lệ tự chủ đạt được của năm trước liền kề làm căn cứ giao kinh phí là không đúng quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP; (viii) Bộ TN&MT: Giao dự toán cho đơn vị trong khi dự án chưa được phê duyệt đề cương, thuyết minh và dự toán chi tiết; (ix) Trung ương Đoàn TNCSHCM: Phân bổ dự toán quỹ tiền lương theo lao động thực tế 01/01/2019 mà chưa tính Quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển và việc tăng lương định kỳ theo quy định; (x) TAND tối cao: 25/66 TAND cấp tỉnh chưa thành lập Tòa GD&NCTN nhưng đã được phân bổ kinh phí (tương đương số tiền được Bộ Tài chính giao 32,5 tỷ đồng) trong khi TAND TP Hồ chí Minh và 03 TAND cấp cao đã thành lập lại không được phân bổ kinh phí; 22/38 TAND tỉnh đã thành lập Tòa GD&NCTN chỉ được giao số tiền 0,5 tỷ đồng/đơn vị thấp hơn mức 1,3 tỷ đồng/đơn vị được Bộ Tài chính giao.

⁵⁴ (i) Bộ Nội vụ: Giao dự toán kinh phí đào tạo cán bộ học sinh Lào cao hơn dự toán đơn vị lập dẫn đến cuối năm hủy dự toán 2,078 tỷ đồng; (ii) Bộ NN&PTNT: Giao dự toán kinh phí thực hiện cải cách lương cao hơn nhu cầu điều chỉnh lương theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP của đơn vị; (iii) Bộ TN&MT: Giao kinh phí tiền lương thừa từ đầu năm 0,52 tỷ đồng.

⁵⁵ (i) Bộ Xây dựng: Giao dự toán kinh phí tự chủ sự nghiệp đào tạo - dạy nghề cho Trường CĐ nghề Sông Đà cao hơn phương án tự chủ đã phê duyệt 0,2 tỷ đồng; (ii) Bộ NN&PTNT: Giao dự toán cho Viện Điều tra, Quy hoạch rừng vượt định mức số tiền 0,185 tỷ đồng.

⁵⁶ (i) Tổng cục Thuế: Không phân bổ hết kinh phí cho các đơn vị, giữ lại Văn phòng Cục 18,698 tỷ đồng; (ii) TAND tối cao: Đơn vị chưa được phê duyệt đề án vị trí việc làm nhưng đã đề nghị và được Bộ Tài chính giao kinh phí tiền lương cho số biên chế được duyệt chưa tuyển, song không phân bổ hết số kinh phí này cho các TAND địa phương theo quy định mà còn giữ lại 21,112 tỷ đồng sau đó bố trí quỹ tiền lương 18,176 tỷ đồng và bổ sung để thực hiện các nội dung chi thường xuyên khác cho một số đơn vị 2,936 tỷ đồng.

⁵⁷ (i) Ủy ban Dân tộc: Giao quỹ tiền lương cho một số đơn vị trực thuộc chưa phù hợp với văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và định mức phân bổ ngân sách 2,623 tỷ đồng (Trung tâm thông tin 0,243 tỷ đồng; Văn phòng UBND 1,430 tỷ đồng, Học viện Dân tộc 0,95 tỷ đồng); (ii) Bộ VHNT&DL: Đối với các đơn vị quản lý nhà nước còn phân bổ kinh phí không thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên 44,042 tỷ đồng; thực hiện phân bổ vượt định mức chi quản lý hành chính tính theo biên chế 42,144 tỷ đồng; (iii) Bộ GD&ĐT: Phân bổ kinh phí cho các đơn vị quản lý nhà nước nhiều nhiệm vụ hoạt động thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ nằm trong định mức chi phí hành chính như: Kiểm tra; chi bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, chi tuyên truyền... vào nguồn sự nghiệp giáo dục đào tạo với tổng số tiền 38,329 tỷ đồng; (iv) Bộ NN&PTNT: Phân bổ, điều chỉnh dự toán một số nội dung chi quản lý hành chính trong định mức vào nguồn kinh phí ngoài định mức chi thường xuyên và kinh phí sự nghiệp; (v) Tổng cục Hải quan: Giao dự toán một số nội dung chi được tính tiết kiệm nhưng ngoài định mức khoán chưa phù hợp: Chi bằng khen, giấy khen theo chế độ, chi lễ tết cán bộ hưu trí, hỗ trợ CBCC đi thực tế, nuôi dưỡng bà mẹ VNAH, hỗ trợ CBCC không hưởng ngạch ưu đãi nghề; giao dự toán đoàn ra, đoàn vào chưa phù hợp; (vi) Tổng cục Thuế: Bộ Tài chính giao dự toán một số nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin có tính chất thường xuyên (không phải là các khoản chi đặc thù) ngoài định mức quản lý hành chính.

⁵⁸ Bộ Xây dựng 56,88 tỷ đồng; Bộ Y tế 1.735 tỷ đồng.

⁵⁹ Ban Thường vụ tỉnh ủy, Ban thường vụ huyện ủy, Đoàn chủ tịch Tổng LĐLĐVN.

⁶⁰ (i) Bộ GTVT: Giao dự toán nhiều lần; (ii) Bộ Nội vụ: Giao dự toán chi hỗ trợ đổi mới chương trình Giáo dục đại học cho Học viện HCQG 2 tỷ đồng chưa đảm bảo tính hiệu quả do kể từ ngày 15/3/2018, Học viện HCQG không còn chức năng đào tạo đại học; giao dự toán cho 02 đơn vị chưa đúng đối tượng 3,2 tỷ đồng; (iii) TAND tối cao: Phân bổ dự toán kinh phí cải tạo, mua sắm trang thiết bị Tòa gia đình và người chưa thành niên (GD&NCTN) số tiền 85,8 tỷ đồng cho các TAND cấp tỉnh và 03 TAND cấp cao còn một số thiếu sót; phân bổ dự toán tiền lương và các khoản trích theo lương cho người lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP vào Quỹ tiền lương đơn vị, không đúng quy định 2,493 tỷ đồng; sử dụng kinh phí các nhiệm vụ không thường xuyên còn thừa để phân bổ kinh phí cho Văn phòng TAND tối cao chưa phù hợp với quy định 17,005 tỷ đồng; bổ sung dự toán kinh phí phiên tòa cho TAND cấp cao tại Hà Nội khi không có số lượng vụ án bổ sung 4 tỷ đồng; (iv) Bộ Xây dựng: Hỗ trợ chi thường xuyên theo hình thức giao kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo

- Một số địa phương⁶¹, bộ⁶² còn giao dự toán chậm so với quy định. 18/40 địa phương phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên chưa phân khai hết cho đơn vị ngay từ đầu năm 8.438 tỷ đồng⁶³; giao dự toán chi chưa phù hợp với định mức phân bổ của HĐND⁶⁴; giao dự toán chi lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề⁶⁵, chi khoa học công nghệ⁶⁶ thấp hơn dự toán TW giao; 14/40 địa phương bố trí dự phòng ngân sách tại cấp tỉnh hoặc cấp huyện chưa đảm bảo tỷ lệ quy định⁶⁷; giao dự toán chi thường xuyên thấp hơn dự toán tỉnh giao⁶⁸; giao kinh phí hoạt động cho các hội không thuộc danh mục các hội đặc thù theo quy định của tỉnh⁶⁹; giao không đủ số tiết kiệm chi thường xuyên để thực hiện CCTL⁷⁰; giao dự toán để chi trả lương đối với số lao động hợp đồng làm công tác chuyên môn⁷¹; giao kinh phí hoạt động thường xuyên cho các chỉ tiêu hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan hành chính chưa phù hợp theo quy

chức năng nhưng không cụ thể, chi tiết nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (Viện Khoa học công nghệ xây dựng 2,1 tỷ đồng, Viện Vật liệu xây dựng 2,1 tỷ đồng); (v) Bộ NN&PTNT: Giao kinh phí tiền lương và khoản đóng góp theo lương trong kinh phí QLNN về lâm nghiệp số tiền 2,936 tỷ đồng không đúng nguồn kinh phí; (vi) Bộ TN&MT: Giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nghiệp vụ chưa phù hợp với năng lực của đơn vị, chủ yếu thuê bên ngoài; phân bổ dự toán còn dàn trải dẫn đến nhiều nhiệm vụ phải điều chỉnh thời gian thực hiện, ảnh hưởng đến kết quả của các nhiệm vụ, dự án; (vii) Tổng cục Thuế: Phân bổ một số khoản chi ngoài định mức quản lý hành chính 1.691,045 tỷ đồng; phân bổ chi khắc phục bão lũ 2,792 tỷ đồng; (viii) Tổng cục Hải quan: Giao dự toán quỹ lương cho các hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP không làm công tác chuyên môn nghiệp vụ hải quan; giao kinh phí kinh phí sửa chữa tài sản và tài sản khác số tiền 39,292 tỷ đồng chưa đúng nhiệm vụ chi của nguồn kinh phí hiện đại hóa trang thiết bị; (ix) Bộ VHTT&DL: Thực hiện phân bổ dự toán Chương trình xúc tiến du lịch và Chương trình hành động quốc gia về du lịch 59.400trđ trước khi được Bộ Tài chính thông nhất; (x) Bộ GD&ĐT: Văn phòng Bộ GD&ĐT và Cục Hợp tác Quốc tế giao chi tiền lương và các khoản có tính chất tiền lương, các khoản phải nộp theo lương nhiều hơn so với chỉ tiêu biên chế được giao 6,461 tỷ đồng; (xi) Trung ương Đoàn TNCSHCM: Giao kinh phí thường xuyên/tự chủ để mua sắm tài sản cố định tại Văn phòng Trung ương Đoàn 3 tỷ đồng; (xii) Bộ Y tế: Giao kinh phí công tác phòng chống dịch, nhiệm vụ đặc thù, hoạt động chuyên môn (mang tính chất kinh phí không tự chủ) vào kinh phí hoạt động thường xuyên dẫn đến các đơn vị chưa sử dụng hoặc đã hết nhiệm vụ trong năm để chuyển năm sau chưa đúng quy định 38,349 tỷ đồng; phân bổ kinh phí một số nhiệm vụ không thường xuyên (KTX) có tính chất thuộc hoạt động thường xuyên cho các đơn vị thuộc khối quản lý nhà nước sai nguồn kinh phí 24,585 tỷ đồng (số đã quyết toán trong năm 11,547 tỷ đồng); giao kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản 137,3 tỷ đồng (từ nguồn kinh phí KTX) cho các bệnh viện, trường đã đảm bảo 100% kinh phí hoạt động thường xuyên trong khi Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (PTHĐSN) của đơn vị còn dư lớn qua các năm (đến 31/12/2018 dư 3.098 tỷ đồng gấp 22 lần kinh phí được giao trong năm 2019).

⁶¹ (i) Nguồn bổ sung có mục tiêu: Tỉnh Lai Châu; Phú Yên; thành phố Cần Thơ (huyện Thới Lai, quận Ninh Kiều).

(ii) Giao dự toán cho đơn vị cấp dưới tại một số tỉnh, thành phố: Tỉnh Kon Tum; Bến Tre; Phú Thọ; Đắk Lắk; thành phố Cần Thơ.

⁶² Bộ NN&PTNT; Bộ GD&ĐT; Trung ương Đoàn TNCSHCM (giao bổ sung dự toán chậm); Bộ VHTTDL (Chương trình xúc tiến du lịch và Chương trình hành động quốc gia về du lịch).

⁶³ Thành phố Đà Nẵng 942 tỷ đồng; Thành phố Hồ Chí Minh 663,7 tỷ đồng; tỉnh Hà Tĩnh 1.497 tỷ đồng; Thanh Hóa 1.075 tỷ đồng; Tiền Giang 705 tỷ đồng; Quảng Trị 658 tỷ đồng; Quảng Bình 577 tỷ đồng...

⁶⁴ Tỉnh Bến Tre; Đắk Lắk; Long An.

⁶⁵ Thành phố Hải Phòng thấp hơn TW giao 817 tỷ đồng; Gia Lai thấp hơn TW giao 0,3 tỷ đồng.

⁶⁶ Thành phố Hải Phòng thấp hơn TW giao 21 tỷ đồng.

⁶⁷ Thành phố Hải Phòng; Cần Thơ; tỉnh Thanh Hóa; Phú Thọ; Phú Yên; Đắk Lắk; Đồng Nai; Yên Bái; Tiền Giang; Hà Tĩnh; Quảng Bình; Nghệ An; Quảng Trị; Lạng Sơn.

⁶⁸ Tỉnh Quảng Ninh (thành phố Móng Cái, huyện Đầm Hà).

⁶⁹ Tỉnh Đắk Lắk; Gia Lai (03 huyện).

⁷⁰ Tỉnh Đắk Lắk (huyện Krông Pắc, Ea H'Leo, Buôn Đôn, thị xã Buôn Hồ).

⁷¹ Tỉnh Phú Yên, Hà Giang.

định⁷²; chưa bố trí đủ tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định⁷³; giao dự toán nhưng không có nhiệm vụ chi cụ thể⁷⁴; không bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước dự toán từ NSDP⁷⁵; NSDP không bố trí⁷⁶ hoặc chưa bố trí đủ vốn đối ứng⁷⁷ để thực hiện CTMT theo quy định.

- Phân bổ kinh phí nguồn đảm bảo xã hội để chi hỗ trợ cho chính sách đã hết hiệu lực nhưng chưa báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng⁷⁸, chi hỗ trợ nhưng chưa trình HĐND Tỉnh ban hành cơ chế, chính sách trên địa bàn⁷⁹; còn bổ sung cân đối “bù đảm bảo mặt bằng chi thường xuyên” chưa có trong Nghị quyết HĐND⁸⁰; giao chỉ tiêu biên chế vượt số lượng Bộ Nội vụ giao và thẩm định⁸¹; phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường⁸² để chi xây dựng các công trình có tính chất đầu tư chưa phù hợp quy định.

2. Về chấp hành ngân sách

2.1. Thu ngân sách nhà nước

(1) Về thực hiện dự toán thu NSNN: Thu NSNN quyết toán 1.553.611 tỷ đồng, tăng 10,1% (142.311 tỷ đồng) so với dự toán giao⁸³; bằng 108,5% thực hiện

⁷² Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

⁷³ Thành phố Hải Phòng (huyện Tiên Lãng, quận Hồng Bàng, huyện Cát Hải); tỉnh Gia Lai (Huyện Đăk Đoa, Chư Puh); Hải Dương (UBND Tỉnh; thành phố Chí Linh); Hà Tĩnh (UBND tỉnh, huyện Nghi Xuân, Đức Thọ, Can Lộc, Lộc Hà, Thạch Hà, Hương Khê, Kỳ Anh, Hương Sơn, Vũ Quang, Cẩm Xuyên, thị xã Kỳ Anh, Hồng Lĩnh, thành phố Hà Tĩnh); Quảng Bình (huyện Bố Trạch, Quảng Ninh, Lệ Thủy, thành phố Đồng Hới và một số xã, phường tại thành phố Đồng Hới); Ninh Bình (Thành phố Ninh Bình; huyện Kim Sơn); Thanh Hóa (Thị xã Nghi Sơn; Bim Sơn; huyện Quảng Xương; Thạch Thành, Thiệu Hóa; Nông Cống; Hoằng Hóa); Phú Yên; Kon Tum (huyện Ia H’Drai); Hà Giang (08/11 huyện); Bắc Giang (huyện Việt Yên); Quảng Ngãi; Nghệ An (Tỉnh và một số huyện).

⁷⁴ Tỉnh Bắc Ninh (huyện Gia Bình; Văn phòng UBND tỉnh); Hà Giang (Đài Phát thanh và truyền hình); Thái Nguyên (Sở GD&ĐT, huyện Đại Từ); Đồng Nai (giao dự toán kinh phí chi chi quản lý hành chính không thực hiện chế độ tự chủ cho một số cơ quan quản lý nhà nước); Tuyên Quang (thành phố Tuyên Quang); Cao Bằng (Sở Xây dựng, Sở GTVT; Sở TN&MT; huyện Hạ Lang); Yên Bái (huyện Lục Yên); Thành phố Đà Nẵng.

⁷⁵ Tỉnh Quảng Ngãi; Lào Cai.

⁷⁶ Tỉnh Long An chưa bố trí vốn đối ứng đối với CTMTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo quy định điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016.

⁷⁷ Tỉnh Gia Lai chưa bố trí đủ vốn đối ứng 169 tỷ đồng đối với CTMTQG xây dựng nông thôn mới theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017.

⁷⁸ Tỉnh Gia Lai: Chi hỗ trợ cho người dân thuộc hộ nghèo với mức 5kg muối/nhân khẩu với tổng số tiền 26 tỷ đồng theo quy định tại Quyết định số 168/2001/QĐ-TTg đã hết hiệu lực.

⁷⁹ Tỉnh Gia Lai: Sử dụng nguồn kinh phí đảm bảo xã hội để chi hỗ trợ phát triển sản xuất (hỗ trợ mua con giống, cây giống) 47,5 tỷ đồng đối với các hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số nhưng tạm thời áp dụng theo Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp CTMTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai là chưa phù hợp do không phải nguồn CTMTQG giảm nghèo bền vững.

⁸⁰ Tỉnh Đăk Lăk: Bổ sung cho thành phố Buôn Ma Thuột 37 tỷ đồng.

⁸¹ Thành phố Đà Nẵng: Giao vượt 109 chỉ tiêu biên chế cho 10 tổ chức xã hội nghề nghiệp so với Bộ Nội vụ giao, làm tăng chi ngân sách 16,8 tỷ đồng.

⁸² Tỉnh Gia Lai 4,5 tỷ đồng (huyện Chư Puh, Ia Pa, Chư Păh); Bến Tre 8,5 tỷ đồng (cấp tỉnh 2,4 tỷ đồng, thành phố Bến Tre 6,1 tỷ đồng); Thanh Hóa 6 tỷ đồng (Thị xã Nghi Sơn, Bim Sơn).

⁸³ Trong đó: Thu nội địa 1.277.988 tỷ đồng tăng 8,9% so với dự toán giao (1.277.988/1.173.500 tỷ đồng), thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu 214.239 tỷ đồng tăng 13,2% so với dự toán giao (214.239/189.200 tỷ đồng), thu từ dầu thô 56.250 tỷ đồng tăng 26,1% (56.250/44.600 tỷ đồng), thu viện trợ 5.133 tỷ đồng tăng 28,3% (5.133/4.000 tỷ đồng) so với dự toán giao.

năm 2018 (1.553.611/1.431.662 tỷ đồng). Song kết quả tăng thu nội địa chủ yếu từ tiền sử dụng đất 63.738 tỷ đồng; thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của Ngân hàng Nhà nước 24.834 tỷ đồng và phát sinh một số khoản thu ngoài dự toán như: Trích từ Quỹ hoạt động ngành KBNN nộp NSNN 5.000 tỷ đồng, thu tăng thu từ các khoản thu hồi khoản chi năm trước 5.537 tỷ đồng.... Mặt khác, một số khoản thu chính từ hoạt động SXKD (khu vực DNNN, DN có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế ngoài quốc doanh chiếm khoảng 48,2% tổng thu nội địa) nhưng thực hiện năm 2019 đều hụt thu so với dự toán giao⁸⁴. Ngoài nguyên nhân do tình hình SXKD còn khó khăn thì nguyên nhân chính là do trong quá trình xây dựng dự toán đã đánh giá tốc độ tăng thu của khu vực SXKD cao hơn so với thực tế dẫn đến giao dự toán không sát⁸⁵.

(2) Trong năm, Bộ Tài chính còn quyết toán giảm thu NSNN đối với số hoàn trả các khoản thu NSNN năm trước chưa phù hợp quy định về hạch toán kế toán 9.082 tỷ đồng (Thu nội địa 3.005 tỷ đồng, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 9 tháng đầu năm 2019 là 6.077 tỷ đồng).

(3) Tình trạng hạch toán và kê khai thiếu doanh thu, xác định sai chi phí, từ đó tính thiếu thuế GTGT, thuế TNDN và lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN... vẫn diễn ra khá phổ biến tại các đơn vị được kiểm toán trực thuộc một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương. Kết quả kiểm toán, KTNN xác định số phải nộp NSNN **tăng thêm 5.103 tỷ đồng**.

(4) Trong năm 2019, KBNN đã trình được Bộ Tài chính vận dụng theo cơ chế thu NSNN đối với chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước⁸⁶ để nộp vào NSTW 5.000 tỷ đồng từ Quỹ phát triển hoạt động của ngành KBNN (được bổ sung từ nguồn thu nghiệp vụ của KBNN, đặc biệt là lãi tiền gửi có kỳ hạn từ các khoản ngân quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi). Song qua kiểm toán cho thấy: (i) Chưa có quy định về cơ chế nộp NSNN đối với số chênh lệch thu chi từ hoạt động nghiệp vụ ngân quỹ; (ii) Việc nộp NSNN đối với số chênh lệch thu chi từ hoạt động quản lý ngân quỹ nhà nước chưa có quy định tỷ lệ (năm 2019 nộp 5.000/7.967 tỷ đồng số dư Quỹ phát triển hoạt động ngành KBNN).

(5) Công tác quản lý thu, chống thất thu thuế

- Công tác quản lý thu tại một số cơ quan thuế còn tình trạng: Không hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đã được Tổng cục

⁸⁴ Thu từ khu vực DNNN đạt 92,9% dự toán giao (tương ứng hụt thu 12.653 tỷ đồng), thu từ khu vực DN có vốn ĐTNN (loại trừ tiền thuê đất, mặt nước không nằm trong dự toán giao đầu năm 1.985 tỷ đồng) đạt 98,3% dự toán giao (tương ứng hụt 3.519 tỷ đồng), thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 98,6% dự toán giao (tương ứng hụt 3.301 tỷ đồng).

⁸⁵ Việc hụt thu này diễn ra trong 03 năm liên tục từ năm 2017-2018: (i) Năm 2017: Thu DNNN đạt 88,46% so dự toán (147.238/166.441 tỷ đồng); DN có vốn đầu tư nước ngoài đạt 85,63% (172.165/201.057 tỷ đồng); khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 93,06% (180.925/194.419 tỷ đồng). (ii) Năm 2018: Thu DNNN đạt 92,09% so dự toán (153.323/166.469 tỷ đồng); DN có vốn đầu tư nước ngoài đạt 83,64% (186.372/222.823 tỷ đồng); khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đạt 96,17% (209.624/217.974 tỷ đồng).

⁸⁶ Điểm 4 Mục 3 Tờ trình số 220/TTr-KBNN ngày 19/7/2019.

Thuế giao⁸⁷; một số cuộc thanh tra, kiểm tra xử lý kết quả thanh, kiểm tra không phù hợp quy định⁸⁸; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế qua một số kết quả thanh tra, kiểm tra chưa đầy đủ⁸⁹; chậm lập biên bản kiểm tra, thanh tra⁹⁰ hoặc chậm ký biên bản kiểm tra⁹¹ so với quy định; chưa phân tích chuyên sâu để lựa chọn các nội dung trọng tâm cần kiểm tra theo quy định⁹²; hoàn thuế cho doanh nghiệp khi chưa thực hiện bù trừ các khoản phải nộp NSNN⁹³, hoàn thuế cho dự án sau khi đã kết thúc giai đoạn đầu tư⁹⁴, chưa đáp ứng đủ hồ sơ, thủ tục, chưa phản ánh đúng thời điểm phát sinh doanh thu⁹⁵.

- Một số trường hợp còn miễn, giảm tiền thuê đất cho cả thời gian chậm nộp hồ sơ, thủ tục miễn giảm chưa đúng quy định⁹⁶; ưu đãi thuế TNDN⁹⁷, miễn tiền thuê đất⁹⁸ chưa đáp ứng đầy đủ điều kiện ưu đãi; miễn tiền thuê đất thuộc lĩnh vực xã hội hóa nhưng cơ quan thuế chưa tham mưu cho Tỉnh để tổ chức kiểm tra đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện được ưu đãi⁹⁹; miễn giảm thuế cho hộ kinh doanh chưa phù hợp quy định¹⁰⁰.

(6) Việc quản lý tiền thuê đất, tiền sử dụng đất

Một số trường hợp chưa điều chỉnh lại đơn giá thuê đất khi hết thời gian ổn định đơn giá thuê¹⁰¹; chưa thực hiện kê khai đầy đủ, kịp thời tiền thuê đất phải nộp một lần¹⁰²; sử dụng đất nhưng chưa có quyết định thuê đất, hợp đồng thuê đất¹⁰³; chưa hoặc chậm lập bộ theo dõi quản lý thu đối với các đơn vị đã có hợp đồng thuê đất¹⁰⁴; cho hộ cá nhân thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử

⁸⁷ Tỉnh Hà Tĩnh (Công tác kiểm tra đạt 80%, thanh tra đạt 85% kế hoạch); thành phố Đà Nẵng (Cục Thuế chi hoàn thành 68,5% kế hoạch thanh tra).

⁸⁸ Thành phố Hồ Chí Minh; tỉnh Trà Vinh; Long An; Tiền Giang; Phú Thọ; Sóc Trăng; Đắk Lắk (CCT thành phố Buôn Ma Thuột); Bến Tre (Văn phòng Cục Thuế; CCT Châu Thành; CCT thành phố Bến Tre); Thanh Hóa (CCT Quảng Xương).

⁸⁹ Thành phố Cần Thơ (CCT khu vực Thốt Nốt - Vĩnh Thạnh); tỉnh Trà Vinh; Yên Bái; Tiền Giang; Gia Lai (Văn phòng Cục Thuế); Kiên Giang (Văn phòng Cục Thuế 01 hồ sơ); Bến Tre (Cục Thuế; CCT Thạnh Phú); Thanh Hóa (CCT Quảng Xương).

⁹⁰ Tỉnh Long An (03 hồ sơ).

⁹¹ Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (28 cuộc chậm ký biên bản không có văn bản gia hạn; 10 cuộc chậm nhưng có biên bản gia hạn); Đồng Nai (Văn phòng Cục Thuế 44 hồ sơ; CCT Biên Hòa 10 hồ sơ).

⁹² Thành phố Hồ Chí Minh; Gia Lai.

⁹³ Tỉnh Thừa Thiên Huế: Công ty CP Đầu tư Thủy Điện Miền Trung Việt Nam nợ tiền thuê đất 0,08 tỷ đồng.

⁹⁴ Tỉnh Thừa Thiên Huế: Công ty CP Đầu tư Thủy Điện Miền Trung Việt Nam số tiền 1,3 tỷ đồng.

⁹⁵ Tỉnh Thái Bình: Ban quản lý dự án Điện lực dầu khí Thái Bình 2 chưa có hồ sơ chấp thuận giảm tiền độ đầu tư; Công ty TNHH TM và VT Tín Thành Hưng chưa phản ánh đúng thời điểm phát sinh doanh thu của dự án.

⁹⁶ Tỉnh Lào Cai; Gia Lai; thành phố Đà Nẵng.

⁹⁷ Trà Vinh (01 doanh nghiệp); thành phố Đà Nẵng (03 doanh nghiệp); Sóc Trăng (01 doanh nghiệp).

⁹⁸ Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (03 doanh nghiệp); Quảng Ngãi (03 dự án xã hội hóa); Đồng Nai (01 đơn vị); Ninh Bình (05 doanh nghiệp).

⁹⁹ Tỉnh Trà Vinh (05 đơn vị); Lạng Sơn (Cục Thuế 03 đơn vị; CCT khu vực IV tại huyện Văn Quan 01 đơn vị).

¹⁰⁰ Tỉnh Gia Lai (66 lượt hộ kinh doanh tại địa bàn huyện Chư Pưh); Lào Cai (huyện Bát Xát 83 hộ kinh doanh)

¹⁰¹ Thành phố Đà Nẵng; tỉnh Lâm Đồng, Lạng Sơn, Hải Dương, Trà Vinh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Lào Cai, Phú Yên, Thanh Hóa, Đắk Lắk, Bắc Giang, Thái Nguyên, Đồng Nai, Gia Lai, Kiên Giang.

¹⁰² Tỉnh Long An: Đất đã cho thuê lại theo hình thức thuê đất thu tiền một lần cho cả thời gian thuê trước ngày 01/7/2014

¹⁰³ Thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng; tỉnh Bắc Giang.

¹⁰⁴ Tỉnh Thái Bình (03 doanh nghiệp); Nam Định (14 hộ, 01 tổ chức và 02 doanh nghiệp).

dụng đất đối với đất sử dụng cho thương mại, dịch vụ chưa đúng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013¹⁰⁵; xác định tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của một số dự án chưa phù hợp quy định¹⁰⁶; chuyển mục đích sử dụng đất chưa đáp ứng các điều kiện theo quy định¹⁰⁷; các đơn vị sự nghiệp công lập chưa tính và kê khai nộp tiền thuê đất đối với diện tích đất sử dụng kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết¹⁰⁸; chưa thu tiền thuê đất của các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính do tỉnh và Trung ương quản lý đóng trên địa bàn (tỉnh Kiên Giang); đã hết thời hạn thuê đất theo hợp đồng đơn vị thuê vẫn đang quản lý sử dụng nhưng chưa xử lý đất cho thuê theo quy định¹⁰⁹; chậm ban hành giá đất để thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với một số dự án đã được giao đất¹¹⁰; chưa kịp thời ban hành giá đất của một số dự án có giá trị thửa đất trên 20 tỷ đồng¹¹¹; sử dụng đất để khai thác khoáng sản nhưng chưa nộp tiền thuê đất¹¹²; đấu giá các khu đất khi chưa hoàn thành GPMB, toàn bộ các dự án BOT trên địa bàn chưa xác định tiền thuê đất theo quy định (tỉnh Đồng Nai). Ngoài ra, tỉnh Thái Nguyên còn hạch toán vào thu NSNN năm 2019 để cân đối chi đối với khoản tạm nộp tiền sử dụng đất nhưng đến thời điểm kiểm toán chưa có quyết định giao đất cho doanh nghiệp 105,7 tỷ đồng; tỉnh Lạng Sơn điều tiết các khoản thu tiền sử dụng đất tại cấp huyện cho ngân sách tỉnh chưa phù hợp với Nghị quyết HĐND; tỉnh Thanh Hóa, HĐND còn ban hành chính sách hỗ trợ 100% tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất thực hiện dự án, kinh doanh khai thác chợ thuộc địa bàn xã ở các huyện chưa phù hợp quy định.

Qua kiểm toán công tác quản lý đất đai tại một số dự án giao đất, cho thuê đất cho thấy còn tồn tại như: Giao đất cho dự án có xây dựng nhà ở thương mại nhưng không thực hiện đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư theo quy định¹¹³. Giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án khi chưa hoàn thành GPMB theo quy định tại Điều 53 Luật Đất đai 2013¹¹⁴; chưa bố trí đủ 20% tổng diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định¹¹⁵. Tại tỉnh Long An, còn phê duyệt chủ trương đầu tư khi dự án chưa lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, giãn tiến độ đầu tư cho các dự án trên 24 tháng chưa phù hợp, không thẩm định về điều kiện giao đất, cho thuê đất quy định tại một số dự án,

¹⁰⁵ Tỉnh Bến Tre, Thanh Hóa.

¹⁰⁶ Thành phố Hải Phòng, tỉnh Long An, Thanh Hóa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Yên Bái.

¹⁰⁷ Tỉnh Trà Vinh (huyện Trà Cú).

¹⁰⁸ Thành phố Cần Thơ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

¹⁰⁹ Thành phố Đà Nẵng (04 doanh nghiệp); Cần Thơ (qua chọn mẫu tại CCT quận Ninh Kiều, CCT khu vực Thốt Nốt - quận Thốt Nốt); tỉnh Quảng Ngãi (10 doanh nghiệp); Kiên Giang (08 đơn vị thuê đất tại thành phố Rạch Giá).

¹¹⁰ Thành phố Cần Thơ (một số dự án giao đất từ năm 2018, 2019 đến thời điểm kiểm toán chưa ban hành giá đất); Đà Nẵng (01 dự án chậm 12 tháng, 02 dự án chậm hơn 24 tháng, 02 dự án đến thời điểm kiểm toán đã chậm hơn 12 tháng nhưng chưa ban hành giá đất); tỉnh Kiên Giang (09 dự án giao đất từ năm 2018, 2019 thời điểm kiểm toán chưa ban hành giá đất).

¹¹¹ Tỉnh Thừa Thiên Huế: Công ty Cổ phần Đầu tư Vinh Thanh; Công ty TNHH Rạp chiếu phim- Thể thao và Giải trí Ngôi sao Huế; Công ty Cổ phần du lịch Mỹ An.

¹¹² Tỉnh Thái Nguyên (11 đơn vị); Lai Châu (09 đơn vị); thành phố Cần Thơ (06 đơn vị).

¹¹³ Thành phố Cần Thơ, tỉnh Kiên Giang.

¹¹⁴ Thành phố Hải Phòng (01 Dự án).

¹¹⁵ Thành phố Cần Thơ (Dự án khu dân cư Cái Sơn Hàng Bàng mở rộng và khu dân cư 91B giai đoạn 3); Thành phố Hải Phòng (Giai đoạn 2 của Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị dịch vụ - thương mại và nhà ở công nhân Tràng Duệ); tỉnh Kiên Giang (02 dự án phát triển nhà ở thương mại tại thành phố Rạch Giá).

văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất thiếu các nội dung theo quy định; điều chỉnh chủ trương đầu tư, mục tiêu dự án từ khu tái định cư sang khu dân cư, tái định cư chưa có quyết định cơ quan thẩm quyền, giao đất, cho thuê đất theo tiến độ bồi thường GPMB chưa phù hợp với tiến độ đầu tư đã được phê duyệt.

(7) Một số địa phương còn tình trạng khai thác khoáng sản nhưng chưa có hợp đồng thuê đất, chưa xác định tiền thuê đất phải nộp¹¹⁶; khai thác khoáng sản chưa có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền¹¹⁷, giấy phép đã hết hạn¹¹⁸; chưa xác định, nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước¹¹⁹; chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra để xử lý theo quy định đối với các trường hợp khai thác khoáng sản vượt công suất¹²⁰; doanh nghiệp chưa thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản song Bộ TN&MT và UBND tỉnh chưa thực hiện rà soát, xem xét thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định (tỉnh Bình Phước); chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định, cho phép chuyển nhượng mỏ khai thác khoáng sản khi không đủ điều kiện chuyển nhượng, chưa thu hồi mỏ đã cấp phép khi quá thời hạn không xây dựng mỏ, khai thác khoáng sản ngoài phần diện tích nhà nước cho thuê (tỉnh Đồng Nai); chưa ban hành đầy đủ tỷ lệ quy đổi khoáng sản nguyên khai để có căn cứ xác định phí bảo vệ môi trường (tỉnh Thái Nguyên).

(8) Về quản lý nợ thuế

- Nợ thuế do cơ quan thuế quản lý: Tổng số nợ đến 31/12/2019 là 99.705 tỷ đồng, tăng 15% (13.025 tỷ đồng) so với năm 2018 (99.705/86.680 tỷ đồng), trong đó: Nợ có khả năng thu tăng 9,8% (4.205 tỷ đồng); nợ khó thu tăng 16% (6.243 tỷ đồng); nợ đang xử lý tăng 44,4% (2.576 tỷ đồng). Qua kiểm toán cho thấy 58/63 các địa phương có dư nợ khó thu tăng, trong đó một số địa phương có mức tăng cao¹²¹. Số nợ thuế đến 31/12/2019 bằng 8,17% số thực thu NSNN năm 2019 do ngành thuế quản lý, chưa đạt mức phấn đấu dưới 5% theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ. Có 22/40 Cục Thuế được kiểm toán tổng hợp chưa đầy đủ số liệu nợ đọng thuế 1.927,8 tỷ đồng¹²²; phần

¹¹⁶ Tỉnh Lào Cai, Hà Giang; Nam Định (07 đơn vị khai thác khoáng sản, 05 đơn vị khai thác tài nguyên nước; Thừa Thiên Huế: 09 doanh nghiệp khai thác khoáng sản); Thái Bình (13 doanh nghiệp khai thác tài nguyên nước, trong đó 09 trường hợp đã được nêu trong BCKT NSĐP năm 2018 nhưng đến nay chưa được khắc phục).

¹¹⁷ Thành phố Hải Phòng (CCT khu vực Vĩnh Bảo - Tiên Lãng: 03 doanh nghiệp khai thác nước); tỉnh Nghệ An (huyện Đô Lương 15 doanh nghiệp; Quỳnh Hợp 03 doanh nghiệp; Tân Kỳ 02 doanh nghiệp); Tiền Giang (một số đơn vị khai thác tài nguyên nước đã kê khai nộp thuế tài nguyên); Hà Giang (03 đơn vị khai thác tài nguyên nước); Bắc Giang (huyện Hiệp Hòa 03 đơn vị); Đắk Lắk (huyện Krông Pắc: Các đơn vị và hộ cá nhân khai thác đất sét làm gạch); Thái Nguyên (09 đơn vị); Thanh Hóa (05 đơn vị đã kê khai, nộp thuế tài nguyên).

¹¹⁸ Tỉnh Nam Định: 05 đơn vị với 05 mỏ khoáng sản; 01 đơn vị khai thác tài nguyên nước.

¹¹⁹ Tỉnh Lào Cai, Hà Giang, Bình Phước.

¹²⁰ Thái Nguyên (09 điểm mỏ).

¹²¹ Thành phố Hà Nội tăng 22% (số tuyệt đối tăng 1.573 tỷ đồng); Thành phố Hồ Chí Minh tăng 16% (số tuyệt đối tăng 1.718 tỷ đồng); thành phố Cần Thơ tăng 55% (số tuyệt đối tăng 237 tỷ đồng), tỉnh Bình Dương tăng 35% (số tuyệt đối tăng 257 tỷ đồng) ...

¹²² Cục Thuế Hà Nội 659 tỷ đồng, Bắc Ninh 373 tỷ đồng, Đà Nẵng 236 tỷ đồng, Yên Bái 194 tỷ đồng, Lạng Sơn 92 tỷ đồng, Phú Yên 83 tỷ đồng, Tuyên Quang 55 tỷ đồng, Lai Châu 46 tỷ đồng, Thái Nguyên 42 tỷ đồng, Hà Tĩnh 38 tỷ đồng, Bình Phước 36 tỷ đồng, Lâm Đồng 36 tỷ đồng, Tiền Giang 4 tỷ đồng, Trà Vinh 3 tỷ đồng, Ninh

lớn các Cục Thuế chưa hoàn thành chỉ tiêu Tổng cục Thuế giao về thu nợ thuế trong năm 2019¹²³; một số cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế¹²⁴ chưa đầy đủ, kịp thời, triệt để.

- Nợ thuế do cơ quan hải quan quản lý: Nợ quá hạn đến 31/12/2019 là 7.047 tỷ đồng, tăng 4,9% (327 tỷ đồng) so với năm 2018, bằng 2,03% số thu ngành Hải quan năm 2019, cụ thể: (i) Nợ quá hạn về thuế chuyên thu 5.582 tỷ đồng, tăng 6,8% (355 tỷ đồng)¹²⁵; (ii) Nợ quá hạn về thuế tạm thu 1.465 tỷ đồng, giảm 1,8% (27 tỷ đồng)¹²⁶. Ngoài ra, còn 17/36 Cục Hải quan có số nợ đọng thuế chuyên thu quá hạn tăng so với năm 2018, trong đó có một số Cục Hải quan có số nợ tăng cao¹²⁷.

2.2. Chi ngân sách nhà nước

Dự toán chi NSNN 1.633.300 tỷ đồng, quyết toán 1.526.892 tỷ đồng, bằng 93,5% dự toán (giảm 106.407 tỷ đồng). Tình hình thực hiện như sau:

2.2.1. Chi đầu tư phát triển

Dự toán 429.300 tỷ đồng, quyết toán 420.779 tỷ đồng, bằng 98% so với dự toán, chiếm 27,56% tổng quyết toán chi NSNN theo dự toán Quốc hội giao (420.779/1.526.893 tỷ đồng), bằng 7,0% GDP, gồm: (i) NSTW 65.751 tỷ đồng, đạt 60% so với dự toán¹²⁸; (ii) NSDP 355.028 tỷ đồng, bằng 111% so với dự toán nhờ nguồn năm trước chuyển sang theo quy định; (iii) Chi bổ sung dự trữ quốc gia quyết toán 1.701 tỷ đồng, bằng 154% so với dự toán nhờ được bổ sung từ nguồn dự phòng NSTW và từ nguồn năm trước chuyển sang để mua bù hàng dự trữ quốc gia theo quy định. Kết quả kiểm toán cho thấy:

(1) Về hoạt động xây dựng và quản lý vốn đầu tư

Bình 0,5 tỷ đồng, Ninh Thuận 24 tỷ đồng, Quảng Trị 0,7 tỷ đồng, Quảng Bình 0,4 tỷ đồng, Cần Thơ 0,3 tỷ đồng, Hà Giang 2,43 tỷ đồng, Cao Bằng 2,4 tỷ đồng, Quảng Ngãi 0,07 tỷ đồng.

¹²³ Ngoài nguyên nhân chủ quan của Cục Thuế còn do khi giao chỉ tiêu thu nợ cho các Cục Thuế, Tổng cục Thuế đã loại trừ khoản tiền thuế nợ dự kiến được khoan nợ, xóa nợ, tuy nhiên đến 26/11/2019 Quốc hội mới ban hành Nghị quyết làm căn cứ để xử lý.

¹²⁴ Thành phố Đà Nẵng (06 doanh nghiệp); Hải Phòng (Văn phòng Cục Thuế; CCT khu vực Vĩnh Bảo - Tiên Lãng; CCT khu vực Ngô Quyền - Hải An); Cần Thơ (Văn phòng Cục Thuế và 04/4 CCT được kiểm toán); tỉnh Ninh Thuận (CCT huyện Thuận Nam); Bà Rịa - Vũng Tàu (Cục Thuế; CCT thị xã Phú Mỹ); Tiền Giang (Cục Thuế; CCT huyện Châu Thành); Gia Lai (Văn phòng Cục Thuế; CCT thành phố Pleiku; CCT khu vực Chư Sê - Chư Puh địa bàn huyện Chư Puh; CCT huyện Chư Prong; CCT khu vực AyunPa - Phú Thiện - Ia Pa địa bàn huyện Ayun Pa); Kiên Giang (Văn phòng Cục Thuế và 05 CCT được kiểm toán); Quảng Ninh (CCT thành phố Móng Cái); Đồng Nai (CCT Biên Hòa); Ninh Bình (CCT huyện Kim Sơn, Yên Khánh); Lạng Sơn (Cục thuế và các CCT được kiểm toán); Bình Phước (CCT huyện Chơn Thành, CCT khu vực Đồng Xoài - Đồng Phú); Lai Châu; Cao Bằng; Thanh Hóa.

¹²⁵ Nợ khó thu tăng 7% (tương ứng tăng 27 tỷ đồng); nợ có khả năng thu tăng 27% (tương ứng tăng 346 tỷ đồng); nợ chờ xóa, xét miễn giảm 20,4% (tương ứng giảm 18 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm trước.

¹²⁶ Nợ khó thu giảm 1,9% (tương ứng giảm 23 tỷ đồng); nợ chờ xóa, xét miễn, giảm, được giãn, khoan, gia hạn giảm 14,9% (tương ứng giảm 0,3 tỷ đồng); nợ có khả năng thu giảm 1,6% (tương ứng giảm 4,1 tỷ đồng).

¹²⁷ Cục Hải quan Lào Cai tăng 1.967% tương đương 222 tỷ đồng; Cục Hải quan Hồ Chí Minh tăng 2% tương đương 53,7 tỷ đồng, Bắc Ninh tăng 41%, tương đương 43 tỷ đồng, Bình Dương tăng 50% tương đương 30 tỷ đồng, Đồng Nai tăng 80% tương đương 9,9 tỷ đồng và Long An tăng 144% tương đương 5 tỷ đồng...

¹²⁸ Nguyên nhân chủ yếu do một số dự án triển khai chậm, nhất là dự án sử dụng vốn ngoài nước nên hủy dự toán và một số nội dung chuyển nguồn sang năm sau theo quy định.

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chưa đầy đủ¹²⁹; phê duyệt chủ trương khi chưa xác định rõ nguồn và khả năng cân đối vốn¹³⁰, chưa sát thực tế¹³¹, chưa có báo cáo đánh giá tác động môi trường¹³²; phê duyệt không phù hợp quy hoạch¹³³; xác định TMĐT chưa đầy đủ căn cứ¹³⁴; bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư khi chưa thẩm định lại nguồn vốn và khả năng cân đối vốn¹³⁵.

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án: Thẩm định điều chỉnh dự án chậm¹³⁶, không đúng thẩm quyền¹³⁷; phê duyệt dự án không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn¹³⁸, chưa phù hợp với chủ trương đầu tư¹³⁹, chưa có báo cáo đánh giá tác động môi trường¹⁴⁰, chưa xác định rõ nguồn vốn¹⁴¹, chưa đầy

¹²⁹ Chuyên đề việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của VKSND tối cao: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chưa chi tiết tiến độ thực hiện triển khai dự án, chưa có nội dung về điều kiện để thực hiện đầu tư (07 dự án), chưa xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành (10 dự án).

¹³⁰ (i) Dự án đường trục Khu kinh tế nổi dài (giai đoạn 1) và Dự án đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00-Km18+500; (ii) TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng; các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Long An, Sóc Trăng, Hải Dương, Lâm Đồng, Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Kon Tum, Đồng Nai.

¹³³ Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (Diễn Châu - Bãi Vọt; Nha Trang - Cam Lâm; Cam Lâm - Vĩnh Hảo; Vĩnh Hảo - Phan Thiết): Lập và phê duyệt chủ trương đầu tư một số tiểu dự án hạ tầng tái định cư còn chưa sát với thực tế dẫn đến khi triển khai thực hiện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư. Nguyên nhân do điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 khu tái định cư, điều chỉnh quy mô đầu tư và điều chỉnh giảm dự toán TMĐT.

¹³² Dự án đầu tư xây dựng nút giao Nam cầu Bính, Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường nối từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng); Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít (Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 6 - Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn).

¹³³ TP. Cần Thơ 01 dự án; các tỉnh: Quảng Ngãi 02 dự án; Phú Yên 01 dự án.

¹³⁴ Các dự án đường sắt và đường bộ quan trọng, cấp bách theo Nghị quyết số 556/NQ-UBTVQH14 ngày 31/7/2018 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đường cải tạo với TMĐT tạm tính bằng khoảng 70% suất đầu tư của đường làm mới là chưa có căn cứ (Dự án Quốc lộ 25).

¹³⁵ Bộ Tài chính chưa thực hiện theo quy định đối với Tổng cục Thuế.

¹³⁶ Bộ NN&PTNT: Dự án Hồ chứa nước Nậm Cát, tỉnh Bắc Kạn phê duyệt chậm 350 ngày; Hệ thống tiêu úng Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa phê duyệt chậm 120 ngày.

¹³⁷ Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa Kiên Giang: Sở Xây dựng thẩm định điều chỉnh dự án nhóm A không đúng thẩm quyền (thuộc Bộ Xây dựng).

¹³⁸ TP. Đà Nẵng 03 dự án.

¹³⁹ (i) Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 991B từ QL51 đến hạ lưu cảng Cái Mép, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Cơ cấu nguồn vốn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ gồm NSTW là 3.232 tỷ đồng, NSĐP và các nguồn vốn hợp pháp khác 803 tỷ đồng, Quyết định phê duyệt dự án là NSTW và các nguồn vốn khác; (ii) Bộ TN&MT: Dự án tăng cường năng lực thiết bị thi công các nhiệm vụ điều tra địa chất - khoáng sản, tai biến địa chất và môi trường địa chất; (iii) Tổng cục Thuế: Dự án Cục Thuế thành phố Hải Phòng; dự án Cục Thuế tỉnh Đồng Nai, dự án Chi cục Thuế thành phố Hòa Bình; dự án Chi cục Thuế TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; dự án Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp; dự án Chi cục Thuế huyện Kim Động.

¹⁴⁰ (i) Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 991B từ QL51 đến hạ lưu cảng Cái Mép, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (ii) Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Sơn La; (iii) Dự án đầu tư xây dựng cầu Tỉnh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; (iv) Dự án Đập ngăn mặn sông Hiếu, tỉnh Quảng Trị: Điều chỉnh dự án trước khi có báo cáo đánh giá tác động môi trường, (v) Dự án Hồ chứa nước Sông Lũy (Bộ NN&PTNT); (vi) các tỉnh Quảng Ninh 04 dự án, Quảng Ngãi 03 dự án, Lai Châu, Lào Cai, Ninh Bình: Mỗi tỉnh 02 dự án, Sóc Trăng, Thanh Hóa: Mỗi tỉnh 01 dự án.

¹⁴¹ (i) Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 991B từ QL51 đến hạ lưu cảng Cái Mép, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu điều chỉnh dự án khi chưa xác định rõ nguồn vốn bố trí; (ii) Dự án Đường cát hạ cánh số 02 -

đủ thủ tục¹⁴², chưa được thỏa thuận về quy hoạch¹⁴³ hoặc chưa phù hợp quy hoạch¹⁴⁴, chưa xem xét đầy đủ các yếu tố¹⁴⁵, chưa phù hợp thực tế¹⁴⁶; thiếu thông tin về tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng¹⁴⁷, số bước thiết kế¹⁴⁸, phương án bồi thường GPMB, phương án bảo vệ môi trường¹⁴⁹; khảo sát, lập và phê duyệt dự án chưa đầy đủ¹⁵⁰, chưa hợp lý phải điều chỉnh¹⁵¹; xác định TMĐT thiếu chính xác, trong đó có dự án tỷ lệ điều chỉnh lớn¹⁵²; điều chỉnh TMĐT không đúng quy định¹⁵³; quy mô sàn xây dựng chưa tuân thủ tiêu chuẩn, định mức¹⁵⁴; xác định chi phí đền bù, GPMB trong TMĐT chưa phù hợp thực tế phải điều chỉnh, làm vượt KHV trung hạn¹⁵⁵; chưa có giải pháp triệt để dẫn đến phải bổ sung

Cảng hàng không Quốc tế Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa: Không thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; (iii) Dự án đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Nội Bài, TP. Hà Nội.

¹⁴² Dự án xây dựng Trụ sở Hội Nhà báo Việt Nam tại TP. HCM: Phê duyệt chưa lấy ý kiến của Sở Xây dựng.

¹⁴³ Dự án đầu tư xây dựng nút giao Nam cầu Bính (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng); Dự án xây dựng Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí - Trung tâm thông tin tư liệu (Hội nhà báo Việt Nam).

¹⁴⁴ Các tỉnh Quảng Bình 02 dự án, Lào Cai 02 dự án, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bến Tre: Mỗi tỉnh 01 dự án, TP. Hải Phòng 01 dự án.

¹⁴⁵ (i) Dự án xây dựng đường giao thông liên kết các vùng phát triển kinh tế xã hội phía Đông tỉnh Hà Giang giáp tỉnh Cao Bằng (đường tỉnh: Ngọc Đường - Tùng Bá - Tráng Kim) (tỉnh Hà Giang): Chưa xem xét đầy đủ mức độ ảnh hưởng đến khu vực lõi của rừng đặc dụng của Vườn quốc gia Du Già - Cao nguyên đá Đồng Văn; (ii) Dự án Nâng cấp đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp đường giao thông đoạn Bái Đình đi Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình) chưa xem xét, đánh giá đầy đủ yếu tố về vốn, chưa đánh giá khả năng huy động vốn; (iii) Chuyên đề việc quản lý sử dụng vốn đầu tư giai đoạn 2017-2019 thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh: Thiếu đánh giá về khả năng bảo đảm các yếu tố để thực hiện dự án, thiếu đánh giá tác động liên quan đến an toàn trong xây dựng phòng chống cháy nổ (Dự án Trường tiểu học và THCS Bạch Đằng, phường Bạch Đằng).

¹⁴⁶ Dự án Đập ngăn mặn sông Hiếu, tỉnh Quảng Trị: Phải điều chỉnh tăng TMĐT 79 tỷ đồng nên chưa đầu tư được một số hạng mục để phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn.

¹⁴⁷ (i) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường nối từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng); (ii) Chuyên đề việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của VKSND tối cao: 04 dự án; (iii) Chuyên đề việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 của Bộ Tư pháp: Các dự án do Tổng cục THADS quyết định đầu tư.

¹⁴⁸ Dự án đầu tư xây dựng nút giao Nam cầu Bính (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng).

¹⁴⁹ Dự án cải tạo, nâng cấp QL3B đoạn Xuất Hóa - cửa khẩu Pò Mã (Km0-Km66+600) giai đoạn 2 (Sở GTVT tỉnh Bắc Cạn tỉnh Bắc Cạn).

¹⁵⁰ Dự án đường trục Khu kinh tế nổi dài (giai đoạn 1) và Dự án đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00-Km18+500 (tỉnh Bình Định): Phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, thiết kế không lập lưới khống chế mặt bằng hạng IV, lưới đường truyền cấp 2, lưới độ cao hạng IV, lưới cấp độ cao cấp kỹ thuật.

¹⁵¹ Dự án đầu tư xây dựng nút giao Nam cầu Bính (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng).

¹⁵² Dự án xây dựng Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí - Trung tâm thông tin tư liệu (Hội nhà báo Việt Nam): Điều chỉnh tăng 45,9%.

¹⁵³ Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Sơn La: Điều chỉnh TMĐT tăng 200 tỷ nhưng chưa báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và chưa được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

¹⁵⁴ (i) Dự án trường tiểu học và THCS Bạch Đằng, phường Bạch Đằng diện tích phòng y tế học đường 19,6m², chưa đảm bảo diện tích theo tiêu chuẩn (24m²) (Chuyên đề việc quản lý sử dụng vốn đầu tư giai đoạn 2017-2019 thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh); (ii) Dự án xây dựng trụ sở Cục THADS tỉnh Bình Dương, Dự án xây dựng trụ sở Cục THADS thành phố Hà Nội: Diện tích phòng làm việc cho một số chức danh lãnh đạo vượt quá tiêu chuẩn, định mức.

¹⁵⁵ Dự án Hồ chứa nước Sông Lũy (Bộ NN&PTNT): Chi phí đền bù, GPMB giai đoạn BCNCKT bằng chi phí được Bộ NN&PTNT phê duyệt chủ trương đầu tư (300 tỷ đồng), nhu cầu vốn đền bù, GPMB lòng hồ đến cao trình thiết kế cân bổ sung 475 tỷ đồng, vượt KHV trung hạn 207 tỷ đồng. Để đảm bảo cân đối nguồn vốn trung

trong quá trình thực hiện dự án¹⁵⁶; chưa có phương án đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn đầu tư¹⁵⁷. UBND tỉnh phê duyệt 02 dự án có các hạng mục trùng nhau¹⁵⁸.

- Công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt dự toán, TKKT, BVTC: Phê duyệt thiết kế BVTC khi chưa đủ thủ tục¹⁵⁹, chưa phù hợp với hồ sơ khảo sát địa chất¹⁶⁰; hồ sơ khảo sát chưa đầy đủ¹⁶¹, chính xác¹⁶², kịp thời¹⁶³; thiết kế chưa hợp lý¹⁶⁴, chưa đảm bảo tính kinh tế¹⁶⁵, chưa tuân thủ đầy đủ tiêu chuẩn kỹ thuật¹⁶⁶, thiếu cơ sở¹⁶⁷; chỉ dẫn kỹ thuật chưa phù hợp với hồ sơ yêu cầu và hợp

hạn, Bộ NN&PTNT điều chỉnh cơ cấu TMĐT trên cơ sở điều chỉnh phạm vi đền bù GPMB từ cao trình +130m xuống cao trình +126m dẫn tới hồ chứa chưa tích đủ nước so với thiết kế.

¹⁵⁶ Dự án đường sắt đoạn Hà Nội - Vinh (Bộ GTVT): Chưa có giải pháp triệt để giải phóng hành lang an toàn giao thông đường sắt dẫn đến việc phải cải tạo và đầu tư mới đường gom để kéo dài đường gom hiện có đến các đường ngang gần nhất nằm trong hành lang an toàn đường sắt là chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 17 Luật Đường sắt.

¹⁵⁷ Dự án đường sắt đoạn Nha Trang - Sài Gòn, Dự án đường sắt đoạn Hà Nội - Vinh (Bộ GTVT) chưa có phương án xử lý số ray cũ.

¹⁵⁸ Tỉnh Quảng Ninh: Dự án Hạ tầng kết nối Quốc lộ 18 vào khu nghỉ dưỡng khoáng nóng cao cấp Quang Hanh; Dự án Đường kết nối từ QL18 với đường bao biển Hạ Long-Cẩm Phả và chỉnh trang đô thị tại phường Quang Hanh.

¹⁵⁹ (i) Dự án Nâng cấp đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp đường giao thông đoạn Bái Đính đi Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình) chưa thực hiện đầy đủ các thủ tục thẩm định các gói thầu xây lắp; (ii) Dự án đường trục Khu kinh tế nối dài (giai đoạn 1) (tỉnh Bình Định) chưa thẩm tra trước khi điều chỉnh thiết kế.

¹⁶⁰ Dự án Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên QL25 (Bộ GTVT): Chiều dày lớp hữu cơ trên trục ngang bản vẽ thi công một số đoạn tuyến (gói thầu 3.12) là 30cm chưa phù hợp với hồ sơ khảo sát địa chất (60cm).

¹⁶¹ Dự án đầu tư xây dựng nút giao Nam cầu Bình (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng) không khảo sát theo đề cương riêng.

¹⁶² (i) Dự án nâng cấp quốc lộ 30, đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp: Khảo sát công trình hiện hữu chưa phù hợp phải điều chỉnh; (ii) Dự án Nâng cấp đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp đường giao thông đoạn Bái Đính đi Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình) chưa đánh giá được đầy đủ các điều kiện địa chất phải bổ sung tầng chiều sâu xử lý nền đất yếu; (iii) TAND tối cao: Dự án Trụ sở TAND huyện Tân Uyên (Lai Châu), TAND huyện Kỳ Anh (Hà Tĩnh); (iv) Bộ NN&PTNT: Kết quả khảo sát các dự án chưa phù hợp với thực tế, giải pháp thiết kế chưa triệt để dẫn đến phải điều chỉnh thiết kế trong quá trình thực hiện; (v) Bộ GD&ĐT: Dự án ĐTXD Trường Đại học Việt Đức (thành phần 3 thuộc Dự án xây dựng Trường Đại học Việt Đức), Dự án ĐTXD Trường Đại học Luật TP.Hồ Chí Minh giai đoạn 1, Dự án ĐTXD Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh, Dự án Khu nghiên cứu và phát triển, đào tạo quốc tế - Trường Đại học Thương Mại, Dự án ĐTXD Giảng đường H3, Trường Đại học Xây dựng, Dự án cải tạo, xây dựng Trường Thực nghiệm KHGD, Dự án ĐTXD hoàn thiện Trường Đại học Tây Bắc.

¹⁶³ Dự án đầu tư xây dựng cầu Tinh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang chưa tổ chức khoan khảo sát địa chất trước khi thiết kế.

¹⁶⁴ (i) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường nối từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng) thiết kế rãnh thoát nước dọc sử dụng vật liệu gạch nung theo TCVN 1451:1998, mà không sử dụng vật liệu không nung theo Thông tư số 09/2012/TT-BXD.

¹⁶⁵ Dự án thành phần đầu tư xây dựng cầu Mỹ Thuận 2 và đường dẫn hai đầu cầu thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (Bộ GTVT): Không sử dụng phương án vận chuyển đầm trực tiếp mà bố trí bãi chứa đầm ngay cạnh cầu.

¹⁶⁶ (i) Dự án nâng cấp quốc lộ 30, đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp: Thiết kế vỉa hè kỹ thuật lót nền chưa tuân thủ TCVN9844:2013; (ii) Dự án cải tạo, nâng cấp QL3B đoạn Xuất Hóa - cửa khẩu Pò Mã (Km0-Km66+600) giai đoạn 2 (Sở GTVT tỉnh Bắc Cạn): Thiết kế hàng rào tôn lượn sóng thấp hơn tiêu chuẩn TCVN12681:2019 là 05cm; (iii) các tỉnh Long An, Kiên Giang, Yên Bái, Bình Phước, Đồng Nai: Mỗi địa phương 01 dự án, Thanh Hóa 03 dự án; (iii) Bộ GTVT: Lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán trong đó công tác tưới nhựa thấm bám bằng nhựa pha dầu chưa đúng yêu cầu kỹ thuật TCVN 8819: 2011 và chỉ dẫn kỹ thuật.

¹⁶⁷ (i) Dự án Nâng cấp đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp đường giao thông đoạn Bái Đính đi Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình): Thiết kế khi chưa có kết quả khảo sát về địa chất, thủy văn, đánh giá tình hình xói lở thực tế; (ii) Dự án Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên QL25 (Bộ GTVT): Thiếu tính toán và kiểm soát lún nền đường đoạn chuyển tiếp giữa đường và cống.

đồng¹⁶⁸; hồ sơ thiết kế chưa chi tiết, đầy đủ, tính toán sai khối lượng, đơn giá, thiết kế chưa sát thực tế phải điều chỉnh còn xảy ra tại nhiều dự án.

- Việc chấp hành pháp luật đấu thầu: Theo báo cáo của Bộ KH&ĐT¹⁶⁹, hiệu quả hoạt động đấu thầu còn tồn tại: (i) Một số cơ quan, đơn vị chưa triển khai quyết liệt đấu thầu tập trung và hiệu quả thực hiện còn thấp¹⁷⁰; (ii) Một số quy định chưa đồng bộ, thống nhất giữa Luật Đấu thầu và các luật chuyên ngành vẫn chưa được giải quyết triệt để, gây khó khăn cho nhà thầu trong quá trình thực hiện; (iii) Nhiều dự án, gói thầu trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị áp dụng chỉ định thầu không đúng quy định; một số gói thầu cấp bách được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận áp dụng Điều 26 Luật Đấu thầu nhưng triển khai chậm trễ, không đúng theo phương án đề xuất, không kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ làm ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện gói thầu...; (iv) Tỷ lệ đấu thầu qua mạng chưa đạt chỉ tiêu về tỷ lệ số lượng gói thầu theo lộ trình quy định; việc công khai thông tin trong đấu thầu chưa đảm bảo yêu cầu...

Ngoài ra, qua kiểm toán công tác lựa chọn nhà thầu cho thấy còn một số hạn chế sau: Không lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư trước khi thực hiện¹⁷¹; lựa chọn nhà thầu chậm¹⁷²; chỉ định thầu khi chưa có kế hoạch lựa chọn nhà thầu¹⁷³, chưa có dự toán được duyệt¹⁷⁴; hồ sơ mời thầu (hồ sơ yêu cầu) nêu rõ yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa¹⁷⁵; chỉ định thầu¹⁷⁶, phân chia gói thầu¹⁷⁷ không đúng quy định; chậm¹⁷⁸ hoặc không đăng tải thông tin về đấu thầu¹⁷⁹; tỷ lệ tổ chức đấu thầu qua

¹⁶⁸ Dự án đầu tư mở rộng đường vành đai III đoạn Mai Dịch - Nội Bài, TP. Hà Nội (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông TP. Hà Nội).

¹⁶⁹ Văn bản số 4276/BKHĐT-QLĐT ngày 02/7/2020 về Báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2019.

¹⁷⁰ Yên Bái (tỷ lệ tiết kiệm 0,04%), Quảng Bình (tỷ lệ tiết kiệm 4,06%); Bộ VHTT&DL (tỷ lệ tiết kiệm 0%).

¹⁷¹ VKSND tối cao.

¹⁷² (i) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường nối từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng) (Gói thầu số 5, gói thầu số 6); (ii) Dự án xây dựng Trụ sở Hội Nhà báo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; (iii) VKSND tối cao (một số dự án); (iv) Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 (Diễn Châu - Bãi Vọt; Nha Trang - Cam Lâm; Cam Lâm - Vĩnh Hảo; Vĩnh Hảo - Phan Thiết): Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Nha Trang - Cam Lâm: Gói thầu số 02 (Bộ GTVT).

¹⁷³ Dự án xây dựng trụ sở Cục THADS TP Hải Phòng.

¹⁷⁴ (i) Dự án Nâng cấp đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp đường giao thông đoạn Bái Đính đi Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình): Dự toán một số gói thầu tư vấn chưa được phê duyệt trước khi ban hành quyết định chỉ định thầu; (ii) Dự án Đập ngăn mặn sông Hiếu, tỉnh Quảng Trị (Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 5 – Bộ NN&PTNT): Gói thầu số 02/PTV - Rà phá bom mìn.

¹⁷⁵ (i) Dự án xây dựng Trụ sở Hội Nhà báo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; (ii) Dự án xây dựng trụ sở Cục THADS TP Hà Nội; Dự án xây dựng trụ sở Cục THADS TP Hải Phòng.

¹⁷⁶ (i) Dự án xây dựng Trụ sở Hội Nhà báo Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh (gói thầu điều hòa không khí); (ii) Một số gói thầu của các dự án thuộc các địa phương: Quảng Ngãi, Long An, Lào Cai, Lạng Sơn, Ninh Bình; (iii) Bộ GTVT: Một số gói thầu tư vấn lập phương án, dự toán và tư vấn giám sát rà phá bom mìn.

¹⁷⁷ Tỉnh Đồng Nai: Dự án Trường Mầm non Phú Trung; Dự án Trường Mầm non Phú Bình; tỉnh Trà Vinh: Dự án vỉa hè, hệ thống thoát nước và mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần.

¹⁷⁸ Tỉnh Quảng Ninh: Dự án thay thế hệ thống điện chiếu sáng công cộng hiện có bằng hệ thống đèn Led tiết kiệm điện trên địa bàn thành phố Hạ Long giai đoạn 2; Dự án cải tạo, chỉnh trang, mở rộng, khắc phục ô nhiễm môi trường đường Trần Quốc Nghiễn;...

mạng tại nhiều bộ, cơ quan trung ương, địa phương chưa đảm bảo lộ trình, thậm chí không đấu thầu qua mạng¹⁸⁰; nhà thầu trúng thầu không đủ năng lực theo hồ sơ yêu cầu¹⁸¹.

- Công tác đàm phán, ký kết hợp đồng xây dựng: Lựa chọn hình thức hợp đồng không phù hợp¹⁸²; điều khoản hợp đồng thiếu chặt chẽ, chưa đầy đủ¹⁸³; chưa kịp thời gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng¹⁸⁴; một số nhà thầu không thực hiện mua bảo hiểm theo cam kết¹⁸⁵.

- Công tác quản lý chất lượng: Hầu hết các dự án hồ sơ quản lý chất lượng còn thiếu sót, không đầy đủ; thi công khi chưa có hồ sơ thiết kế được duyệt¹⁸⁶, thi công không đúng hồ sơ thiết kế¹⁸⁷; chưa kiểm tra năng lực thực tế của nhà thầu so với hợp đồng xây dựng¹⁸⁸; không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư¹⁸⁹; đơn vị giám sát chưa báo cáo giám sát về đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ môi trường¹⁹⁰.

- Về tiến độ thực hiện: Theo báo cáo của Bộ KH&ĐT¹⁹¹, trong năm 2019 có 1.878 dự án chậm tiến độ, chiếm 2,7% số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ (gồm có 49 dự án nhóm A, 502 dự án nhóm B, 1.327 dự án nhóm C) trong đó có 1.267 dự án chậm tiến độ do giải phóng mặt bằng, 337 dự án chậm do thủ tục

¹⁷⁹ (i) Tỉnh Lào Cai, Bến Tre, Trà Vinh, Tiền Giang: Mỗi địa phương 01 dự án; (ii) Bộ TN&MT: Dự án tăng cường năng lực thiết bị thi công các nhiệm vụ điều tra địa chất – khoáng sản, tai biến địa chất và môi trường địa chất; Dự án xây dựng mạng lưới trạm định vị toàn cầu bằng vệ tinh trên lãnh thổ Việt Nam; Dự án đầu tư xây dựng mới nhà làm việc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Quảng Nam: Không đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

¹⁸⁰ (i) Bộ Tư pháp: Năm 2019 tổ chức lựa chọn nhà thầu 96 gói nhưng không có gói nào tổ chức đấu thầu qua mạng; (ii) Tổng LĐLĐVN: Năm 2019 chưa tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu về lựa chọn nhà thầu định kỳ hàng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

¹⁸¹ (i) Dự án Nâng cấp đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp đường giao thông đoạn Bái Đính đi Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình); (ii) Dự án đầu tư Nhà Quốc hội Lào (Bộ Xây dựng): Năng lực nhân sự gói thầu GT05 chưa đáp ứng hồ sơ yêu cầu.

¹⁸² Dự án nâng cấp quốc lộ 30, đoạn Cao Lãnh - Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp: Mời thầu và ký kết hợp đồng hạng mục chi phí huy động và giải thể chưa phù hợp quy định về hình thức giá.

¹⁸³ (i) Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 991B từ QL51 đến hạ lưu cảng Cái Mép, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; (ii) Dự án đầu tư xây dựng cầu Tỉnh Húc vượt sông Lô, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; (iii) Dự án Nâng cấp đê Hữu sông Hoàng Long và sông Đáy kết hợp đường giao thông đoạn Bái Đính đi Kim Sơn (tỉnh Ninh Bình); (iv) Dự án cải tạo, chỉnh trang, mở rộng, khắc phục ô nhiễm môi trường đường Trần Quốc Nghiễn, tỉnh Quảng Ninh; (v) Dự án cầu Cửa Hội bắc qua Sông Lam, tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (Bộ GTVT); (vi) Một số dự án của VKSND tối cao.

¹⁸⁴ (i) Dự án đường trục Khu kinh tế nổi dài (giai đoạn 1); Dự án đường trục Khu kinh tế nổi dài, đoạn Km4+00-Km18+500 (tỉnh Bình Định); (ii) Dự án đầu tư xây dựng trụ sở VKSND thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ; (iii) Dự án xây dựng trụ sở THADS huyện Cai Lậy.

¹⁸⁵ Tỉnh Quảng Ninh: 03 dự án thuộc Chuyên đề việc quản lý sử dụng vốn đầu tư giai đoạn 2017-2019 thành phố Hạ Long.

¹⁸⁶ (i) Dự án đầu tư xây dựng mới Cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai; (ii) Dự án đầu tư xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (Bộ Y tế).

¹⁸⁷ Một số dự án của TP. Cần Thơ, tỉnh Hải Dương, Lai Châu, Bộ TN&MT, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

¹⁸⁸ (i) Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Sơn La; (ii) Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa Kiên Giang.

¹⁸⁹ Một số đơn vị của tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Long An, Sóc Trăng, Phú Yên, Ninh Thuận, Lạng Sơn.

¹⁹⁰ Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Sơn La.

¹⁹¹ Văn bản số 4742/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 23/7/2020 về Tổng hợp công tác giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2019.

đầu tư, 248 dự án chậm tiến độ do bố trí vốn không kịp thời, 157 dự án chậm do năng lực của chủ đầu tư, ban quản lý dự án và các nhà thầu và 545 dự án chậm do các nguyên nhân khác. Ngoài ra, qua kiểm toán chi tiết các dự án đầu tư cũng cho thấy tiến độ thực hiện nhiều dự án chậm tuy nhiên chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chưa làm rõ nguyên nhân để xử lý.

- Công tác nghiệm thu, thanh toán còn sai khối lượng, đơn giá, định mức, bù giá thiếu cơ sở hoặc chưa đầy đủ thủ tục, hồ sơ còn diễn ra tại nhiều dự án được kiểm toán chi tiết; chậm điều chỉnh đơn giá hợp đồng¹⁹²; đơn giá thanh toán không đúng thực tế thi công¹⁹³; thanh toán vượt cơ cấu TMĐT¹⁹⁴; tạm ứng sai¹⁹⁵, chậm¹⁹⁶ hoặc thu hồi chưa đúng quy định¹⁹⁷; nhiều dự án, gói thầu chậm hoặc chưa xuất hóa đơn GTGT khối lượng đã nghiệm thu.

Ngoài ra, qua kiểm toán một số dự án sử dụng vốn ODA cho thấy: Hiệp định quy định vay vốn còn có điều khoản làm hạn chế sự tham gia của những nhà thầu có năng lực trong nước¹⁹⁸. UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Chủ dự án khi chưa có thông báo chính thức danh mục tài trợ¹⁹⁹; phê duyệt dự án không cụ thể cơ cấu nguồn vốn²⁰⁰; không xem xét sự kết nối giữa với dự án khác²⁰¹, dẫn tới trong quá

¹⁹² Dự án nâng cấp quốc lộ 30, đoạn Cao Lãnh-Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp: Chậm điều chỉnh giá hợp đồng đối với khối lượng nghiệm thu thanh toán.

¹⁹³ (i) Dự án Hồ chứa nước Mỹ Lâm, tỉnh Phú Yên (Bộ NN&PTNT): Thi công đá cấp 2 hồ móng tràn nhưng thanh toán theo đơn giá đá cấp 3; (ii) Dự án Đập ngăn mặn Sông Hiền, tỉnh Quảng Trị (Bộ NN&PTNT): Thi công đắp đất mặt bằng K95 nhưng thanh toán theo đơn giá đắp cát mặt bằng K90.

¹⁹⁴ Dự án xây dựng đường giao thông liên kết các vùng phát triển kinh tế xã hội phía Đông tỉnh Hà Giang giáp tỉnh Cao Bằng (đường tỉnh: Ngọc Đường - Tùng Bá -Tráng Kim) (tỉnh Hà Giang): Chi phí GPMB giải ngân 920,1 tỷ đồng/894,9 tỷ đồng TMĐT.

¹⁹⁵ (i) TP. Hồ Chí Minh: Năm 2019, UBND TP cho phép tạm ứng từ nguồn NSTP cho 03 dự án sử dụng nguồn vốn ODA cấp phát trên địa bàn (lũy kế số dư đến cuối năm 2019 là 3.601,5 tỷ đồng) khi chưa có ý kiến của Chính phủ, chưa báo cáo HĐND TP, ngoài ra các dự án này không có trong danh mục các dự án sử dụng nguồn vốn NSTP thuộc kế hoạch vốn đã giao năm 2019; (ii) TP. Đà Nẵng: 10 dự án đã tạm ứng lần đầu 433,6 tỷ đồng, sau đó tiếp tục tạm ứng lần thứ hai 1.123,3 tỷ đồng dẫn tới vượt mức tạm ứng đã quy định trong hồ sơ mời thầu và điều khoản hợp đồng đã ký kết; (iii) Tỉnh Hải Dương: Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam đường Việt Hòa, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương phát hành hồ sơ mời thầu, ký kết hợp đồng thi công và tạm ứng cho nhà thầu số tiền 7,2 tỷ đồng khi chưa bảo đảm được điều kiện bàn giao mặt bằng thi công theo tiến độ thực hiện gói thầu, dẫn đến việc tiền tạm ứng không được sử dụng cho công trình từ ngày 25/01/2019.

¹⁹⁶ (i) Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 991B từ QL51 đến hạ lưu cảng Cái Mép, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chưa thu hồi kịp thời 09 tỷ đồng; (ii) Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường nối từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Hải Phòng) chưa hoàn tạm ứng, thu hồi tạm ứng theo thời hạn 104,8 tỷ đồng; (iii) TP. Hồ Chí Minh 5.516,9 tỷ đồng, TP. Hà Nội 386,5 tỷ đồng, TP. Cần Thơ 134,2 tỷ đồng; các tỉnh Bắc Ninh 443,1 tỷ đồng, Hà Tĩnh 155,3 tỷ đồng, Long An 231,3 tỷ đồng, Cao Bằng 620,7 tỷ đồng, Lạng Sơn 134,9 tỷ đồng, Thanh Hóa 790,5 tỷ đồng.

¹⁹⁷ (i) Dự án thành phần Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối giữa đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình với quốc lộ 1 thuộc Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Đèo Vi - Cửa phía Bắc và đoạn Cửa phía Nam - Dốc Xây, tỉnh Ninh Bình (Bộ GTVT): Thu hồi còn thiếu đến đợt thanh toán 14 là 36,9 tỷ đồng; (ii) Dự án đầu tư xây dựng Đường vành đai V vùng thủ đô Hà Nội (Đoạn tuyến đi trùng Đại lộ Đông - Tây Khu tổ hợp Yên Bình và cầu vượt sông Cầu) (tỉnh Thái Nguyên).

¹⁹⁸ Dự án hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La: Tại điểm 3, Bản kế hoạch 4. Quy trình thu mua “các nhà thầu tư vấn, cung cấp hàng hoá và dịch vụ phải là công dân của Cộng hoà Hàn Quốc hoặc pháp nhân được thành lập và đăng ký ở Hàn Quốc”.

¹⁹⁹ Quyết định số 842/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 13/4/2007 trong khi danh mục được phê duyệt ngày 30/7/2007 tại Công văn số 4207/VPCP-QHQT của Văn phòng Chính phủ.

²⁰⁰ Dự án hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La: Cơ chế tài chính trong nước sử dụng các nguồn vốn ODA đầu tư cho dự án (cấp phát từ NSNN, cho vay lại từ NSNN, hoặc cấp phát một phần, cho vay

trình thi công phải cắt giảm hạng mục, ảnh đến tiến độ của dự án; phê duyệt nguồn vốn đối ứng từ NSNN chưa phù hợp²⁰². TMĐT lập thiếu chính xác²⁰³ và bao gồm một số chi phí có tính chất chi thường xuyên sử dụng vốn vay chưa phù hợp quy định²⁰⁴; nghiệm thu, bàn giao công trình khi chưa thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định²⁰⁵; hạch toán chưa đúng quy định²⁰⁶ tỷ lệ giải ngân thấp²⁰⁷; ký thỏa thuận vay lại chậm²⁰⁸; chưa thực hiện ghi thu - ghi chi theo quy định²⁰⁹. Tổ chấm thầu gói thầu xây lắp chỉnh sửa khối lượng, đơn giá trong Hồ sơ thầu không phù hợp với Hồ sơ mời thầu làm tăng giá trị gói thầu²¹⁰; tiến độ thực hiện dự án hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La chậm 8 năm so với quyết định phê duyệt ban đầu.

(2) Về nợ đọng XDCB: Theo báo cáo, tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 bố trí để thanh toán nợ XDCB nguồn vốn NSTW là

lại một phần từ NSNN đối với nguồn vốn ODA); Trách nhiệm bố trí vốn đối ứng ..., của các đối tượng tham gia dự án như doanh nghiệp, người hưởng lợi từ dự án" theo như khoản 2 Mục III Phần I Thông tư 108/2007/TT-BTC ngày 07/9/2007 của Bộ Tài chính; Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 điều chỉnh Dự án còn chưa phân định rõ cơ cấu chi phí theo vốn vay ODA, vốn đối ứng cũng như trách nhiệm của Trung ương và địa phương; phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án vượt so với thời gian tại Quyết định số 1031/QĐ-TTg ngày 13/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁰¹ Dự án hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La: Hạng mục cấp nước Tiểu khu 13 và tiểu khu 14 thị trấn Mộc Châu là vùng cấp nước của dự án ĐTXD hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, đã được Công ty cổ phần cấp nước Sơn La đã xây dựng hệ thống cấp nước cho nhân dân.

²⁰² Dự án hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La: Hợp phần cấp nước là hợp phần được đầu tư bởi nguồn vốn vay lại của Chủ đầu tư (doanh nghiệp) với Bộ Tài chính (đại diện ký hợp đồng là Ngân hàng phát triển Việt Nam) theo quy định tại Nghị định 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006, Thông tư 108/2007/TT-BTC ngày 07/9/2007 của Bộ Tài chính.

²⁰³ Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội: Xác định TMĐT chưa phù hợp dẫn đến bỏ qua tiêu chí công trình quan trọng quốc gia.

²⁰⁴ Dự án sửa chữa nâng cao an toàn đập (WB8); Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu long (WB9).

²⁰⁵ Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội: Nghiệm thu, thanh toán các hạng mục công việc thuộc các gói thầu khi chưa tuân thủ đầy đủ các điều khoản quy định của hợp đồng.

²⁰⁶ Dự án tuyến đường sắt đô thị thí điểm thành phố Hà Nội, đoạn Nhổn - Ga Hà Nội: Hạch toán vào chi phí đầu tư phí cam kết, lãi vay đối với phần ngân sách nhà nước cấp phát là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 30 (*Trả nợ Chính phủ*) Luật quản lý nợ công số 29/2009/QH12 ngày 17/6/2009; Điều 63 Luật quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23/11/2017 với số tiền 127,389 tỷ đồng.

²⁰⁷ (i) Dự án sửa chữa nâng cao an toàn đập (WB8): Tỷ lệ giải ngân bình quân chung đạt 49,1%, trong đó một số tỉnh có tỷ lệ giải ngân rất thấp (*Tỉnh Hà Tĩnh 10,9%; Khánh Hòa 11,6%; Hải Dương 12,4%, cá biệt Tỉnh Bắc Kạn chưa thực hiện giải ngân trên kế hoạch vốn được giao 38,481 tỷ đồng*). (ii) Dự án Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị: Tỷ lệ giải ngân vốn vay WB thực tế so với Kế hoạch sử dụng tính đến 30/9/2020 chỉ đạt 20,48%.

²⁰⁸ Dự án sửa chữa nâng cao an toàn đập (WB8): Ký thỏa thuận vay lại tại tất cả các tỉnh được thực hiện chậm từ 01 đến 02 năm so với ngày hiệu lực của Hiệp định tài trợ số 5745-VN.

²⁰⁹ Dự án Thu gom và xử lý nước thải thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Chưa thực hiện ghi thu - ghi chi phần vốn ODA viện trợ không hoàn lại 23,818 tỷ đồng đã giải ngân cho dự án theo quy định.

²¹⁰ Dự án hệ thống cấp thoát nước đô thị huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La: Tổ chấm thầu đánh giá đề xuất mục II.1 và III.2 của các nhà thầu (không có khối lượng và đơn giá trong Hồ sơ dự thầu), nhưng đã chỉnh sửa làm tăng giá trị của đơn giá dự thầu lên 5.000USD và 2,3 tỷ đồng và sau đó là tăng giá trị hợp đồng lên 3.070USD và 1,8 tỷ đồng tại công việc Chi phí liên quan đến biện pháp xây dựng và Hoàn thành hồ sơ thuộc "Hạng mục Chung và sơ bộ" là chưa phù hợp so với hướng dẫn tại mục 14.2 Chương I của Hồ sơ mời thầu được phê duyệt "Nhà thầu sẽ điền tỷ lệ và giá cho tất cả các hạng mục công trình mô tả trong Bảng khối lượng. Các hạng mục không được nhà thầu điền giá sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán và sẽ được coi là giá được chào trong hạng mục và giá khác của Bảng khối lượng" và chưa phù hợp với Chương 2 Mục E. Đánh giá và so sánh Hồ sơ dự thầu trong HSMT được duyệt.

9.868,848 tỷ đồng²¹¹; số đã phân bổ đến 31/12/2019 là 6.885,87 tỷ đồng²¹². Tuy nhiên, tại Báo cáo số 533/BC-CP ngày 17/10/2020 về tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thì kế hoạch đầu tư công hằng năm từ năm 2016-2020 đã bố trí đủ vốn NSTW cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thanh toán toàn bộ số nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSTW đến hết ngày 31/12/2014 là 7.481,3 tỷ đồng²¹³. Ngoài ra, kết quả kiểm toán cho thấy đến ngày 31/12/2019, một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương còn nợ đọng XDCB với giá trị lớn²¹⁴, thậm chí một số địa phương, dự án còn để phát sinh nợ xây dựng cơ bản²¹⁵.

(3) Về tình hình quyết toán dự án hoàn thành: Theo báo cáo tổng hợp của Bộ Tài chính²¹⁶ (chưa bao gồm 18 đơn vị chưa báo cáo²¹⁷), số dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán trong năm 2019 là 66.265 dự án, bằng 70% tổng số dự án hoàn thành. Giá trị quyết toán giảm 3.594 tỷ đồng, bằng 0,46% tổng giá trị đề nghị quyết toán; 10.217 dự án hoàn thành nộp báo cáo quyết toán nhưng chưa phê duyệt (trong đó 7.665 dự án đã nộp và còn trong thời hạn thẩm tra; 2.552 dự án chậm phê duyệt quyết toán); 18.822 dự án chưa nộp báo cáo quyết toán; 10.021 dự án vi phạm thời gian quyết toán, chiếm 10,5% dự án hoàn thành (trong đó có 719 dự án vi phạm thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán trên 24 tháng).

2.2.2. Chi thường xuyên

(1) Dự toán 1.042.816 tỷ đồng, quyết toán 995.647 tỷ đồng, bằng 95,5% dự toán (giảm 47.169 tỷ đồng) và bằng 65,2% quyết toán chi NSNN theo dự toán Quốc hội giao (995.647/1.526.893 tỷ đồng), cao hơn mục tiêu Quốc hội giao giai

²¹¹ Văn bản số 472/BC-CP ngày 19/10/2016 và Văn bản số 470/BC-CP ngày 18/10/2017.

²¹² Năm 2016: 3.185,206 tỷ đồng; Năm 2017: 1.851,037 tỷ đồng; Năm 2018: 766,579 tỷ đồng; Năm 2019: 1.083,048 tỷ đồng.

²¹³ Tổng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn bố trí thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (không bao gồm nợ đọng xây dựng cơ bản của CTMTQG) là 7.738,9 tỷ đồng. Nếu tính cả số nợ đọng XDCB bố trí cho CTMTQG là 1.066,024 tỷ đồng thì tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản thanh toán trong giai đoạn 2016-2020 là 8.547,3 tỷ đồng. Đã bố trí vốn thanh toán hằng năm là 8.547,324 tỷ đồng (trong đó 7.481,3 tỷ đồng cho dự án không thuộc CTMTQG) phần còn lại không bố trí kế hoạch hằng năm để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản là 257,7 tỷ đồng; các dự án đã được bố trí từ nguồn vốn hợp pháp của địa phương để trả nợ hoặc giá trị nợ đọng xây dựng cơ bản giảm sau khi dự án được quyết toán.

²¹⁴ Tỉnh Ninh Bình 6.338 tỷ đồng; Thanh Hóa 2.246 tỷ đồng; Bắc Ninh 1.805 tỷ đồng; Lạng Sơn 1.702 tỷ đồng; Quảng Ninh 1.158 tỷ đồng; Phú Thọ 1.075 tỷ đồng; TP. Hà Nội 890 tỷ đồng; TP. Hải Phòng 852 tỷ đồng; Long An 560 tỷ đồng; Hải Dương 500 tỷ đồng; Bộ GTVT 1.080 tỷ đồng; TAND tối cao 14,22 tỷ đồng; Bộ VHTTDL 88,15 tỷ đồng,...

²¹⁵ (i) Dự án đầu tư xây dựng công trình đường đến trung tâm xã Thuận Hòa huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang: Đến thời điểm phê duyệt quyết toán nợ 74,8 tỷ đồng, tính đến thời điểm 30/6/2020 nợ 26 tỷ đồng; (ii) các tỉnh Nghệ An 328,8 tỷ đồng; Hà Tĩnh 300,3 tỷ đồng; Quảng Ninh 423,8 tỷ đồng; Phú Thọ 260,6 tỷ đồng; Lào Cai 258,2 tỷ đồng; Phú Yên 102,1 tỷ đồng...

²¹⁶ Văn bản số 4100/BTC-ĐT ngày 07/4/2020 về việc công khai tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước năm 2019.

²¹⁷ Gồm: 11 bộ, cơ quan trung ương (Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Dân tộc, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng trung ương Đảng, Đại học quốc gia TP HCM, Tổng Liên đoàn LĐVN, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị VN, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật VN); 07 tập đoàn, tổng công ty nhà nước (Tập đoàn Xăng dầu, TCT Hàng hải, TCT Thuốc lá, TCT Cà phê, TCT Hàng không, TCT Lương thực miền Bắc, TCT Cảng hàng không).

đoạn 2016-2020 (giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống dưới 64% tổng chi ngân sách nhà nước)²¹⁸. Qua kiểm toán cho thấy, tình hình thực hiện như sau:

- Mặc dù tỷ lệ chi thường xuyên vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi NSNN, song một số khoản chi sự nghiệp quan trọng có tỷ lệ thực hiện thấp như: (i) Chi bảo vệ môi trường²¹⁹ từ nguồn NSTW thực hiện bằng 34,8% so với dự toán (Dự toán 1.801 tỷ đồng, quyết toán 627 tỷ đồng)²²⁰; (ii) Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của nhiều địa phương đạt tỷ lệ thấp so với dự toán như Hà Nam 65%, Đồng Nai 46%, Bạc Liêu 51%, Kiên Giang 41%, Bình Thuận 51%, thành phố Hà Nội 58%...

- Một số khoản kinh phí viện trợ chưa có dự toán đã được các bộ, cơ quan trung ương tiếp nhận song chưa được rà soát, trình cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán chi kịp thời **1.626,3 tỷ đồng**²²¹ (Chính phủ báo cáo tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Thông báo số 4378/TB-TTKQH không quyết toán thu, chi NSNN năm 2019 và sẽ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội bổ sung dự toán thu, chi và phê chuẩn quyết toán NSNN theo quy định).

- Năm 2019 KTNN đã kiến nghị và Quốc hội đã điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên, đồng thời tăng tương ứng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2018 của Bộ Tài chính 1.991 tỷ đồng (Tổng cục Thuế 1.419 tỷ đồng, Tổng cục Hải quan 572 tỷ đồng) đối với số kinh phí Bộ Tài chính sử dụng chi đầu tư từ nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động của ngành trong giai đoạn 2016-2018. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bộ Tài chính²²², do Quốc hội chưa điều chỉnh dự toán đối với số kinh phí chuyển nguồn năm 2018 sang năm 2019 nên trong năm 2019, Bộ Tài chính đề nghị quyết toán **1.065,3 tỷ đồng** chi đầu tư xây dựng từ nguồn kinh phí thường xuyên và tiếp tục chuyển nguồn sang năm 2020 (nguồn kinh phí thường xuyên dự kiến bố trí chi đầu tư xây dựng cơ bản) **1.174,9 tỷ đồng**.

(2) Ngoài ra, qua kiểm toán chi tiết tại các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cho thấy:

²¹⁸ Nghị quyết số 25/2016/QH14 ngày 09/11/2016 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020.

²¹⁹ Báo cáo số 40/BC-CP ngày 17/10/2018, Chính phủ đề xuất Quốc hội giải pháp “*thực hiện tăng dự toán các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường ở NSTW và NSDP*”

²²⁰ Theo báo cáo của Bộ Tài chính, chi sự nghiệp bảo vệ môi trường từ nguồn NSTW thực hiện thấp so với dự toán chủ yếu do các nhiệm vụ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường khác của NSTW trong năm không triển khai được theo Nghị quyết số 73/2018/QH14 ngày 14/11/2018 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2019, như: 02 CTMT (Hỗ trợ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích và Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh) 122 tỷ đồng; Hỗ trợ xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở công lập, hỗ trợ giá điện gió và thực hiện các nhiệm vụ khác 973 tỷ đồng của Bộ TN&MT.

²²¹ Bộ Công an, Bộ LĐTB&XH, Bộ Ngoại giao, Bộ VH&TT&DL, Bộ Y tế, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban dân tộc, Viện Hàn Lâm KHXH Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Đài Tiếng nói Việt Nam.

²²² Công văn số 3905/BTC-KHTC ngày 14/4/2021 của Bộ Tài chính báo cáo bổ sung về việc xử lý đối với số kinh phí chi thường xuyên đã bố trí cho chi ĐTP năm 2019 của Tổng cục Thuế và Tổng cục Hải quan.

- Một số bộ, cơ quan trung ương được kiểm toán còn tình trạng chi không đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, chi không đúng nguồn²²³; quản lý, sử dụng nguồn vốn viện trợ chưa đúng quy định²²⁴; tỷ lệ giải ngân thấp²²⁵.

- Trong điều kiện hụt thu (ngân sách tỉnh hoặc ngân sách huyện), địa phương chưa xây dựng phương án²²⁶, chưa trình thường trực HĐND²²⁷ để xử lý hụt thu theo quy định; 10/40 địa phương hỗ trợ không đúng nhiệm vụ chi theo phân cấp²²⁸; ký hợp đồng làm công tác chuyên môn chưa phù hợp quy định²²⁹; 07/40 địa phương sử dụng nguồn dự phòng chi cho một số nhiệm vụ chưa thực sự cấp bách²³⁰; 22/40 địa phương được kiểm toán sử dụng sai nguồn 586 tỷ đồng²³¹, trong đó 21 địa phương sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, nguồn CCTL, thu sử dụng đất... để bổ sung chi thường xuyên 557,6 tỷ đồng²³²; sử dụng kinh phí thực hiện chính

²²³ Bộ GTVT, Bộ Nội vụ, TAND tối cao, Bộ Xây dựng; Bộ NN&PTNT; Bộ TN&MT; Tổng cục Hải quan; Bộ VHTT&DL; Bộ GD&ĐT; Trung ương Đoàn TNCSHCM; Bộ Y tế.

²²⁴ (i) Bộ VHTT&DL: 13 dự án viện trợ đã kết thúc chưa quyết toán theo quy định do đến năm 2020 Bộ VHTTDL mới được giao dự toán số kinh phí viện trợ 178,86 tỷ đồng để thực hiện quyết toán ngân sách năm 2019; các dự án đã kết thúc không nộp báo cáo cho Bộ VHTTDL theo quy định; (ii) Bộ GD&ĐT: Nhiều DA tại các đơn vị trực thuộc tiếp nhận viện trợ từ năm 2014 trở về trước chưa được hoàn tạm ứng theo quy định số tiền 146,978 tỷ đồng, do một số DA không có lệnh ghi thu - ghi chi NSNN và chưa thực hiện quyết toán với nhà tài trợ; (iii) Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Hội Đồng đội Trung ương chưa được phê duyệt thực hiện đề án viện trợ và ghi thu tiền viện trợ năm 2019; (iv) Bộ Y tế: Việc quản lý, theo dõi viện trợ của Bộ Y tế đối với một số đơn vị còn chưa sát sao, chặt chẽ và kịp thời; công tác kiểm tra phê duyệt quyết toán chưa đầy đủ chỉ tập trung vào nội dung chi; công tác ghi thu - ghi chi tại nhiều đơn vị còn rất chậm (có dự án đến 10 năm), từ nhiều năm luôn xảy ra tình trạng chênh lệch giữa số liệu báo cáo quyết toán của đơn vị với số liệu quyết toán (số ghi thu ghi chi đã được Bộ Tài chính thông báo); kinh phí dư, lãi tiền gửi, chênh lệch tỷ giá của các dự án đã kết thúc từ lâu chưa được xử lý dứt điểm 30,720 tỷ đồng (Bộ Y tế có Công văn số 5787/BYT-KHTC ngày 01/10/2019 xin sử dụng số kết dư trên để xây dựng Dự án Nhà làm việc tổng hợp nhưng đến thời điểm kiểm toán Bộ Tài chính chưa có ý kiến trả lời)...; hầu hết các đơn vị được kiểm toán có tình trạng lập báo cáo số liệu chưa đúng so với quy định; thực hiện xác nhận viện trợ, thanh quyết toán và ghi thu, ghi chi chậm; có lập báo cáo tài chính riêng gửi nhà tài trợ và Vụ KHTC mà chưa hợp nhất vào báo cáo tài chính của đơn vị; chưa báo cáo kịp thời và xin ý kiến Bộ Y tế xử lý dứt điểm đối với tiền lãi, chênh lệch tỷ giá và kinh phí còn tồn từ lâu (từ 5 năm đến 10 năm) của các dự án đã đóng mà không phải hoàn trả nhà tài trợ số tiền 23,465 tỷ đồng (Viện Chiến lược và Chính sách y tế 7,786 tỷ đồng; Bệnh viện Mắt Trung ương 6,288 tỷ đồng; Cục Quản lý Môi trường Y tế 2,855 tỷ đồng; Cục Phòng, chống HIV/AIDS 5,720 tỷ đồng; Văn phòng Bộ Y tế 0,816 tỷ đồng). Trong đó, tại Viện Chiến lược và Chính sách y tế có Dự án cung cấp các bằng chứng khoa học về bệnh tật và tử vong cho quá trình hoạch định chính sách y tế ở Việt Nam kết thúc từ năm 2011 nhưng đến nay chưa làm thủ tục xác nhận viện trợ đối với số kinh phí còn dư 5,28 tỷ đồng (dư TK 3372); Cục phòng, chống HIV/AIDS và các dự án viện trợ chưa quyết liệt đôn đốc đơn vị ủy thác bàn giao biên bản giao nhận thuốc cho các cơ sở điều trị HIV/AIDS làm căn cứ quyết toán nguồn viện trợ; giá trị thuốc kháng HIV, thuốc điều trị nghiện, vật tư, sinh phẩm còn tồn kho lớn nhưng chưa kiểm tra, báo cáo chi tiết về số lượng tiếp nhận, sử dụng, tồn kho từ nguồn bảo hiểm y tế, nguồn viện trợ, nguồn NSNN tại các cơ sở điều trị; chưa tổng hợp số liệu chương trình Pefpar vào báo cáo quyết toán dẫn đến báo cáo chưa đảm bảo tính đầy đủ, chính xác.

²²⁵ Bộ TN&MT: 8 Dự án Kế hoạch quản lý loại trừ các chất HCFC của Việt Nam giai đoạn II, tổng số vốn đã xác nhận viện trợ cho dự án là 2.196.609USD nhưng đến thời điểm kiểm toán mới chỉ giải ngân được 400.000USD, đạt 18%.

²²⁶ Tỉnh Đắk Lắk (thị xã Buôn Hồ); Quảng Ngãi.

²²⁷ Tỉnh Phú Yên (thành phố Tuy Hòa); Yên Bái (huyện Trạm Tấu).

²²⁸ Thành phố Đà Nẵng 20 tỷ đồng; tỉnh Hà Tĩnh 12,8 tỷ đồng; Tiền Giang 7,7 tỷ đồng; Thanh Hóa 5,9 tỷ đồng; Quảng Trị 3,6 tỷ đồng...

²²⁹ Tỉnh Kon Tum (Sở GD&ĐT); Bến Tre (thành phố Bến Tre, huyện Châu Thành).

²³⁰ Tỉnh Nghệ An 8 tỷ đồng; Kon Tum 5,4 tỷ đồng; Yên Bái 4,3 tỷ đồng; Thanh Hóa 1,2 tỷ đồng; Đắk Lắk 0,2 tỷ đồng; Cao Bằng 0,1 tỷ đồng; thành phố Hà Nội 1,3 tỷ đồng.

²³¹ Thành phố Hà Nội 91,5 tỷ đồng; Long An 209 tỷ đồng; Tiền Giang 84 tỷ đồng; Bình Phước 52,2 tỷ đồng; Thanh Hóa 36,9 tỷ đồng; Yên Bái 26,5 tỷ đồng; Nghệ An 21,9 tỷ đồng; Trà Vinh 20,4 tỷ đồng; Gia Lai 7,3 tỷ đồng ...

²³² Thành phố Hà Nội 91,5 tỷ đồng; Long An 209 tỷ đồng; Tiền Giang 68,5 tỷ đồng; Bình Phước 52 tỷ đồng; Thanh

sách hỗ trợ về nhà ở cho đối tượng người có công do NSTW bổ sung để chi trả cho đối tượng ngoài đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt²³³; chưa thực hiện đầu thầu dịch vụ công ích theo quy định²³⁴. Ngoài ra, tại tỉnh Thanh Hóa còn giao dự toán kinh phí chi đào tạo đội bóng đá trẻ và đội tuyển tỉnh trong khi các cơ quan có thẩm quyền của Tỉnh không có quyền sử dụng các vận động viên này; HĐND tỉnh Ninh Bình ban hành chế độ đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển bóng chuyên Trảng An Ninh Bình khi chưa có ý kiến của các bộ có liên quan; tại tỉnh Bình Phước còn sử dụng 230,7 tỷ đồng từ nguồn thu từ cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước để thanh toán cho các công trình, dự án (đã quyết toán) trong khi chưa có văn bản chấp thuận chính thức từ các cấp có thẩm quyền²³⁵.

(3) Về tạo nguồn và sử dụng nguồn CCTL: 07/40 địa phương được kiểm toán báo cáo chưa đầy đủ nguồn CCTL được để lại từ nguồn thu học phí, viện phí và thu sự nghiệp khác, nguồn năm trước chuyển sang hoặc xác định vượt nhu cầu CCTL số tiền 365 tỷ đồng, trong đó KTNN đã kiến nghị Bộ Tài chính giảm dự toán năm sau 228,3 tỷ đồng²³⁶; một số đơn vị tại 35/40 địa phương chưa trích lập đủ nguồn CCTL theo quy định 5.800,8 tỷ đồng²³⁷.

2.2.3. Chi chuyển nguồn

Số chi chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020 là 592.649 tỷ đồng (NSTW 182.011 tỷ đồng; NSDP 410.638 tỷ đồng) bằng 27,9% (592.649/2.119.541 tỷ đồng) so với tổng chi NSNN, chiếm tới 38,8% (592.649/1.526.893 tỷ đồng) so với tổng số thực chi ngân sách (không bao gồm chi chuyển nguồn); số chi chuyển nguồn tiếp tục tăng cao so với năm 2018 cả về quy mô (tăng 158.292 tỷ đồng) và tỷ lệ²³⁸. Trong đó, chi chuyển nguồn ngoài các khoản chi từ nguồn tăng thu NSTW và NSDP năm 2019 theo quy định của Luật NSNN, chủ yếu là các nhiệm vụ chi thực hiện chính sách, thực hiện CTMTQG, chi chuyển nguồn tăng do chậm triển khai một số nhiệm vụ chi; giải ngân vốn ĐTXD chậm và một số nhiệm vụ chi chuyển nguồn qua nhiều năm... làm giảm đáng kể hiệu quả sử dụng ngân sách và phản ánh sai lệch thực tế chi NSNN hàng năm. Ngoài ra, qua kiểm toán cho thấy:

- Chi chuyển nguồn từ kinh phí viện trợ còn lớn 3.765 tỷ đồng bằng

Hóa 36,9 tỷ đồng; Yên Bái 26,5 tỷ đồng; Nghệ An 22 tỷ đồng; Trà Vinh 20,4 tỷ đồng; Gia Lai 5,7 tỷ đồng ...

²³³ Tỉnh Bến Tre 46,8 tỷ đồng.

²³⁴ Tỉnh Long An.

²³⁵ Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý về chủ trương cho tinh hưởng 100% nguồn thu từ cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước để bổ sung vào nguồn vốn đầu tư các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh và đã giao địa phương phối hợp Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính tham mưu Thủ tướng Chính phủ (Thông báo số 352/TB-VPCP ngày 19/9/2018 của Văn phòng Chính phủ). Đến tháng 6/2020, mới có văn bản của Bộ Tài chính nhất trí với đề nghị của tỉnh (Thông báo số 415/TB-BTC ngày 29/6/2020).

²³⁶ Tỉnh Đắk Lắk 71,8 tỷ đồng; Lai Châu 55,2 tỷ đồng; Phú Thọ 40,9 tỷ đồng; Gia Lai 38,4 tỷ đồng; Kon Tum 19 tỷ đồng; thành phố Cần Thơ 3 tỷ đồng.

²³⁷ Thành phố Hà Nội 1.987 tỷ đồng; Thành phố Hồ Chí Minh 338 tỷ đồng; tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu 1.840,7 tỷ đồng; Đồng Nai 596 tỷ đồng; Kiên Giang 311 tỷ đồng; Bình Phước 199,1 tỷ đồng; Đắk Lắk 164 tỷ đồng...

²³⁸ Chi chuyển nguồn năm 2018 chiếm 23,2% tổng chi NSNN, năm 2017 chiếm 19,4%, năm 2016 chiếm 19,2%, năm 2015 chiếm 15,7%.

65,5% tổng kinh phí viện trợ được sử dụng năm 2019, một số bộ, cơ quan trung ương kinh phí năm trước chuyển sang và nhận kinh phí trong năm lớn nhưng kinh phí quyết toán thấp và chuyển toàn bộ kinh phí sang năm sau²³⁹. Trong đó, quy định về chi chuyển nguồn đối với nguồn kinh phí viện trợ còn chưa thống nhất giữa các văn bản, cụ thể: Mục d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều Luật NSNN 2015 cho phép chuyển nguồn đối với “*các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi*” không phù hợp với quy định tại mục d khoản 3 Điều 64 Luật NSNN 2015 (không quy định nội dung này được phép chuyển nguồn)²⁴⁰.

- Về kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư: (i) Chuyển nguồn của Bộ Y tế cho Dự án Bệnh viện Bạch Mai cơ sở 2 là 71,399 tỷ đồng số vốn được giao năm 2017 chưa giải ngân không đúng quy định của Luật Đầu tư công; (ii) Kéo dài thời hạn giải ngân đến 31/12/2020 số vốn bổ sung từ nguồn dự phòng NSTW năm 2018 đối với những dự án được bổ sung vốn sau ngày 30/9/2018 chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Tuy nhiên, nguyên nhân đề xuất kéo dài là do việc bổ sung từ nguồn dự phòng NSTW năm 2018 chậm nên các địa phương chỉ có thể triển khai giao vốn đến dự án vào năm 2019 vì cần thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư.

- Theo báo cáo của Bộ Tài chính, Báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2019 của TP.HCM còn để kết dư NSĐP năm 2019 số vốn NSTW bố trí có mục tiêu giao năm 2017 chưa giải ngân 1.816,211 tỷ đồng đã chuyển nguồn sang năm 2018 của 02 Dự án²⁴¹ do UBND TP.HCM thực hiện. Qua kiểm toán cho thấy căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 thì nguồn vốn trên không được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân quá ngày 31 tháng 12 năm sau²⁴².

²³⁹ Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam: Kinh phí năm trước chuyển sang 560 tỷ đồng, kinh phí được sử dụng trong năm 647 tỷ đồng, kinh phí chuyển năm sau 647 tỷ đồng; Bộ GTVT: Kinh phí năm trước chuyển sang 22,6 tỷ đồng, kinh phí được sử dụng trong năm 22,6 tỷ đồng, kinh phí chuyển năm sau 22,6 tỷ đồng; Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: Kinh phí được sử dụng trong năm 20,5 tỷ đồng, kinh phí quyết toán 0,87 tỷ đồng, kinh phí chuyển năm sau 19,8 tỷ đồng; ...; một số bộ, cơ quan trung ương số kinh phí đề nghị hủy lớn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư hủy 72,8 tỷ đồng trong khi kinh phí đề nghị quyết toán 44,2 tỷ đồng; Văn phòng Quốc hội hủy 2,5 tỷ đồng, kinh phí quyết toán 0,25 tỷ đồng; Bộ Xây dựng hủy 45,4 tỷ đồng, kinh phí quyết toán 13,2 tỷ đồng.

²⁴⁰ Mục d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP quy định các khoản được phép chuyển nguồn gồm “*Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi*”. Trong khi đó, mục d khoản 3 Điều 64 Luật NSNN 2015 quy định “*Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước*” (**không có nội dung các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi**).

²⁴¹ Dự án xây dựng mới Bệnh viện Nhi đồng TP.HCM và Dự án Bệnh viện Ung bướu TP.HCM cơ sở 2

²⁴² Tại Văn bản số 3096/BKHĐT-TH ngày 12/5/2020, Bộ KH&ĐT chưa tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ số vốn NSTW bố trí có mục tiêu giao năm 2017 chưa giải ngân 1.816,211 tỷ đồng đã chuyển nguồn sang năm 2018 của 02 Dự án do UBND TP.HCM thực hiện, sau đó Bộ KH&ĐT lại có Văn bản số 3769/BKHĐT-LĐVX ngày 10/6/2020 trả lời UBND Thành phố Hồ Chí Minh về đề xuất kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2017, 2018 sang năm 2020 “*Việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn NSTW và vốn TPCP các năm 2017 và 2018 sang năm 2020 là không có cơ sở pháp lý theo quy định hiện hành do Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 không quy định việc cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân quá ngày 31 tháng 12 năm sau. Tại văn bản số 3096/BKHĐT-TH ngày 12/5/2020 về việc kéo dài thời gian*”

Ngoài ra, qua kiểm toán cho thấy: (i) Một số bộ, cơ quan trung ương chưa thực hiện theo quy định của Luật NSNN về xử lý số dư kinh phí và số dư dự toán chuyển năm sau²⁴³; (ii) 27/40 địa phương chi chuyển nguồn cao hơn năm trước, cá biệt có địa phương chi chuyển nguồn vượt trên 50% so với chi chuyển nguồn năm trước²⁴⁴; chuyển nguồn kinh phí hết nhiệm vụ chi 723 tỷ đồng²⁴⁵; chưa chuyển nguồn theo quy định kinh phí còn nhiệm vụ chi 472,8 tỷ đồng²⁴⁶.

2.2.4. Chi bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho các địa phương

Tổng số chi bổ sung từ NSTW cho các địa phương 352.455 tỷ đồng bằng 99,2% dự toán (352.455/355.345 tỷ đồng), trong đó: bổ sung có mục tiêu là 141.174 tỷ đồng bằng 98,1% dự toán (141.174/143.895 tỷ đồng); bổ sung cân đối 211.280 tỷ đồng, bằng 99,91% dự toán (211.280/211.450 tỷ đồng). Qua kiểm toán cho thấy:

- Năm 2019 NSTW có thực hiện hỗ trợ có mục tiêu cho một số địa phương để hỗ trợ bổ sung mặt bằng chi 3.584 tỷ đồng, nhưng chưa có văn bản hướng dẫn về phương pháp, cách thức tính và lập dự toán cho nội dung chi này.

- Đến hết năm 2019, số kinh phí NSTW bổ sung có mục tiêu và các CTMTQG tại 34/40 địa phương còn tồn chưa hoàn trả NSTW theo quy định 1.727 tỷ đồng²⁴⁷; ngoài ra, còn trường hợp kéo dài từ năm 2016 đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa triển khai thực hiện²⁴⁸.

2.2.5. Chương trình mục tiêu quốc gia

Năm 2019, Quốc hội quyết định dự toán 24.045 tỷ đồng thực hiện 02 CTMTQG, gồm: CTMTQG giảm nghèo bền vững và CTMTQG xây dựng nông thôn mới; quyết toán 21.239 tỷ đồng bằng 88,3% dự toán được giao, trong đó một

thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương và TPCP sang năm 2020, Bộ KH&ĐT đã trình Thủ tướng Chính phủ "Cho phép không báo cáo Quốc hội về việc kéo dài kế hoạch vốn NSTW và TPCP các năm 2016, 2017 và 2018 sang năm 2020 theo đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động cân đối trong kế hoạch đầu tư vốn NSTW được giao trong năm 2020 và các năm tiếp theo để hoàn thành các dự án này theo tiến độ được phê duyệt". Ngoài ra, Tại Thông báo số 395/TB-KTNN ngày 02/12/2020 về kết quả kiểm toán NSDP năm 2019 của TP Hồ Chí Minh, KTNN đã kiến nghị UBND TP Hồ Chí Minh "Tiếp tục báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến và thực hiện theo ý kiến kết luận của Thủ tướng đối với nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu năm 2017 cho 02 dự án số tiền 1.816,211 tỷ đồng".

²⁴³ Bộ GTVT 1.224,047 tỷ đồng; TAND tối cao 3,272 tỷ đồng; Bộ Xây dựng 17,190 tỷ đồng; Bộ NN&PTNT 16,192 tỷ đồng; Bộ TN&MT 3,516 tỷ đồng; Tổng cục Thuế 16,308 tỷ đồng; Bộ GD&ĐT 0,73 tỷ đồng.

²⁴⁴ Tỉnh Tiền Giang vượt 136,5%; Đồng Nai 113,3%; Nghệ An 98,5%; Thái Nguyên 67,2%; Sóc Trăng 54,6%; Bắc Ninh 60,9%; Lâm Đồng 58,4%.

²⁴⁵ Tỉnh Kiên Giang 122,6 tỷ đồng; Phú Yên 197,3 tỷ đồng; Nghệ An 144,6 tỷ đồng; Phú Thọ 57 tỷ đồng; Bắc Giang 56 tỷ đồng; Ninh Thuận 52 tỷ đồng...

²⁴⁶ Thành phố Hồ Chí Minh 6,7 tỷ đồng; tỉnh Bắc Ninh 260,6 tỷ đồng; Bình Phước 89,6 tỷ đồng; Lâm Đồng 36 tỷ đồng; Ninh Thuận 18,8 tỷ đồng; Lạng Sơn 10 tỷ đồng...

²⁴⁷ Thành phố Đà Nẵng 27,3 tỷ đồng; tỉnh Phú Yên 228 tỷ đồng; Kiên Giang 175 tỷ đồng; Thanh Hóa 151,9 tỷ đồng; Quảng Ngãi 107,9 tỷ đồng; Gia Lai 133,6 tỷ đồng; Long An 105,4 tỷ đồng; Ninh Bình 69,8 tỷ đồng; Trà Vinh 63,3 tỷ đồng; Hà Tĩnh 52,9 tỷ đồng; Lâm Đồng 42,9 tỷ đồng ...

²⁴⁸ Tỉnh Gia Lai: khoản kinh phí sự nghiệp môi trường NSTW bổ sung 32,9 tỷ đồng để thực hiện Dự án Cải tạo bãi rác sinh hoạt tại thành phố Pleiku.

số đơn vị tỷ lệ giải ngân thấp²⁴⁹. Việc quản lý, sử dụng kinh phí chương trình tại các địa phương được kiểm toán còn một số tồn tại, hạn chế (tổng hợp mục 3.4).

2.2.6. Về sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2019

Bộ Tài chính đã xây dựng đề Chính phủ báo cáo UBNDTVQH phương án phân bổ sử dụng nguồn tăng thu và kinh phí còn lại của ngân sách trung ương năm 2019²⁵⁰ tổng số 55.640 tỷ đồng (Tăng thu NSTW không bao gồm tăng thu viện trợ 32.212 tỷ đồng, kinh phí còn lại của NSTW 23.428 tỷ đồng) cơ bản theo quy định, song còn một số tồn tại sau:

- Việc xác định số tiết kiệm chi của Bộ Tài chính chưa chính xác và chưa phù hợp với tính chất khoản tiết kiệm: Xác định cả số kinh phí không phát sinh nhiệm vụ hoặc không đủ điều kiện phân bổ, bị dừng chi ngay từ khâu kiểm tra phân bổ dự toán, bị hủy dự toán vào số tiết kiệm chi, lãi vay chưa phải trả 23.428 tỷ đồng (dự toán chi trả lãi vay 16.900 tỷ đồng; dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực của NSTW còn dư kinh phí; không phát sinh nhiệm vụ hoặc không đủ điều kiện phân bổ, bị dừng chi ngay từ khâu kiểm tra phân bổ dự toán; bị hủy dự toán 6.528 tỷ đồng). Trong đó, UBNDTVQH đã loại bỏ không đưa vào xem xét xử lý đối với số dự toán chi thường xuyên các lĩnh vực của NSTW còn dư kinh phí, không phát sinh nhiệm vụ hoặc không đủ điều kiện phân bổ, bị dừng chi ngay từ khâu kiểm tra phân bổ dự toán, bị hủy dự toán 6.528 tỷ đồng²⁵¹.

- Bộ Tài chính chưa thực hiện tổng hợp số liệu hỗ trợ người dân để báo cáo Chính phủ phân bổ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 936/NQ-UBNDTVQH14; chưa kịp thời tham mưu Chính phủ thực hiện báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất về kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2019 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 936/NQ-UBNDTVQH14 ngày 05/5/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.2.7. Việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách trung ương

Dự toán dự phòng NSTW năm 2019, Quốc hội quyết nghị 16.000 tỷ đồng²⁵², tổng số dự phòng NSTW đã sử dụng 15.999,8 tỷ đồng, bao gồm: Chi hỗ trợ các địa phương khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và khôi phục sản xuất sau thiên tai,

²⁴⁹ (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Bộ Thông tin và Truyền thông 19,93%, tỉnh Bình Thuận 18,24%; (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Tỉnh Cà Mau 25,17%, Bình Thuận 26,38%, Khánh Hòa 7,72%, Đắk Nông 42,18%.

²⁵⁰ Tờ trình số 04/TTr-CP ngày 16/4/2020 về phương án phân bổ sử dụng nguồn tăng thu và kinh phí còn lại của NSTW năm 2019.

²⁵¹ Số kinh phí này được Bộ Tài chính dự kiến bố trí 3.000 tỷ đồng cho Bộ Quốc phòng để thực hiện các dự án sử dụng nguồn thu từ sắp xếp nhà, đất của các đơn vị quốc phòng; 1.500 tỷ đồng thanh toán kinh phí đền bù GPMB, TĐC dự án đường cao tốc Hà Nội – Hải Phòng đã hoàn thành tháng 12/2015; 828 tỷ đồng đầu tư 02 dự án cải tạo, nâng cấp đường cát hạ cánh và đường lăn tại các Cảng hàng không quốc tế Nội Bài và Tân Sơn Nhất và 638 tỷ đồng khen thưởng các địa phương đạt thành tích tiêu biểu trong phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015.

²⁵² Nghị quyết số 70/2018/NQ-QH14 ngày 9/11/2018 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2019.

dịch bệnh 6.862,2 tỷ đồng²⁵³; chi đảm bảo quốc phòng, an ninh 1.747,4 tỷ đồng²⁵⁴; chi xử lý các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách 7.390,2 tỷ đồng²⁵⁵. Dự phòng NSTW năm 2019 chưa sử dụng hủy dự toán theo quy định 0,19 tỷ đồng.

Năm 2019, hỗ trợ các bộ và địa phương từ nguồn dự phòng NSTW thực hiện các Dự án đầu tư với tổng số vốn 5.076,33 tỷ đồng. Qua kiểm toán cho thấy: (i) Giao 171,3 tỷ đồng cho 11 dự án đã được ghi vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và được phân bổ vốn năm 2016, 2017, 2018 song chưa đủ so với kế hoạch vốn trung hạn; (ii) Giao 146 tỷ đồng cho 14 dự án đã được ghi vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa được bố trí vốn hàng năm; (iii) Giao 515,7 tỷ đồng cho 38 dự án thuộc nhiệm vụ chi của NSDP trong khi chưa làm rõ việc địa phương đã sử dụng dự phòng nguồn ngân sách cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Luật NSNN (địa phương khi đề xuất chỉ nêu khó khăn về nguồn vốn và đề nghị trung ương hỗ trợ từ nguồn dự phòng NSTW 2019), trong đó có một số dự án được phê duyệt quyết định đầu tư từ nhiều năm trước²⁵⁶.

2.3. Cho vay, tạm ứng và ứng trước dự toán

- Tạm ứng ngân quỹ nhà nước: Dự nợ tạm ứng ngân quỹ nhà nước cho NSNN đầu năm 2019 là 169.321 tỷ đồng (NSTW 167.152 tỷ đồng; NSDP 2.169 tỷ đồng); tạm ứng mới trong năm 1.450 tỷ đồng (NSDP), số hoàn trả tạm ứng ngân quỹ nhà nước 2.255 tỷ đồng; dự nợ tạm ứng ngân quỹ nhà nước cuối năm 2019 là 168.516 tỷ đồng (NSTW 167.152 tỷ đồng; NSDP 1.363 tỷ đồng). Qua kết quả kiểm toán cho thấy việc thẩm định, phê duyệt hạn mức vay tồn ngân phát sinh trong năm 2019 thực hiện theo quy định. Tuy nhiên, một số khoản tạm ứng ngân quỹ đã phát sinh từ nhiều năm chưa được các địa phương xử lý thu hồi kịp thời (*tỉnh Lâm Đồng tạm ứng ngân quỹ quá hạn 680 tỷ đồng, tỉnh Bình Định*

²⁵³ Khắc phục thiệt hại do mưa lũ 1.180 tỷ đồng; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh 771,9 tỷ đồng; phòng, chống dịch tả lợn Châu phi và tiêu hủy lợn bệnh 4.970,35 tỷ đồng.

²⁵⁴ Chi bổ sung cho Bộ Quốc phòng 1.535,5 tỷ đồng; Bộ Công an 40 tỷ đồng; chi hỗ trợ cho các địa phương kinh phí đảm bảo an ninh và diễn tập khu vực phòng thủ 171,9 tỷ đồng.

²⁵⁵ - Bổ sung kinh phí cho các bộ, cơ quan trung ương 1.777,2 tỷ đồng, bao gồm: (i) 361 tỷ đồng cho Bộ NN&PTNT để thực hiện dự án hợp tác Việt Nam - Cu Ba phát triển sản xuất lúa gạo tại Cuba giai đoạn 2019-2023 (75 tỷ đồng), thực hiện các dự án cấp bách về phòng, chữa cháy và bảo vệ rừng năm 2019 (20 tỷ đồng), mua bù thuốc thú y dự trữ quốc gia (196 tỷ đồng), nâng cấp 02 phòng thí nghiệm thú y quốc gia và cơ sở nuôi động vật sạch 70 tỷ đồng; (ii) 1.065,4 tỷ đồng cho Bộ Tư pháp để thực hiện vụ kiện quốc tế; (iii) 350,8 tỷ đồng cho Bộ Tài chính để mua bù gạo hàng dự trữ quốc gia đã xuất cấp hỗ trợ cho học sinh và nhân dân.

- Hỗ trợ cho các địa phương 5.613 tỷ đồng, gồm: (i) 238,2 tỷ đồng hỗ trợ khẩn cấp về nhà ở cho các hộ dân bị ảnh hưởng thiên tai từ năm 2016-2018; (ii) 297 tỷ đồng thực hiện các dự án cấp bách về phòng, chữa cháy rừng và bảo vệ rừng năm 2019; (iii) 158,3 tỷ đồng vốn đầu tư sửa chữa, kê chống sạt lở, gia cố các mốc giới hư hỏng xuống cấp; (iv) 262,3 tỷ đồng kinh phí nâng cấp đô thị, thành lập đơn vị hành chính mới được cấp có thẩm quyền quyết định trong năm 2019; (v) 32,8 tỷ đồng hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; (vi) 4.624,5 tỷ đồng vốn đầu tư một số dự án cấp bách khác.

²⁵⁶ Tỉnh Nghệ An: Nâng cấp tuyến đê cửa sông Thái, huyện Quỳnh Lưu được phê duyệt năm 2011; Kê chống sạt lở bờ biển xã Quỳnh Lập được phê duyệt năm 2011; Tỉnh Bạc Liêu: Dự án đầu tư xây dựng công trình khu tái định cư rừng phòng hộ biển tây huyện Phú Tân được phê duyệt năm 2009...

133,5 tỷ đồng)²⁵⁷.

- Chi ứng trước dự toán chi thường xuyên bằng lệnh chi tiền phát sinh từ năm 2016 tại KBNN Hạ Long 10,5 tỷ đồng để giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di chuyển các hộ gia đình thuộc diện di dời khẩn cấp trong nhà chung cư 5 tầng, phá dỡ nhà Chung cư 5 tầng, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long nhưng đến nay UBND thành phố Hạ Long chưa bố trí vốn để hoàn trả đúng thời hạn.

- Theo Báo cáo của Bộ KH&ĐT, số vốn giao kế hoạch trung hạn 2016-2020 để thu hồi vốn ứng trước là 50.534,005 tỷ đồng, số đã bố trí thu hồi 41.214,702 tỷ đồng²⁵⁸, số chưa thu hồi 9.319,303 tỷ đồng.

Ngoài ra, qua kiểm toán cho thấy: (i) 27/40 địa phương còn tình trạng cho tạm ứng kéo dài quá thời hạn chưa thu hồi đến 31/12/2019 số tiền 5.994 tỷ đồng²⁵⁹, trong đó có 02/27 địa phương tạm ứng kéo dài qua nhiều năm, KTNN đã có kiến nghị các năm trước nhưng đến nay vẫn chưa được các tỉnh xử lý dứt điểm 157,4 tỷ đồng²⁶⁰. Ngoài ra, còn trường hợp tạm ứng ngân sách tỉnh cho ngân sách thành phố để chi trả toàn bộ kinh phí bồi thường cho cá nhân 53 tỷ đồng để thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư kinh doanh kết hợp tái định cư của doanh nghiệp chưa phù hợp quy định²⁶¹; ngân sách quận tạm ứng kinh phí cho Thành phố để thực hiện các dự án đầu tư nhưng chưa được hoàn trả 1.559,6 tỷ đồng (quận Long Biên thành phố Hà Nội, tạm ứng từ nguồn thu tiền sử dụng đất); cho vay kéo dài từ năm 2002 chưa thu hồi 5,8 tỷ đồng (tỉnh Hải Dương); cho vay nhưng chưa được HĐND tỉnh quyết định 7 tỷ đồng²⁶². (ii) 13/40 địa phương ứng trước dự toán NSTW nhưng chưa được TW bố trí để thu hồi 10.343,8 tỷ đồng²⁶³, trong đó tại tỉnh Hà Tĩnh, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo các bộ phương án xử lý²⁶⁴ và KTNN cũng đã kiến nghị địa phương báo cáo TW nhưng đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa được bố trí nguồn 5.689,4 tỷ đồng; 20/40 địa phương tạm ứng từ NSTW đến 31/12/2019 chưa thu hồi 2.833 tỷ đồng²⁶⁵.

2.4. Về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản

²⁵⁷ Theo báo cáo của Bộ Tài chính tại Công văn số 537/BTC-KBNN ngày 20/5/2021, đến ngày 07/5/2021 hai địa phương đã hoàn trả (tỉnh Lâm Đồng 680 tỷ đồng, tỉnh Bình Định 133,5 tỷ đồng).

²⁵⁸ Năm 2016: 3.254,817 tỷ đồng; Năm 2017: 3.959,391 tỷ đồng; Năm 2018: 9.216,386 tỷ đồng; Năm 2019: 11.765,883 tỷ đồng; Năm 2020: 13.018,225 tỷ đồng;

²⁵⁹ Tỉnh Phú Yên 594 tỷ đồng; Lâm Đồng 400,3 tỷ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu 225,8 tỷ đồng; Đắk Lắk 223 tỷ đồng; Lạng Sơn 202 tỷ đồng; Gia Lai 120 tỷ đồng...

²⁶⁰ Tỉnh Phú Thọ 96,8 tỷ đồng; Tuyên Quang 60,6 tỷ đồng.

²⁶¹ Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: Theo các quy định có liên quan về đền bù, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh và dự án tái định cư, thì khoản tiền bồi thường về đất sau khi bù trừ với tiền sử dụng đất phải nộp NSNN phải tính vào chi phí đầu tư của dự án hoặc tính vào giá thành của nhà, đất tái định cư, nên việc sử dụng kinh phí NSNN để chi trả trong trường hợp này là chưa phù hợp quy định.

²⁶² Tỉnh Bến Tre: Sử dụng ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách khác.

²⁶³ Tỉnh Hà Tĩnh 5.988 tỷ đồng; Lâm Đồng 1.033,4 tỷ đồng; Lào Cai 877,7 tỷ đồng; Yên Bái 265 tỷ đồng; Lai Châu 250,2 tỷ đồng; Phú Yên 186 tỷ đồng...

²⁶⁴ Thông báo số 668/TB-BTC ngày 19/8/2019 của Bộ Tài chính.

²⁶⁵ Tỉnh Bắc Giang 566 tỷ đồng; Lâm Đồng 501,5 tỷ đồng; Quảng Ngãi 361,4 tỷ đồng; Hà Tĩnh 298,5 tỷ đồng; Kiên Giang 237 tỷ đồng; Ninh Thuận 204 tỷ đồng...

- Quản lý, sử dụng tài sản là nhà, đất: Một số bộ, cơ quan trung ương chưa xử lý dứt điểm tình trạng bị lấn chiếm về nhà, đất kéo dài qua các năm²⁶⁶; chưa hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước²⁶⁷, chưa hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất²⁶⁸; thực hiện liên doanh, liên

²⁶⁶ (i) Trường Đại học Bách khoa Hà Nội - Bộ GD&ĐT: Ô số 4 diện tích 124,25m² do 6 hộ gia đình lấn chiếm, ô số 13 với diện tích 4.843,6m² do Công ty ICD sử dụng cho thuê ở mặt tiền sát công parabol (2.188,3m²), ngoài ra còn có các hộ dân và ông Trịnh Văn Tiến lấn chiếm trái phép một phần diện tích sau nhà D9, ngày 01/7/2015 UBND thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 3036/QĐ-UBND về việc thu hồi đối với diện tích trên, tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa thu hồi được; (ii) Bộ GTVT: Cơ sở Đào tạo Lái xe phường Phú Thịnh, Sơn Tây thuộc Trường Cao đẳng GTVT Trung Ương I do gia đình người dân chiếm dụng 140,5m² từ năm 1996; (iii) Bộ Nội vụ: 02 đơn vị thuộc Cục Văn thư LTNN (Trung tâm LTQG II - 113 Đông Hưng Thuận, Quận 12, TP.HCM, Trung tâm LTQG IV - K2 Đà Lạt) giao cho cán bộ, viên chức sử dụng đến nay chưa thu hồi được; (iv) Bộ Xây dựng: Tại Văn phòng Bộ chưa làm các thủ tục di dời nơi làm việc của 02 Doanh nghiệp đang sử dụng Nhà 5 tầng nguồn gốc góp vốn đầu tư xây dựng từ năm 1995; Trường Cao đẳng Xây dựng TP.HCM, Trường Cao đẳng Xây dựng Công trình đô thị, Viện Kiến trúc Quốc gia chưa xử lý di dời các hộ dân đã ở từ nhiều năm trước để thu hồi đất tại các trụ sở; (v) Bộ NN&PTNT: Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam có 407,2ha đất lấn chiếm; Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Miền Nam có 241,6ha đất đang tranh chấp; (vi) Bộ GD&ĐT: Viện Nghiên cứu thiết kế trường học còn cho Công ty xây dựng trường học nay là Công ty xây dựng Đông Dương sử dụng trụ sở từ năm 2010 đến nay chưa thu hồi được; (vii) TCHQ: 01 cơ sở nhà đất tại Hải đội 3 tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc Cục điều tra chống buôn lậu đang bị lấn chiếm 93,2 m²; (viii) Bộ Y tế: Còn tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất làm nhà ở trong suốt thời gian dài nhưng không được xử lý dứt điểm theo quy định tại Điều 13, 15 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, tổng diện tích 7.820,2m²; (ix) Trung ương Đoàn TNCSCM: Phân viện Miền Nam (Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam) có hộ gia đình ông Nguyễn Văn Toại kinh doanh xưởng mộc diện tích khoảng 1.730,5m² không chịu di dời để hoàn trả tài sản, mặt bằng.

²⁶⁷ (i) Tổng LĐLĐVN: Đến thời điểm 31/12/2019 mới có 114/505 cơ sở nhà đất đã thực hiện rà soát, kê khai, sắp xếp lại nhà đất (tương đương 22,5%), trong đó mới có 99 cơ sở nhà đất đã được Bộ Tài chính phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà đất; (ii) Ủy ban Dân tộc: Đơn vị có 04 cơ sở nhà đất đang quản lý sử dụng nhưng trong đó 01 cơ sở (80-82 Phan Đình Phùng) chưa được cấp có thẩm quyền giao quyền sử dụng đất, 02 cơ sở chưa được phê duyệt phương án sắp xếp lại; (iii) Bộ Nội vụ: 11 cơ sở nhà, đất của 10 đơn vị (Trung tâm tu bổ phục chế tài liệu; Học viện HCQG; Tạp chí thi đua khen thưởng (TP.HCM); Cơ quan đại diện phía Nam của Ban thi đua - khen thưởng (TP.HCM); Phân hiệu Học viện HCQG tại Huế; Số 4 Nguyễn Lộ Trạch, TP. Đà Nẵng; Phân hiệu trường Đại học Nội vụ tại tỉnh Quảng Nam; Trung tâm lưu trữ quốc gia IV; Trung tâm đào tạo tại Đà Lạt (thuộc trường Đại học Nội vụ); Phân hiệu Học viện HCQG tại Tây Nguyên; Phân hiệu Học viện HCQG tại TP.HCM tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) tại 8 tỉnh thành chưa xây dựng phương án sắp xếp, xử lý các loại tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017, 03 cơ sở nhà, đất của 02 đơn vị (Phân viện Học viện HCQG tại TP.HCM (02 cơ sở); Phân hiệu trường Đại học Nội vụ Hà Nội tại TP.HCM) đã hoàn thành việc kê khai, đề xuất phương án sắp xếp xin trình UBND các tỉnh, thành phố và Bộ Tài chính phê duyệt (đến thời điểm kiểm toán chưa có ý kiến trả lời); (iv) Bộ VH&TT&DL: Đến thời điểm kiểm toán còn 46 cơ sở nhà đất tại Hà Nội và các địa phương chưa thực hiện phương án sắp xếp, xử lý nhà đất theo quy định; (v) TCHQ: Còn 49 cơ sở nhà, đất chưa được phê duyệt trong phương án sắp xếp theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP, trong đó 28 cơ sở đã báo cáo Bộ Tài chính và 21 cơ sở chưa báo cáo Bộ Tài chính; (vi) Bộ TN&MT: Đơn vị chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ về lập báo cáo kê khai và đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 87/680 cơ sở nhà, đất đang quản lý, sử dụng, gửi cơ quan quản lý cấp trên theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP

²⁶⁸ (i) Bộ GTVT: 04/07 cơ sở đất thuộc Cảng vụ Hàng không Miền Bắc; Viện Chiến lược và Phát triển GTVT; một số vị trí nhà, đất thuộc Cục Hàng hải Việt Nam; (ii) Bộ Nội vụ: 02 khu đất diện tích 39.797m² (Số 10 đường 3/2, Phường 2, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh 39.607m² và Số 60/1 Lê Thị Riêng, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh 190m²) của Học viện HCQG đã được Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính thẩm định phương án, đang chờ ý kiến của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 03 đơn vị (Cục Văn thư LTNN (Trung tâm LTQG I - số 18 Vũ Phạm Hàm, Cầu Giấy TP.Hà Nội), Ban Thi đua khen thưởng (103 Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội), Văn phòng Bộ (Số 89 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Số 44 Chu Mạnh Trinh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Số 8 Tôn Thất Thuyết, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội; Số 02, Đường Nguyễn Lộ Trạch, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng) chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (iii) TCHQ: 04 cơ sở nhà đất của Cục Hải quan TP.HCM chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất; (iv) Tổng cục Thuế: 36 cơ sở nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn, TP Hà Nội, TP Hải Phòng); (v) Trung ương Đoàn TNCSCM: 04 cơ sở nhà đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

kết, cho thuê, mượn đất không đúng quy định²⁶⁹; thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa dứt điểm²⁷⁰; hiệu quả sử dụng tài sản là nhà, đất chưa

²⁶⁹ (i) Tổng LĐLĐVN: Một số đơn vị thuộc Tổng LĐLĐVN sử dụng tài sản đất còn chưa đúng quy định, liên kết, hợp tác góp vốn kinh doanh có nguy cơ mất kiểm soát về quản lý diện tích đất được giao; (ii) TAND tối cao: 19 cơ sở nhà, đất không có nhu cầu sử dụng, hiện đang cho mượn, bỏ trống, sử dụng không đúng theo quy định; (iii) Bộ GTVT: Tổng công ty quản lý bay Việt Nam cho thuê một phần diện tích tại Trung tâm Văn hoá hàng không, Hà Nội (2.332,5m²) và Canteen tại 22 Trần Quốc Hoàn, TP Hồ Chí Minh (1.519m²) chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao; (iv) Bộ Nội vụ: Cục Văn thư LTNN cho thuê tài sản khi chưa được Bộ phê duyệt đề án sử dụng tài sản công; (v) Bộ Xây dựng: Trường Cao đẳng Xây dựng số 1 cho thuê phòng học khi chưa được Bộ phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công; (vi) Trường Đại học Bách khoa Hà Nội - Bộ GD&ĐT: Cho Công ty BK - Holdings mượn tầng 2 tòa nhà A17, diện tích 432 m² và Công ty TNHH MTV Tư vấn và chuyên gia công nghệ Bách khoa mượn làm văn phòng 40 m², tầng 2 nhà A17 không thu tiền thuê; (vii) Bộ NN&PTNT: Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam sử dụng một phần trụ sở để hợp tác kinh doanh và cho thuê vị trí đặt cột viễn thông nhưng chưa lập đề án trình Bộ phê duyệt; (viii) Bộ GD&ĐT: Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương có 05 hộ là cán bộ (công tác tại trường) thuê nhà tại khu tập thể cũ của trường chưa đúng với mục đích sử dụng đất được giao là làm cơ sở giáo dục; đến thời điểm kiểm toán có 36/49 đề án cho thuê cơ sở vật chất được Bộ phê duyệt; hàng năm Chi cục thuế Quận Hoàn Kiếm, Xi nghiệp quản lý và phát triển Nhà Hoàn Kiếm đều có thông báo tới Văn phòng Bộ GD&ĐT đề nghị nộp tiền thuê nhà, thuê đất của cơ sở 15 Hai Bà Trưng - 29B Ngô Quyền, số tiền phải nộp đến hết quý III/2019 là 44,647 tỷ đồng (tiền thuê nhà 32,532 tỷ đồng, tiền chậm nộp tiền thuê đất và tiền thuê đất 12,115 tỷ đồng), Bộ GD&ĐT và cơ quan chức năng liên quan đang phối hợp để giải quyết vấn đề này; (ix) Bộ VHNT&DL: Một số hộ gia đình sử dụng đất sinh hoạt trong khuôn viên các nhà hát (Liên đoàn Xiếc Việt Nam, Nhà hát Múa rối Việt Nam, Nhà hát Tuồng Việt Nam); cho mượn diện tích sử dụng chưa có phê duyệt của Bộ chủ quản và biên bản bàn giao tài sản (Liên đoàn Xiếc Việt Nam); tính đến thời điểm 31/12/2019 có 33 đơn vị sử dụng tài sản thực hiện liên kết kinh doanh cơ sở vật chất thời gian từ 01 đến 10 năm, mục đích liên kết hoạt động dịch vụ (café và dịch vụ phụ trợ...), tổng số tiền thu được từ hoạt động này trong năm 2019 là 117,383 tỷ đồng trong đó số thu tại các đơn vị được Bộ VHNT&DL chấp thuận là 68,272 tỷ đồng, số thu của các đơn vị chưa có đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê là 49,111 tỷ đồng, một số nội dung chưa đúng theo quy định như: Ký hợp đồng cho thuê đất, tài sản trên đất nhưng giá cho thuê chưa thực hiện đấu giá theo Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (Liên đoàn Xiếc Việt Nam, Nhà hát Múa rối Việt Nam, Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội, Trung tâm HLTTQG Hà Nội, Viện Khoa học TĐTT), sử dụng tài sản trên đất cho thuê chưa lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê theo quy định (Liên đoàn Xiếc Việt Nam, Học viện Múa Việt Nam, Nhà hát Tuồng Việt Nam, Nhà hát Múa rối Việt Nam, Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam, Nhà hát Lớn Hà Nội, Trường Cao đẳng Du lịch Đà Lạt, Trung tâm HLTTQG Hà Nội, Viện Khoa học TĐTT), chưa nộp tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (Học viện Múa Việt Nam, Liên đoàn Xiếc Việt Nam, Nhà hát Lớn Hà Nội, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội), tại Nhà hát Lớn Hà Nội hợp đồng quy định thời gian liên doanh liên kết vượt 3 năm so với chủ trương của Bộ VHNTDL cho thuê, năm 2011 Nhà hát lớn được công nhận là di sản văn hóa nên việc cho thuê liên doanh liên kết và việc bên đối tác tự ý cải tạo một số hạng mục bên trong Nhà hát là chưa đúng quy định tại Điều 14 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Điều 32 Luật Di sản; (x) Bộ Y tế: Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Viện Dược liệu, Viện Vắc xin và Sinh phẩm y tế sử dụng cơ sở nhà đất cho thuê, kinh doanh không đúng chức năng, nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 144/2017/TT-BTC; Văn phòng Bộ Y tế đã cho thuê trái thẩm quyền, giao cho Công đoàn ngành quản lý thu chi mà không phản ánh trên BCQT, BCTC (Công đoàn ký 17 hợp đồng với các cá nhân cho thuê ki ốt đơn giá thuê từ 519.915đ-712.351đ/m²/tháng nhưng chưa lập đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chưa tổ chức đấu giá cho thuê tài sản, chưa có văn bản phê duyệt của các cấp có thẩm quyền; ngoài ra Chủ tịch công đoàn cơ quan đã ký 02 hợp đồng hợp tác kinh doanh với 02 Công ty thực chất là cho thuê cơ sở vật chất, tuy nhiên chưa lập đề án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chưa tổ chức đấu thầu cho thuê tài sản và chưa được cấp có thẩm quyền ủy quyền cho ký hợp đồng cho thuê), đơn giá cho thuê cơ bản không thay đổi từ năm 2015 là trái quy định tại khoản 5 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của Luật Kế toán; hầu hết các đơn vị sự nghiệp có cơ sở nhà đất cho thuê không thực hiện xây dựng Đề án sử dụng tài sản công theo quy định; Viện Dược liệu cho thuê cơ sở nhà, đất không thực hiện đấu giá theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, không điều chỉnh giá cho thuê theo biến động của thị trường trong thời gian dài, làm giảm tính kinh tế, hiệu quả của tài sản công, lãng phí nguồn lực của Nhà nước; các đơn vị trực thuộc Bộ đã thu được số tiền 71,2 tỷ đồng, sau khi trừ chi phí và nộp thuế, số còn lại 56,131 tỷ đồng được sử dụng trích lập các quỹ và chi hoạt động thường xuyên là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; Bệnh viện Tâm thần TW2 cho thuê tài sản không đúng quy định, đã có Thông báo kết quả kiểm tra số 86/TB-STNMT ngày 02/3/2020 và Quyết định xử phạt số 05/QĐ-XPHC ngày 10/01/2020 của Sở TN&MT Đồng Nai buộc bệnh viện khôi phục tình trạng đất như trước khi vi phạm và nộp lại số lợi bất hợp pháp 0,825 tỷ đồng vào NSNN, đồng thời chấm dứt Hợp đồng cho thuê nhưng đến thời điểm kết thúc kiểm toán (ngày 17/11/2020) vẫn chưa thực hiện; (xi) Trung ương Đoàn TNCSHCM: 04/13 đơn vị sự nghiệp cho thuê đã có đề án nhưng chưa được phê duyệt theo quy định với tổng

cao²⁷¹; chưa có quy định hướng dẫn việc quản lý và sử dụng tài sản đối với tài sản gắn liền với đất lâm sản²⁷². Tại một số địa phương còn tình trạng để đất công bị lấn chiếm hoặc cho thuê kinh doanh sai quy định²⁷³; một số đơn vị sự nghiệp cho thuê tài sản nhưng chưa xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định²⁷⁴; chưa lập phương án, kế hoạch sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt đối với diện tích đất quy hoạch đưa ra ngoài diện tích đất rừng giao cho địa phương quản lý²⁷⁵.

- Quản lý, sử dụng xe ô tô: Một số bộ, cơ quan trung ương²⁷⁶, địa phương²⁷⁷ còn sử dụng xe ô tô vượt định mức quy định; chưa hoàn thành việc xử

diện tích là 9.381m², 12/13 đơn vị sự nghiệp cho thuê chưa thực hiện đấu giá theo quy định, 13/13 đơn vị sự nghiệp sử dụng diện tích nhà cho thuê chưa báo cáo các cơ quan có thẩm quyền để xác định tiền thuê đất tương ứng với thời gian sử dụng, tỷ lệ diện tích nhà cho thuê theo quy định.

²⁷⁰ TAND tối cao: 09 cơ sở nhà, đất dôi dư đang làm thủ tục bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có văn bản cho phép bán của Bộ Tài chính, đến nay chưa thực hiện xong, trong đó có cơ sở nhà đất tại Phường Cao Xanh, TP. Hạ Long tỉnh Quảng Ninh đang cho Công an tỉnh Quảng Ninh mượn từ ngày 11/6/2018, tại thời điểm kiểm toán đơn vị chưa cung cấp được Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và kế hoạch sử dụng của cấp có thẩm quyền đối với các cơ sở nhà đất chuyển quyền sử dụng đất gắn với chuyển mục đích sử dụng đất.

²⁷¹ Bộ GTVT: Cục Hàng không VN đang quản lý cơ sở đất số 200/10/2 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội diện tích 9.075,8m², với mục đích làm khu thể dục thể thao của ngành, song việc giao quản lý và sử dụng cơ sở đất chưa phát huy hiệu quả, Cục đã có Văn bản gửi Bộ GTVT về phương án hoàn trả lại cho địa phương nhưng đến nay chưa nhận được văn bản trả lời.

²⁷² Bộ NN&PTNT: Chưa có quy định hướng dẫn việc quản lý và sử dụng tài sản đối với tài sản gắn liền với đất (lâm sản) như vườn cây, rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học và rừng trồng của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam dẫn đến tài sản chưa được quản lý, theo dõi trên sổ kế toán, báo cáo tài chính về số lượng và giá trị (kinh phí đã đầu tư).

²⁷³ Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (thành phố Vũng Tàu còn một số diện tích đất tại phường 2, phường 5, phường Rạch Dừa, xã Long Sơn, đường Võ Nguyễn Giáp); Tiền Giang (huyện Châu Thành còn một số thửa đất bị lấn chiếm, chiếm dụng tại xã Bình Trung, huyện đã có báo cáo gửi Sở Tài chính nhưng chưa có chủ trương, biện pháp xử lý dứt điểm).

²⁷⁴ Tỉnh Kon Tum; Bắc Ninh; Lâm Đồng.

²⁷⁵ Tỉnh Ninh Thuận: Huyện Bác Ái 2.221,34ha; Ninh Sơn 1.124,73ha; Ninh Phước 71,47ha; Thuận Bắc 134,92ha; Thuận Nam 566,2ha.

²⁷⁶ (i) Tổng LĐLĐVN: 167 xe (trong đó 69 xe đủ điều kiện thanh lý); (ii) Ủy ban Dân tộc: Văn phòng UBND 6 xe ô tô, Tạp chí Dân tộc 1 xe ô tô, Học viện dân tộc 3 xe ô tô; (iii) Bộ Nội vụ: 04 đơn vị sử dụng vượt định mức 15 xe ô tô; (iv) TAND tối cao: Một số đơn vị đang sử dụng vượt định mức 14 xe; (v) Bộ Xây dựng: Xe ô tô dùng chung vượt định mức 26 xe; (vi) Bộ NN&PTNT: Sử dụng thừa xe phục vụ công tác chung so với định mức 77 xe và thiếu so với định mức 34 xe; sử dụng thừa xe ô tô chuyên dùng so với định mức 26 xe và thiếu so với định mức 487 xe; (vii) Bộ GD&ĐT: Xe phục vụ công tác chung thừa 22 xe và thiếu 22 xe theo tiêu chuẩn, định mức tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP; (viii) Bộ VHTT&DL: Tổng cục TDTT giao nhiều hơn 09 xe phục vụ chung, hầu hết các xe đã hết khấu hao đủ điều kiện thanh lý; (ix) TCHQ: Xe ô tô dôi dư 43 chiếc; (x) Bộ TN&MT: Đến thời điểm kiểm toán còn vượt định mức 03 xe ô tô (Cục Viễn thám Quốc gia vượt định mức 01 xe dùng chung, Cục Đo đạc bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam vượt 02 xe chuyên dùng); (xi) Tổng cục Thuế: Đến 31/12/2019, toàn ngành vượt 10 xe so với định mức theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP; (xii) Bộ Y tế: Một số đơn vị còn sử dụng xe ô tô vượt định mức 22 xe.

²⁷⁷ Tỉnh Bắc Ninh (Văn phòng UBND tỉnh Bắc Ninh thừa 05 xe ô tô dùng chung; Văn phòng HĐND và UBND huyện Quế Võ thừa 01 xe ô tô dùng chung; Sở VHTT&DL thừa 4 xe ô tô dùng chung); tỉnh Quảng Bình (thừa 174 xe ô tô dùng chung và 58 xe ô tô chuyên dùng; địa phương đã báo cáo Bộ Tài chính về hình thức xử lý tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Bộ Tài chính chưa có văn bản trả lời đối với phương án của địa phương); tỉnh Thanh Hóa (Văn phòng HĐND&UBND thị xã Nghi Sơn thừa 03 xe; Văn phòng HĐND&UBND huyện Thạch Thành thừa 01 xe; Văn phòng HĐND&UBND huyện Hà Trung thừa 01 xe; Văn phòng Sở TN&MT thừa 03 xe); tỉnh Phú Yên (Văn phòng UBND Tỉnh vượt 03 xe; Sở Thông tin và Truyền thông vượt 01 xe); thành phố Đà Nẵng (hầu hết các đơn vị cấp I đều dôi dư xe ô tô phục vụ công tác chung, số lượng xe thừa là 152 xe).

lý, sắp xếp lại xe ô tô theo quy định²⁷⁸. Một số tỉnh chưa ban hành phương án sắp xếp xử lý xe ô tô dôi dư²⁷⁹; trang bị xe cho đơn vị không phù hợp quy định²⁸⁰; tạm mượn xe và cho tạm mượn xe ô tô phục vụ công tác trong thời gian dài không đúng quy định²⁸¹; UBND Tỉnh còn phê duyệt điều chuyển, sắp xếp từ xe ô tô sử dụng công tác chung dôi dư sang xe chuyên dùng để sử dụng không nằm trong danh mục xe ô tô chuyên dùng theo quy định²⁸².

Ngoài ra, qua kiểm toán Tổng Liên đoàn Lao động còn tình trạng việc sử dụng nguồn tích lũy công đoàn tại công đoàn các cấp để cho vay đầu tư XDCCB, đầu tư mua cổ phần, góp vốn đầu tư từ nguồn tích lũy công đoàn không đúng quy định Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn và thẩm quyền; việc cho vay, mua cổ phần chưa có cơ chế, cơ sở ràng buộc pháp lý, thiếu sự giám sát; một số khoản cho vay xây trụ sở quá thời hạn khó có khả năng thu hồi, chưa thu hồi vốn vay trước khi chuyển đổi bán doanh nghiệp dẫn đến nguy cơ mất vốn nguồn tài chính công đoàn; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành văn bản quản lý thu, chi chưa phù hợp quy định²⁸³.

2.5. Quản lý, sử dụng các quỹ ngoài ngân sách

(1) Quỹ dự trữ tài chính:

- Số dư đầu năm Quỹ dự trữ tài chính trung ương 2.347,6 tỷ đồng, số bổ sung trong năm 28,6 tỷ đồng (lãi tiền gửi)²⁸⁴, số dư cuối kỳ 2.376,2 tỷ đồng, bằng 0,14% (2.376,2/1.633.300 tỷ đồng) dự toán chi NSTW năm 2019, nhỏ hơn rất

²⁷⁸ Bộ GTVT; Bộ Nội vụ; TAND tối cao; Bộ Xây dựng; Bộ TN&MT; Trung ương Đoàn TNCSSHCM.

²⁷⁹ Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (71 xe); Tiền Giang (74 xe); Quảng Ngãi (90 xe).

²⁸⁰ Tỉnh Tiền Giang: Mua xe ô tô chuyên dùng và giao cho Đoàn Quản lý giao thông quản lý là chưa phù hợp do Đoàn Quản lý giao thông là đơn vị sự nghiệp đã được UBND tỉnh giao thực hiện cơ chế tự chủ tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư từ năm 2017.

²⁸¹ Tỉnh Phú Yên: Văn phòng Tỉnh ủy cho mượn 01 xe ô tô và tạm mượn 01 xe ô tô; Văn phòng UBND Tỉnh tạm mượn 03 xe ô tô và cho mượn 01 xe ô tô.

²⁸² Tỉnh Bắc Giang: Điều chỉnh 25 xe ô tô (xe 07 chỗ, 02 cầu) cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh sử dụng.

²⁸³ (i) Quyết định số 1912/QĐ-TLĐ và Quyết định số 1712/QĐ-TLĐ về quy định đối với các đơn vị sự nghiệp nộp nghĩa vụ về cấp trên chưa phù hợp với quy định Nghị định số 43/2006/NĐ-CP và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP; quy định Điều 9, Quyết định số 1912/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 sử dụng tài chính công đoàn cho vay là chưa phù hợp với quy định của Điều lệ Công đoàn, Luật Công đoàn. KTNN đã có kiến nghị qua các năm kiểm toán, tuy nhiên Tổng LĐLĐVN chưa nghiên cứu, điều chỉnh lại các quyết định theo kiến nghị để đảm bảo việc quản lý tài chính công đoàn đúng quy định hiện hành; (ii) Ban hành một số quy định hướng dẫn chưa có căn cứ, đảm bảo phù hợp thực tế thực hiện: Nghị quyết số 09c (về điều chỉnh giảm tỷ trọng chi hành chính và chi hoạt động phong trào để tạo nguồn kinh phí cho đầu tư xây dựng các thiết chế công đoàn tại các khu công nghiệp và khu chế xuất) chưa phù hợp với Nghị quyết số 07b (hàng năm giảm dần tỷ lệ nộp về công đoàn cấp trên mỗi năm giảm 1%, tăng chi hoạt động cho Công đoàn cơ sở); Hướng dẫn tại Quyết định 1862/QĐ-TLĐ ngày 6/11/2018 về định mức tính giao dự toán không có căn cứ và phù hợp với quy định hiện hành dẫn đến không đồng nhất thực hiện tại các cấp công đoàn; Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ về cơ chế thường có sự trùng lặp cùng một khoản KPCĐ vừa được thưởng thu TCCĐ, vừa được thưởng nộp TCCĐ; ban hành hướng dẫn việc sử dụng tài khoản chuyên thu chưa phù hợp Luật Cảnh tranh, Nghị định 43/2006/NĐ-CP, Luật Doanh nghiệp, chế độ kế toán và chưa được sự đồng thuận từ các cấp công đoàn...). Hướng dẫn 1305/HD-TLĐ ngày 15/8/2017 của Tổng Liên đoàn Lao động lựa chọn duy nhất chi nhánh ngân hàng Vietinbank tại địa phương nộp kinh phí công đoàn chưa phù hợp với quy định Khoản 1 Điều 8 Luật Cảnh tranh năm 2018.

²⁸⁴ Không bao gồm số tạm ứng và hoàn ứng trong năm 200 tỷ đồng.

hiều so với mức khống chế tối đa theo quy định²⁸⁵, khó đáp ứng xử lý cân đối ngân sách theo quy định²⁸⁶.

- Trích lập Quỹ dự trữ tài chính địa phương chưa đảm bảo 50% kết dư ngân sách cấp tỉnh theo quy định²⁸⁷; cá biệt có trường hợp cho tạm ứng từ năm 2011, 2012 và KTNN đã kiến nghị nhưng đến thời điểm kiểm toán vẫn chưa thu hồi được²⁸⁸.

(2) Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp: Một số địa phương chưa nộp về Quỹ khoản thu từ bán vốn cổ phần thuộc sở hữu nhà nước²⁸⁹; chưa nộp trả về Quỹ số dư còn tồn tại Quỹ địa phương (tỉnh Long An).

(3) Quỹ Phát triển đất: Một số địa phương chưa trích hoặc trích lập quỹ chưa đủ theo quy định của HĐND²⁹⁰, tạm ứng cho dự án không đúng quy định²⁹¹; tạm ứng quá hạn thanh toán nhưng chưa nộp trả Quỹ²⁹²; địa phương quy định quy chế tạm ứng của Quỹ không phù hợp quy định tại Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg dẫn đến cho tạm ứng một số dự án ngoài danh mục²⁹³.

(4) Quỹ Đầu tư phát triển: Ứng vốn cho dự án khi kế hoạch vốn chưa được UBND phê duyệt, không có trong danh mục kế hoạch ứng vốn được duyệt (tỉnh Bắc Giang); cho vay, tạm ứng kéo dài từ năm và KTNN đã có kiến nghị nhưng đến thời điểm kiểm toán chưa thu hồi (tỉnh Tuyên Quang); cho vay không đúng đối tượng theo quy định (tỉnh Long An); ký hợp đồng thiếu bảo lãnh tạm ứng vốn, chậm thu hồi thanh toán tạm ứng²⁹⁴.

3. Kết quả kiểm toán các chuyên đề và Chương trình mục tiêu

3.1. Chuyên đề việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự phòng 10% tại

²⁸⁵ Theo quy định khoản 3 Điều 8 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 “Số dư của quỹ dự trữ tài chính ở mỗi cấp không vượt quá 25% dự toán chi ngân sách hằng năm của cấp đó, không bao gồm số chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên”.

²⁸⁶ Theo quy định khoản 4 Điều 8 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016.

²⁸⁷ Thành phố Cần Thơ 118,7 tỷ đồng; tỉnh Kiên Giang 178,8 tỷ đồng; Tiền Giang 123 tỷ đồng; Trà Vinh 82 tỷ đồng.

²⁸⁸ Thành phố Hà Nội tạm ứng cho Công ty TNHH Minh Hiền 6,8 tỷ đồng.

²⁸⁹ Tỉnh Thái Nguyên, Hà Tĩnh; Ninh Thuận.

²⁹⁰ Tỉnh Đồng Nai; Tuyên Quang; Trà Vinh; Lào Cai; Bến Tre.

²⁹¹ Tỉnh Trà Vinh: Tạm ứng cho Trung tâm phát triển quỹ đất để thanh toán giá trị thực hiện hoàn thành Dự án Tuyến số 01 đường nội ô thành phố Trà Vinh 71 tỷ đồng chưa phù hợp với tiết a Khoản 1 Điều 11 quy chế mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg. Thái Bình: Ứng vốn 6,3 tỷ đồng cho Trung tâm phát triển quỹ đất Sở TN&MT thanh toán giá trị còn lại trên diện tích đất thu hồi chưa phù hợp với quy định.

²⁹² Tỉnh Lào Cai 413 tỷ đồng; Nam Định 161,2 tỷ đồng; Yên Bái 21 tỷ đồng.

²⁹³ Tỉnh Quảng Bình: Điểm d Điều 11 Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 12/10/2018 của UBND tỉnh Quảng Bình quy định về Quản lý sử dụng nguồn vốn của quỹ “Tạm ứng vốn nhàn rỗi cho NSNN để kịp thời thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương” trong khi Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg không quy định nội dung này.

²⁹⁴ Tỉnh Thái Bình: Ký hợp đồng cung ứng xi măng để xây dựng nông thôn mới chưa quy định về bảo lãnh tạm ứng và đơn vị chưa cung cấp bảo lãnh tạm ứng vốn cho Quỹ Đầu tư phát triển, đến ngày 18/3/2020 toàn bộ các huyện, thành phố đã hoàn thành việc xây dựng nông thôn mới nhưng Quỹ chưa thu hồi số kinh phí đã thanh toán, tạm ứng vượt khối lượng xi măng bên bán cung cấp, số tiền 174,5 tỷ đồng.

các bộ, cơ quan trung ương và địa phương²⁹⁵

- Dự phòng chung nguồn NSTW trong nước: Bộ KH&ĐT chưa cập nhật giảm nguồn dự phòng chung vốn NSTW trong nước để tham mưu Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội; báo cáo UBTVQH²⁹⁶ phương án phân bổ dự phòng chung nguồn NSTW trong nước còn lại của kế hoạch trung hạn vốn NSTW vượt 6.000 tỷ đồng; tham mưu Thủ tướng Chính phủ giao KHV chưa phù hợp²⁹⁷; giao KHV trung hạn từ nguồn dự phòng chung vượt mức dự kiến vốn năm 2020 Bộ KH&ĐT đã thông báo cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương²⁹⁸; giao KHV cho Dự án chưa thể hiện rõ là dự án cấp bách thuộc trường hợp đặc biệt được sử dụng NSTW²⁹⁹.

- Dự phòng chung nguồn ngân sách địa phương: Đến ngày 31/7/2020, Quốc hội và Chính phủ chưa có ý kiến phân bổ chi tiết mức vốn dự phòng chung nguồn NSDP, Bộ KH&ĐT chưa tham mưu Chính phủ yêu cầu các địa phương tổng hợp và báo cáo việc phân bổ và sử dụng, tuy nhiên, vốn NSDP đã được Quốc hội quyết nghị, Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm giai đoạn 2016-2020 vượt hạn mức trung hạn của Quốc hội³⁰⁰.

- Dự phòng 10% tại các bộ, cơ quan trung ương, địa phương: Bộ KH&ĐT tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ giao KHV cho dự án không thuộc đối tượng được sử dụng³⁰¹; nhiều bộ, cơ quan trung ương, địa phương chưa phân bổ đủ vốn năm 2020 cho các dự án đã được giao kế hoạch trung hạn từ nguồn dự phòng 10% vốn NSTW³⁰².

²⁹⁵ Kiểm toán theo nội dung Nghị quyết số 84/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội khóa XIV, KTNN đã có Báo cáo số 1140/BC-KTNN ngày 19/10/2020 gửi Quốc hội.

²⁹⁶ Bộ Kế hoạch và Đầu tư thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ báo cáo UBTVQH.

²⁹⁷ Chưa ưu tiên bố trí đủ vốn thanh toán nợ của 20/20 dự án theo danh mục đã báo cáo UBTVQH tại Tờ trình số 110/TTr-CP (chỉ bố trí 9.170,9/13.750,8 tỷ đồng cho 16/20 dự án, bằng 66,7% mức vốn dự kiến và bằng 28,3% số giao bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn (32.365 tỷ đồng)), đặc biệt có 03/16 dự án trong danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn chưa được ưu tiên bố trí dứt điểm (chỉ bố trí 1.301,8 tỷ đồng, đạt 58,8% mức vốn dự kiến trong Tờ trình số 110/TTr-CP); chưa ưu tiên bố trí cho 14 dự án dở dang trong danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn và danh mục dự kiến bố trí đã báo cáo UBTVQH tại Tờ trình số 110/TTr-CP (3.215 tỷ đồng) nhưng lại bố trí 4.648,7 tỷ đồng cho 17 dự án mới, trong đó có 07/17 dự án chưa có trong danh mục dự kiến bố trí vốn tại Tờ trình số 110/TTr-CP số tiền 1.258,7 tỷ đồng; giao 8.201,6/32.365 tỷ đồng cho 153 dự án mới, bằng 25,3% số giao bổ sung Kế hoạch ĐTC trung hạn, trong đó có 41/153 dự án không có trong danh mục dự kiến tại Tờ trình số 110/TTr-CP số tiền 2.837,9 tỷ đồng; giao 4.279,1/32.365 tỷ đồng cho 80 dự án chưa có trong danh mục dự kiến bố trí vốn đã báo cáo UBTVQH tại Tờ trình số 110/TTr-CP bằng 13,1% số giao bổ sung Kế hoạch ĐTC trung hạn. Mặt khác chưa ưu tiên bố trí vốn cho một số dự án thuộc diện cấp bách lĩnh vực quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi và hạ tầng thiết yếu khác theo Phụ lục số 1-G tại Tờ trình số 110/TTr-CP; chỉ bố trí 345,4 tỷ đồng cho 05/05 dự án quan trọng, cấp bách có ý nghĩa liên kết vùng theo Phụ lục 1-C tại Tờ trình số 110/TTr-CP, bằng 8,4% so với mức vốn dự kiến (4.112 tỷ đồng) và bằng 01% số giao bổ sung Kế hoạch ĐTC trung hạn.

²⁹⁸ Tỉnh Bình Định dự kiến 124,30 tỷ đồng, được giao 490,67 tỷ đồng; Hòa Bình dự kiến 187,10 tỷ đồng, được giao 375,80 tỷ đồng; Bắc Ninh dự kiến 20 tỷ đồng, được giao 270 tỷ đồng.

²⁹⁹ Giao 52 tỷ đồng cho Dự án Đường nâng cấp cải tạo từ huyện Hàm Thuận Bắc đến xã La Dạ, tỉnh Bình Thuận (dự án nhóm C).

³⁰⁰ Lũy kế vốn NSDP đã được Quốc hội quyết nghị, Thủ tướng Chính phủ giao hằng năm của các địa phương từ 2016-2020 là 1.004.350 tỷ đồng vượt 124.350 tỷ đồng so với hạn mức trung hạn của Quốc hội là 880.000 tỷ đồng (bao gồm DPC và dự phòng 10%).

³⁰¹ Dự án Xây dựng Học viện Chính sách và Phát triển (Bộ KH&ĐT): Được giao 127,47 tỷ đồng từ nguồn dự phòng 10% không thuộc đối tượng được sử dụng theo quy định tại Nghị định số 77/2017/NĐ-CP.

³⁰² Nguyên nhân: Dự án lập kế hoạch chưa sát với khả năng thực hiện, chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư, chưa bố trí đủ nguồn vốn...

- Giao KHV hằng năm: Một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương không phân bổ hết số vốn dự phòng chung đã được Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào kế hoạch trung hạn³⁰³.

3.2. Chuyên đề việc quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020

Qua kiểm toán Chương trình cho thấy: (i) Công tác xây dựng, ban hành một số quy định đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo giáo dục nghề nghiệp theo mục tiêu Đề án còn chậm³⁰⁴; (ii) Bộ LĐTBXH chưa thực hiện thẩm định lại căn cứ đề xuất phân bổ kinh phí đảm bảo tiêu chí và nguyên tắc phân bổ đã xây dựng; (iii) Một số trường thụ hưởng kinh phí Chương trình đề xuất kinh phí mua sắm tài sản trang thiết bị chưa đúng ngành nghề trọng điểm, đề xuất danh mục thiết bị mua sắm chưa sát thực tế thực hiện dẫn đến tài sản mua về chưa sử dụng kịp thời, hoặc phải điều chuyển sang ngành nghề đào tạo khác; (iv) Bố trí nguồn vốn NSTW chưa đảm bảo kế hoạch vốn trung hạn 2016-2020 cho một số dự án³⁰⁵; việc cam kết của địa phương chưa đúng cam kết về việc bố trí vốn từ NSDP để thực hiện đồng bộ dự án tại quyết định phê duyệt dự án ban đầu và theo quy định tại Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20/6/2017.

3.3. Kết quả kiểm toán các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, BLT

Ngoài các hạn chế, sai sót chung trong quá trình đầu tư, công tác quản lý các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT, BT còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, cụ thể:

(i) Đối với các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT³⁰⁶:

- Điều kiện giải ngân, thanh toán phần vốn góp của Nhà nước tham gia trong Dự án và phần vốn vay của nhà đầu tư tại hợp đồng BOT chưa nêu cụ thể, Hợp đồng BOT có quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạm ứng cho Nhà đầu tư bằng 40% tương ứng với giá trị phần vốn nhà nước do nhà đầu tư tổ chức thực hiện không đúng quy định³⁰⁷.

- Phương án tài chính xác định thời gian thu phí hoàn vốn còn một số chỉ tiêu chưa được cập nhật để phù hợp với thực tế phát sinh định kỳ theo quy định³⁰⁸; một số yếu tố trong phương án tài chính đã thay đổi trong quá trình thực hiện dự án song Nhà đầu tư và cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa điều chỉnh hợp đồng

³⁰³ Bộ KH&ĐT, Bộ GTVT, Bộ TN&MT, Thành phố Cần Thơ, tỉnh Bến Tre chưa phân bổ 597,5 tỷ đồng.

³⁰⁴ Như: Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn, quy trình đánh giá, công nhận trường cao đẳng chất lượng cao, tổ chức đánh giá một số trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn này nhằm phân đấu có khoảng 40 trường cao đẳng được công nhận là trường chất lượng cao

³⁰⁵ Dự án Khoa dân tộc nội trú Trường cao đẳng nghề Việt - Hàn Bắc Giang (37,296 tỷ đồng/45 tỷ đồng); Dự án đầu tư phát triển trường nghề chất lượng cao của Trường Cao đẳng nghề Đà Lạt (1 tỷ đồng/58,5 tỷ đồng).

³⁰⁶ (i) ĐTXD đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1; (ii) Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn; (iii) ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn; (iv) Đường bộ ven biển Việt Nam đoạn qua tỉnh Thái Bình, Nam Định.

³⁰⁷ Dự án đường bộ ven biển Việt Nam đoạn qua tỉnh Thái Bình, Nam Định: Theo quy định tại Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và Thông tư số 88/2018/TT-BTC không có quy định về việc tạm ứng hợp đồng đối với phần vốn góp của Nhà nước trong dự án PPP giữa Nhà nước và Nhà đầu tư.

³⁰⁸ Dự án ĐTXD Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn.

BOT³⁰⁹; chi phí sửa chữa thường xuyên chưa phù hợp định mức, chi phí trung tu và đại tu chưa phù hợp³¹⁰; chưa quy định nguyên tắc và điều kiện điều chỉnh lãi suất vốn vay trong phương án tài chính³¹¹; giải ngân vốn vay và vốn góp chủ sở hữu chậm so với dự kiến trong phương án tài chính³¹²; chưa cập nhật vào phương án tài chính thu nhập từ lãi tiền gửi phát sinh³¹³; dự án xuất hiện nhiều yếu tố thay đổi ảnh hưởng đến tính khả thi của dự án nhưng các bên chưa xem xét kịp thời trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh dự án theo quy định³¹⁴; dự án đưa vào vận hành nhưng các bên chưa thỏa thuận dự toán chi phí quản lý thu phí làm cơ sở thực hiện, chậm lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ thu phí tự động không dừng³¹⁵; chưa nộp trả NSNN chi phí thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án theo quy định³¹⁶...

Kết quả kiểm toán kiến nghị xử lý 1.128,46 tỷ đồng³¹⁷, có 01 dự án BOT thời gian thu phí hoàn vốn sau khi cập nhật lại kết quả kiểm toán giảm 23 tháng so với phương án ban đầu³¹⁸.

(ii) Đối với các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BT³¹⁹:

- Chưa công bố danh mục đầu tư dự án³²⁰; lập và phê duyệt TMĐT chưa chính xác³²¹, không kịp thời cập nhật chỉ số giá để tính lại chi phí dự phòng làm tăng TMĐT³²².

- Nhà đầu tư, Doanh nghiệp dự án không xây dựng lịch trình thực hiện dự án, không xây dựng và thống nhất với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về kế hoạch, tiến độ huy động vốn phù hợp với tiến độ của dự án BT³²³; Nhà đầu tư góp vốn không đủ theo hợp đồng BT³²⁴; phương án tài chính điều chỉnh được phê duyệt

³⁰⁹ Dự án Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn.

³¹⁰ Dự án Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn: Chi phí thường xuyên tăng 0,34 tỷ đồng; chi phí trung tu tăng 41 tỷ đồng; chi phí đại tu tăng 77,9 tỷ đồng.

³¹¹ Dự án đường bộ ven biển Việt Nam đoạn qua tỉnh Thái Bình, Nam Định.

³¹² Dự án Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn: Vốn góp chủ sở hữu đạt 86%; vốn vay đạt 88% kế hoạch.

³¹³ Dự án Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn: năm 2019 và 2020 là 10,9 tỷ đồng.

³¹⁴ Dự án Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn.

³¹⁵ Dự án Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn.

³¹⁶ Dự án ĐTXD Cảng hàng không Quốc tế Vân Đồn.

³¹⁷ Tăng thu NSNN 66,42 tỷ đồng, giảm chi NSNN 9,22 tỷ đồng, xử lý khác 1.052,82 tỷ đồng.

³¹⁸ Dự án đường bộ ven biển Việt Nam đoạn qua tỉnh Thái Bình, Nam Định

³¹⁹ 10 dự án: (i) ĐTXD đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây; (ii) ĐTXD 04 tuyến đường chính trong khu đô thị mới Thủ Thiêm; (iii) ĐTXD cầu Thủ Thiêm 2; (iv) Dự án thành phần ĐTXD đoạn Cam Lộ - La Sơn thuộc dự án XD một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020; (v) Dự án phân kỳ đầu tư GĐ 1 - XD công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan; (vi) ĐTXD hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến đường Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm; (vii) XD tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng; (viii) Đường vành đai phía Nam thành phố Hải Dương (đoạn từ cầu Tam Giang đến phía Bắc cầu Hải Tân); (ix) Xây dựng hệ thống đường giao thông chính trong Khu Thương mại - Du lịch - Văn hóa và Đô thị mới phía Tây thành phố Hải Dương (giai đoạn 1); (x) Xây dựng hệ thống đường giao thông chính trong Khu Thương mại - Du lịch - Văn hóa và Đô thị mới phía Tây thành phố Hải Dương (giai đoạn 1).

³²⁰ Dự án XD tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng.

³²¹ Dự án thành phần ĐTXD đoạn Cam Lộ - La Sơn; Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ Thiêm 1 đến đường Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm; Dự án XD tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng.

³²² Dự án ĐTXD 04 tuyến đường chính trong khu đô thị mới Thủ Thiêm tăng TMĐT 350,9 tỷ đồng.

³²³ Dự án ĐTXD đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây.

³²⁴ Dự án ĐTXD đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây: góp vốn đạt 27,13% (165 tỷ đồng/608 tỷ đồng).

có một số chi phí là tạm tính, một số chi phí chưa được cập nhật chính xác³²⁵.

- Doanh nghiệp dự án chưa có kế hoạch, phương án thu xếp vốn để tiếp tục thực hiện dự án³²⁶; cho phép điểm dừng kỹ thuật dự án nhưng không nêu lý do, thời gian và phương án xử lý³²⁷; đồng ý chủ trương cho Nhà đầu tư thi công (đã thi công xong) nhưng chưa phê duyệt thiết kế cơ sở và ký phụ lục hợp đồng bổ sung³²⁸.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền không xây dựng chi tiết kế hoạch giám sát dự án, thiếu sự kiểm tra giám sát việc bỏ vốn và huy động vốn của Nhà đầu tư, ký phụ lục hợp đồng BT chưa phù hợp thẩm quyền³²⁹; ủy quyền ký hợp đồng BT đối với dự án đầu tư thuộc nhóm A không phù hợp quy định³³⁰; ký hợp đồng bảo hiểm trong đó loại trừ trách nhiệm bảo hiểm một số trường hợp không đúng quy định³³¹;

- Thời gian thực hiện thẩm tra quyết toán kéo dài³³²; chưa quyết toán đo đạc xác định diện tích đất thực tế giao cho nhà đầu tư³³³.

Kết quả kiểm toán kiến nghị xử lý tài chính 1.801,86 tỷ đồng³³⁴, trong 10 dự án BT được kiểm toán có 01 dự án kiểm toán có tỷ lệ xử lý trên 49% giá trị được kiểm toán, 01 dự án có tỷ lệ xử lý trên 20% giá trị được kiểm toán³³⁵.

Ngoài ra kiểm toán chuyên đề việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tại tỉnh Sơn La: UBND tỉnh Sơn La chưa kịp thời xử lý đối với một số dự án đã được đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm nhưng đã quá 03 năm chưa hiện³³⁶; không lập, phê duyệt và tổ chức đấu thầu dự án thuê đất vào mục đích thương mại dịch vụ đối với các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao³³⁷; phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá thấp hơn giá Bảng giá đất của UBND tỉnh³³⁸; miễn, giảm tiền thuê đất không đúng quy định, cơ sở pháp lý không rõ ràng³³⁹; phê duyệt phương án và chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không

³²⁵ Dự án thành phần ĐTXD đoạn Cam Lộ - La Sơn và Dự án phân kỳ đầu tư GĐ 1 - XD công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn – Túy Loan.

³²⁶ Dự án ĐTXD đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây mới bỏ trí 2.429 tỷ đồng/6.076 tỷ đồng, thiếu 3.647 tỷ đồng.

³²⁷ Dự án ĐTXD đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây: UBND TP Hà Nội cho phép dừng không thi công 21,5km đường còn lại tương đương 2.448 tỷ đồng

³²⁸ Dự án ĐTXD đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây: UBND TP Hà Nội cho phép mở rộng Km0-Km6+600

³²⁹ Dự án ĐTXD đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây.

³³⁰ Dự án XD tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng

³³¹ Dự án XD tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng

³³² Dự án Đường vành đai phía Nam thành phố Hải Dương (Đoạn từ cầu Tam Giang đến phía Bắc Cầu Hải Tân) kéo dài trên 5 năm.

³³³ Dự án Khu Thương mại - Du lịch - văn hoá và đô thị mới phía Tây thành phố Hải Dương.

³³⁴ Thu hồi nộp NSNN 0,38 tỷ đồng, giảm thanh toán 0,52 tỷ đồng; xử lý khác 1.800,96 tỷ đồng.

³³⁵ Dự án ĐTXD đường trục phía Nam tỉnh Hà Tây 842,8 tỷ đồng (49,1%); Dự án XD tuyến đường bộ trên cao dọc đường vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Vọng 255,73 tỷ đồng (20,8%).

³³⁶ 43 dự án tại 8 huyện thành phố được công bố phải thu hồi đất để thực hiện dự án hoặc phải chuyển mục đích sử dụng đất, tuy nhiên đã quá 3 năm vẫn chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất.

³³⁷ Năm 2015, 2016, 2017 không lập; năm 2018 lập 01 dự án; năm 2019 lập 02 dự án.

³³⁸ 02 thửa đất tại Dự án khu dân cư ngã tư Quyết Thắng, bản Buồn, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La.

³³⁹ Xác định miễn tiền thuê đất lòng hồ thủy điện khi cơ sở pháp lý không rõ ràng; phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Sản xuất nông nghiệp, vườn ươm giống cây trồng nông nghiệp của Công ty cổ phần giống cây trồng Sơn

đúng quy định³⁴⁰; giao nhiệm vụ chủ trì thẩm định chủ trương đầu tư³⁴¹, đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư³⁴² không phù hợp với chức năng nhiệm vụ; phê duyệt dự án không nằm trong quy hoạch³⁴³; đề nghị nhà thầu ứng trước tiền bồi thường, GPMB trước khi có Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu³⁴⁴; còn sai sót trong việc quản lý chi phí đầu tư³⁴⁵, xây dựng và xác định phương án tài chính³⁴⁶.

3.4. Kết quả kiểm toán một số Chương trình³⁴⁷

Chưa lập Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020³⁴⁸ hoặc lập nhưng không chi tiết danh mục dự án³⁴⁹; lập kế hoạch chưa sát với nhu cầu, khả năng thực hiện³⁵⁰, khả năng huy động các nguồn vốn khác³⁵¹; xác định danh mục công trình chưa phù hợp với tiêu chí đầu tư³⁵², thay đổi danh mục công trình nhưng chưa có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền³⁵³; phân bổ, giải ngân vốn

La, trong đó áp dụng miễn tiền thuê đất toàn bộ thời hạn thuê đất không đúng quy định; miễn tiền thuê đất đối với diện tích xây dựng Trụ sở làm việc của Công ty cổ phần Cao su Sơn La và 02 doanh nghiệp xây dựng trường mầm non không đúng quy định và chưa đảm bảo điều kiện.

³⁴⁰ (i) UBND thành phố Sơn La phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trong đó có nội dung thường cho đơn vị thực hiện giải phóng mặt bằng kinh phí 0,2% chi phí bồi thường đất đai, tài sản trên đất không đúng với quy định; (ii) UBND huyện Phù Yên áp dụng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo mức 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại cho toàn bộ 130 hộ bị thu hồi đất, nhưng trong đó chỉ có 14 hộ thuộc hộ nghèo, chưa phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Sơn La, theo quy định chỉ áp dụng cho hộ gia đình, cá nhân có khó khăn về đời sống; (iii) Dự án Tạo mặt bằng khu trung tâm hành chính và Quảng trường tỉnh Sơn La (dự án BT) chi trả tiền đền bù, GPMB ngoài phương án được phê duyệt.

³⁴¹ UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định chủ trương đầu tư đối với 03/05 dự án Giao Sở Xây dựng thẩm định, trình phê duyệt danh mục các dự án có đầu tư xây dựng nhà ở thương mại công bố lựa chọn Nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2018 không đúng quy định

³⁴² UBND tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở cho Ban quản lý khu vực phát triển đô thị tỉnh Sơn La không phù hợp quy định.

³⁴³ Tại thời điểm phê duyệt Dự án đối trừ của dự án Dự án Tạo mặt bằng khu trung tâm hành chính và Quảng trường tỉnh Sơn La (dự án BT) không nằm trong quy hoạch xây dựng chung của thành phố Sơn La và chương trình phát triển nhà ở đến năm 2020 được UBND tỉnh phê duyệt.

³⁴⁴ Dự án Tạo mặt bằng khu trung tâm hành chính và Quảng trường tỉnh Sơn La (dự án BT)

³⁴⁵ Công tác quản lý chi phí còn sai sót (Dự án BLT giảm 9,9 tỷ đồng; BT giảm 6,7 tỷ đồng). KTNN kiến nghị: (i) Thu hồi nộp NSNN 0,02 tỷ đồng và giảm cấp phát, thanh toán 0,3 tỷ đồng (đối với phần vốn NSNN); (ii) Thu hồi cho Nhà đầu tư 0,4 tỷ đồng, giảm thanh toán 7,1 tỷ đồng và giảm giá trị hợp đồng 0,1 tỷ đồng (đối với phần vốn Nhà đầu tư); (iii) xử lý khác: Dự án BLT 6 tỷ đồng, Dự án BT 2,6 tỷ đồng.

³⁴⁶ Xác định thời gian ưu đãi miễn thuế, giảm thuế TNDN trong phương án tài chính Dự án BL T chưa đúng quy định; Xác định giá đất của dự án đối trừ Dự án BT để mời thầu, lựa chọn Nhà đầu tư không theo trình tự, thủ tục quy định, không căn cứ theo bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành, dẫn đến UBND tỉnh phải ban hành quyết định hủy bỏ quyết định phê duyệt giá đất của dự án đối trừ

³⁴⁷ Chương trình Nước sạch và Vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng năm 2019; Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2019; Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc năm 2019; Dự án các công trình hạ tầng quy mô nhỏ thuộc Chương trình 135; Chương trình “Hỗ trợ thực hiện hai CTMTQG xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại 18 tỉnh (Chương trình PforR)”.

³⁴⁸ (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tỉnh Hà Tĩnh; Bình Thuận; (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Tỉnh Hà Tĩnh, Bình Thuận.

³⁴⁹ (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tỉnh Bình Định; Lai Châu; (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Tỉnh Bình Định.

³⁵⁰ Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả: Tỉnh Bắc Giang, Lạng Sơn, Bình Thuận, Bắc Kan, Tuyên Quang.

³⁵¹ Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả: Tỉnh Bắc Giang.

³⁵² Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả: Tỉnh Bắc Giang.

³⁵³ Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả: Tỉnh Lạng Sơn.

chậm³⁵⁴ không chi tiết từ đầu năm³⁵⁵, phân bổ khi chưa được HĐND cùng cấp thông qua³⁵⁶, chưa đảm bảo thứ tự ưu tiên³⁵⁷, không đúng chủ trương đầu tư được duyệt³⁵⁸, không trên cơ sở đề xuất của huyện³⁵⁹, không có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn³⁶⁰, phân bổ cho một số dự án khi chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư³⁶¹ hoặc được phê duyệt sau ngày 31/10 năm trước năm kế hoạch³⁶², không phù hợp đối tượng và điều kiện chung để được hỗ trợ³⁶³, phân bổ vốn NSTW thanh toán nợ đọng cho một số dự án trong khi quyết định phê duyệt dự án không sử dụng vốn NSTW³⁶⁴; một số địa phương chưa hoàn thành mục tiêu đề ra³⁶⁵; còn tình trạng nợ nhà thầu³⁶⁶. Một số địa phương phân bổ vốn sự nghiệp không đúng đối tượng, nội dung chi³⁶⁷; chưa bố trí đầy đủ nguồn vốn khác và nguồn đối

³⁵⁴ (i) Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả giải ngân chỉ đạt 67,3%; kinh phí chuyển về 16/21 tỉnh muộn; (ii) Chương trình nước sạch và Vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng: tỉnh Hưng Yên giao vốn cho các đơn vị sử dụng ngày 15/8/2019, Sở giao dịch - Ngân hàng nhà nước chuyển tiền về tài khoản nguồn ngày 25/12/2019; UBND tỉnh Hưng Yên giao vốn ngày tháng 7/2019, Sở giao dịch - Ngân hàng nhà nước chuyển tiền về tài khoản nguồn ngày 27/02/2020; (iii) Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc năm 2019: giải ngân chỉ đạt 66%, ngày 31/12/2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư mới giao kế hoạch vốn bổ sung (Tỉnh Thái Nguyên; Tuyên Quang). (iii) CTMTQG xây dựng nông thôn mới phân bổ kế hoạch vốn chậm: Tỉnh Lai Châu, Hà Tĩnh, Bắc Kạn, Bình Thuận, Lào Cai, Bình Định, Cao Bằng, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế; (iv) CTMTQG giảm nghèo bền vững phân bổ kế hoạch vốn chậm: Tỉnh Lai Châu, Thừa Thiên Huế, Bình Thuận, Ninh Thuận, Cao Bằng, Quảng Ngãi, Bình Định, Bắc Kạn, Kon Tum, Đắk Lắk, Sóc Trăng, Quảng Trị.

³⁵⁵ (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tỉnh Hà Tĩnh, Lào Cai, Bình Định; (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Tỉnh Lào Cai, Bình Định.

³⁵⁶ (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tỉnh Bình Thuận; (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Tỉnh Bình Thuận; Ninh Thuận (huyện Ninh Phước).

³⁵⁷ (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Ninh Thuận; (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: tỉnh Lào Cai, Quảng Bình.

³⁵⁸ Tỉnh Thừa Thiên Huế: Giao kế hoạch vốn năm 2019 cho một số dự án không đúng chủ trương đầu tư được phê duyệt (thực hiện năm 2020).

³⁵⁹ Tỉnh Thừa Thiên Huế: Giao kế hoạch vốn cho dự án không có trong danh mục huyện đề nghị của Thị xã Hương Thủy (Thị xã đăng ký khởi công mới 03 dự án song Văn phòng điều phối NTM chỉ tổng hợp và đăng ký khởi công mới 2 dự án, khi phân bổ UBND tỉnh giao thêm dự án khởi công mới là Trường THCS Thủy Thanh).

³⁶⁰ Tỉnh Ninh Thuận: phân bổ 02 công trình.

³⁶¹ (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tỉnh Quảng Bình; (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Tỉnh Điện Biên

³⁶² (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tỉnh Bình Định, Sóc Trăng, Thừa Thiên Huế, Điện Biên; (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Một số huyện của tỉnh Bình Định; huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận.

³⁶³ (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tỉnh Quảng Ngãi phân bổ 9,5 tỷ đồng, số đã giải ngân trong năm 2019 là 3,8 tỷ đồng; (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Tỉnh Quảng Bình: Huyện Quảng Ninh, Quảng Ngãi.

³⁶⁴ (i) Tỉnh Quảng Bình: Huyện Bố Trạch 1,1 tỷ đồng; (ii) Hà Tĩnh: 0,586 tỷ đồng (Huyện Cẩm Xuyên 0,07 tỷ đồng; huyện Đức Thọ 0,216 tỷ đồng; huyện Lộc Hà 0,3 tỷ đồng).

³⁶⁵ (i) Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2019: Tỉnh Lai Châu Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hà Giang, Thái Nguyên, Bắc Giang, Hòa Bình, Điện Biên, Phú Thọ, Lào Cai, Lâm Đồng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Yên Bái, Gia Lai; (ii) Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc năm 2019: Tỉnh Điện Biên, Tuyên Quang, Hòa Bình, Thái Nguyên, Bắc Kạn. (iii) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tỉnh Lai Châu, Quảng Bình, Bình Thuận, Trà Vinh, Cao Bằng; (iv) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Tỉnh Quảng Ngãi, Bắc Kạn, Kon Tum, Đắk Lắk, Sóc Trăng.

³⁶⁶ Chương trình nước sạch và Vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng: tính đến 31/01/2020, tỉnh Hưng Yên còn nợ nhà thầu số tiền là 28,1 tỷ đồng, tỉnh Quảng Ninh nợ nhà thầu số tiền là 31 tỷ đồng; (ii) Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc năm 2019: Tỉnh Thái Nguyên 199,9 tỷ đồng; Điện Biên 40,1 tỷ đồng; Tuyên Quang 39,4 tỷ đồng; Bắc Kạn 17,6 tỷ đồng; Cao Bằng 11,5 tỷ đồng.

³⁶⁷ (i) Tỉnh Quảng Ngãi: nội dung Thành lập mới Hợp tác xã sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tỏi và Tư vấn cùng cố, tổ chức lại Hợp tác xã nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HTX; (ii) Tỉnh Bình Định Phân bổ kinh phí để thực hiện 02 dự án hỗ trợ.

úng³⁶⁸. Có địa phương sử dụng và quyết toán kinh phí không đúng đối tượng, sai tính chất nguồn vốn sự nghiệp³⁶⁹; nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, thanh quyết toán kinh phí mua giống vật nuôi nhưng chưa bàn giao đối tượng thụ hưởng³⁷⁰; hồ sơ quyết toán một số dự án còn bất hợp lý về thời gian, tiềm ẩn rủi ro³⁷¹; chưa thực hiện nộp trả kinh phí còn dư, hết nhiệm vụ chi theo quy định³⁷²; chuyển nguồn kinh phí sự nghiệp không đúng quy định, chuyển nguồn vốn đầu tư đã hết thời hạn giải ngân³⁷³, cá biệt có địa phương còn để kết dư kinh phí sự nghiệp từ năm 2017, 2018 chưa nộp NSTW³⁷⁴; chuyển nguồn vốn đầu tư không có danh mục chi tiết dự án³⁷⁵. Hầu hết các dự án được kiểm toán chi tiết còn sai sót trong việc chấp hành chế độ quản lý đầu tư xây dựng công trình.

4. Kiểm toán môi trường và kiểm toán hoạt động

4.1. Kiểm toán môi trường

Kết quả kiểm toán một số cuộc kiểm toán liên quan đến chủ đề môi trường trong năm 2020 cho thấy: (i) *Đối với công tác bảo vệ môi trường tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa*: UBND tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn công tác quản lý môi trường không đảm bảo đầy đủ cơ sở pháp lý³⁷⁶; công tác thẩm định, phê duyệt hồ sơ, cấp phép đề án BVMT còn hạn chế³⁷⁷; thiếu biện

³⁶⁸ (i) Tỉnh Bắc Kạn: Chưa bố trí tối thiểu 10% dự toán thu từ hoạt động xổ số kiến thiết để bổ sung vốn cho các nhiệm vụ thuộc CTMTQG xây dựng nông thôn mới theo quy định; (ii) Kon Tum: Không bố trí đủ vốn đối ứng theo tỷ lệ quy định (chỉ bố trí được 12,9 tỷ đồng/208,1 tỷ đồng theo quy định); (iii) Tỉnh Cao Bằng: Chưa bố trí vốn đối ứng để thực hiện các công trình thuộc đề án theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 1 Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ. (iv) Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả: Bắc Giang, Bình Thuận, Hòa Bình, Tuyên Quang, Phú Thọ, Đắk Nông; Ninh Thuận bố trí vốn đối ứng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2021 thiếu theo cam kết; (v) Chương trình nước sạch và Vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng: Tỉnh Hưng Yên, Quảng Ninh; (vi) Chương trình phát triển đô thị quốc gia dựa trên kết quả cho khu vực miền núi phía Bắc năm 2019: Thái Nguyên, Hòa Bình, Điện Biên; Yên Bái, Cao Bằng, Tuyên Quang.

³⁶⁹ Tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định; và hầu hết các địa phương còn tình trạng sử dụng kinh phí sự nghiệp để chi nâng cấp sửa chữa lớn cho các công trình thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo bền vững.

³⁷⁰ Tỉnh Quảng Trị: xã Hướng Hiệp và Đakrông huyện Đakrông; ngoài ra theo báo cáo của UBND huyện Đakrông còn 04 xã cũng đã quyết toán xong chưa cấp con giống cho người dân là Xã Mò Ó, Ba Nang, Húc Nghi, A Vao.

³⁷¹ (i) 03 dự án (trồng cây Hồng giòn, Lê xanh và Dâu tằm) tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai; (ii) Dự án hỗ trợ máy móc, thiết bị sản xuất (tỉnh Bình Định).

³⁷² Chương trình nước sạch và Vệ sinh nông thôn dựa trên kết quả tại 08 tỉnh đồng bằng sông Hồng: Thành phố Hà Nội 22,5 tỷ đồng (7,5 tỷ đồng vốn đầu tư, 15 tỷ đồng vốn sự nghiệp); Tỉnh Hà Nam 0,01 tỷ đồng; Quảng Ninh 9,2 tỷ đồng (kinh phí sự nghiệp 2,1 tỷ đồng, vốn đầu tư (nguồn WB) 7,1 tỷ đồng); Hưng Yên 11,3 tỷ đồng; Ban điều phối 0,3 tỷ đồng, Trung tâm Quốc gia nước sạch và VSMTNT 0,1 tỷ đồng.

³⁷³ (i) CTMTQG xây dựng nông thôn mới: Tổng số tiền 129,5 tỷ đồng (vốn đầu tư 22,3 tỷ đồng, sự nghiệp 107,3 tỷ đồng); (ii) CTMTQG giảm nghèo bền vững: Tổng số tiền 20,3 tỷ đồng.

³⁷⁴ Tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh.

³⁷⁵ Tỉnh Hà Tĩnh.

³⁷⁶ Ủy quyền cho BQLKKT Nghi Sơn thẩm định, phê duyệt đánh giá tác động môi trường cho toàn bộ các dự án đầu tư vào KKT, KCN chưa hoàn thiện hạ tầng BVMT, chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung, chưa phù hợp về phạm vi ủy quyền, chưa có ý kiến chấp thuận của Bộ TN&MT theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT; từ năm 2019 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 có hiệu lực đã bãi bỏ các điều khoản hướng dẫn ủy quyền tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP và không quy định về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt Đánh giá tác động môi trường.

³⁷⁷ Phê duyệt Đề án BVMT cho 03 cơ sở còn chậm, 05 cơ sở thiếu nội dung phương án phòng ngừa sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải, 04 cơ sở kết quả phân tích nước thải xả ra môi trường có các chỉ tiêu vượt quy chuẩn; cấp phép cho 06 dự án khi chưa phân tích đầy đủ các thông số ô nhiễm có khả năng phát sinh;

pháp quản lý, giám sát tình hình khắc phục của các cơ sở vi phạm³⁷⁸; chậm trễ trong tiếp nhận, sử dụng dữ liệu quan trắc tự động³⁷⁹ dẫn đến không kiểm soát thường xuyên, liên tục chất lượng xả thải của các cơ sở có quy mô xả thải lớn³⁸⁰, không phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp không tuân thủ quy định bảo vệ môi trường³⁸¹. Khu kinh tế Nghi Sơn được xây dựng, vận hành từ năm 2007 đến thời điểm kiểm toán với hơn 109 dự án hoạt động nhưng không có hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật BVMT theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy hoạch được duyệt, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải³⁸²; 34 cơ sở đang hoạt động có nguy cơ tác động xấu đến môi trường nhưng chưa có Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; một số cơ sở chưa xây dựng, lắp đặt đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải; (ii) *Đối với việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường địa bàn tỉnh Bắc Ninh, Bình Dương*: Quy định về thu gom rác thải chưa đầy đủ³⁸³, một số quy định chưa phù hợp³⁸⁴; công tác quy hoạch, thực hiện quy hoạch tổng thể quản lý xử lý chất thải còn tồn tại, bất cập³⁸⁵, chậm xây dựng hoặc chưa tuân thủ quy

03 dự án chậm trễ trong việc đề nghị cấp phép xả thải nhưng chưa được Sở TN&MT đơn đốc, xử lý theo quy định; 06 hồ sơ thẩm định, phê duyệt ĐTM có Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định chưa tổng hợp đầy đủ ý kiến nhận xét, trao đổi của các thành viên Hội đồng, 05 hồ sơ chưa đầy đủ thông tin, tỷ lệ trồng cây xanh tối thiểu không đảm bảo theo quy chuẩn, xả nước thải chưa phù hợp với quy hoạch, 02 hồ sơ sử dụng kết quả của đơn vị tư vấn quan trắc môi trường thực hiện khi chưa đảm bảo điều kiện về một số chỉ tiêu phân tích.

³⁷⁸ 22/23 cơ sở được thanh tra, kiểm tra và 31/33 cơ sở được hướng dẫn với trên 120 hành vi vi phạm về BVMT có thể bị xử phạt theo quy định nhưng Sở TN&MT, Ban QLKKT chưa báo cáo cơ quan thẩm quyền, chưa có biện pháp xử lý nghiêm, đồng thời chưa kịp thời giám sát, theo dõi các cơ sở thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, hướng dẫn.

³⁷⁹ Sở TN&MT là cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận dữ liệu quan trắc phát thải tự động, liên tục (khí thải, nước thải) từ các cơ sở theo các quy định từ năm 2015 nhưng đến tháng 01/2020 Sở TN&MT mới bắt đầu tiếp nhận dữ liệu.

³⁸⁰ Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn...

³⁸¹ Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh hoạt động từ năm 2016 khi không được các cơ quan kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình BVMT, không có hệ thống quan trắc tự động liên tục, xả khí thải có thông số NOx (là chất có khả năng gây tổn thương phổi và các bệnh về hô hấp) ra môi trường vượt quy chuẩn cho phép đối với lưu lượng lớn; Công ty CP môi trường Nghi Sơn hoạt động từ năm 2015 đến tháng 10/2020 chưa vận hành hệ thống quan trắc nước thải, khí thải theo yêu cầu của Bộ TN&MT.

³⁸² Hệ thống cống thu gom nước thải sản xuất chưa được triển khai xây dựng; hệ thống thoát nước và thu gom nước mặt chưa hoàn thiện; chỉ có 03/21 đơn vị đang hoạt động trong 08 KCN thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn tham gia xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN.

³⁸³ UBND tỉnh Bình Dương chưa xây dựng và ban hành các quy định về quản lý sản phẩm, DVCI (chất lượng, quy cách); chưa hướng dẫn chi tiết quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với từng loại hình sản phẩm, DVCI theo quy định; chưa ban hành đơn giá xử lý nước rỉ rác và hướng dẫn cụ thể về cự ly vận chuyển.

³⁸⁴ Quy định chất thải rắn phát sinh từ hoạt động SXKD, DV tại các cơ sở SXKD là chất thải rắn sinh hoạt chưa phù hợp quy định tại Điều 3 Nghị định 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ; quy định đơn giá xử lý rác thải sinh hoạt trên cơ sở xác định chi phí nhân công, lợi nhuận định mức, chi phí chung, chi phí rác trợ, chi phí rỉ rác... chưa phù hợp quy định tại Quyết định 1636/QĐ-UBND ngày 29/6/2016.

³⁸⁵ (i) Tỉnh Bình Dương: Chưa điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch chuyên ngành quản lý chất thải rắn trên địa bàn Tỉnh phù hợp với Quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực hệ thống sông Đồng Nai đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chưa xây dựng các giải pháp hạn chế ảnh hưởng tới môi trường đối với các cơ sở xử lý chất thải rắn nhằm bảo vệ nguồn nước; chưa thực hiện đúng quy hoạch được duyệt (chưa xây dựng 02 cơ sở xử lý chất thải rắn theo tiến độ được phê duyệt; chậm áp dụng công nghệ xử lý tái chế theo quy định); chưa quy hoạch các điểm tập trung, tập kết rác thải sinh hoạt tại các huyện/thị; chưa triển khai xây dựng 04 trạm trung chuyển rác thải sinh hoạt tại huyện Bắc Tân Uyên, Bàu Bàng, Phú Giáo, Dầu Tiếng; (ii) Tỉnh Bắc Ninh: Chưa lập đồ án quy hoạch thu gom xử lý nước thải thành 01 đồ án riêng; triển khai đầu tư các dự án thu gom nước thải tại các đô thị cấp huyện còn chậm; huyện Tiên Du và thị xã Từ Sơn không xây dựng 02 nhà máy xử lý chất thải rắn theo quy hoạch được duyệt mà được thay bằng các lò đốt tạm thời ở quy mô cấp xã và cụm

định công nghệ xử lý chất thải rắn³⁸⁶ ảnh hưởng đến môi trường, nguồn nước và sinh hoạt của người dân; hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải chưa phủ kín địa bàn, chưa thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt; chậm triển khai công nghệ xử lý/tái chế rác thải gây ảnh hưởng môi trường; quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải chưa đảm bảo quy định³⁸⁷; (iii) *Chương trình giảm ngập nước của Thành phố Hồ Chí Minh*: Chương trình chưa giải quyết dứt điểm tình trạng ngập úng của Thành phố³⁸⁸; chỉ hoàn thành duy nhất 01 chỉ tiêu là đầu tư nâng cấp 179 tuyến hẻm, 06 chỉ tiêu còn lại không đạt so với kế hoạch đề ra³⁸⁹; đến cuối nhiệm kỳ mới hoàn thành 07/12 nhiệm vụ trong nhóm giải pháp quy hoạch³⁹⁰, 07/13 nhiệm vụ thuộc nhóm giải pháp về cơ chế chính sách³⁹¹ nhưng chậm tiến độ; 03 nhiệm vụ thuộc nhóm giải pháp khoa học - công nghệ đang thực hiện dở dang³⁹² ảnh hưởng đến chất lượng dự báo, ứng dụng khoa học công nghệ làm cơ sở ra quyết định triển khai dự án đầu tư; phần

xã; huyện Yên Phong, Lương Tài, một số Dự án xử lý rác thải chưa được triển khai hoặc vướng mắc khi triển khai, phải sử dụng lò đốt rác...

³⁸⁶ (i) Tỉnh Bình Dương: chậm áp dụng công nghệ xử lý tái chế theo quy định tại cơ sở xử lý Nam Bình Dương, đến năm 2019 tỷ lệ chôn lấp chất thải rắn là 57%, chưa tuân thủ quy định công nghệ xử lý đối với các khu vực nằm trong phạm vi ảnh hưởng đến các đoạn sông đang là nguồn cấp nước; chưa đạt 80% khối lượng chất thải rắn được phân loại tại nguồn; tỷ lệ tái chế đến năm 2019 đạt 43%, chưa đạt kế hoạch 85%; công suất trạm ép rác kín trên địa bàn TP Thủ Dầu Một chưa đủ công suất 150 tấn/ngày, đêm (ii) Tỉnh Bắc Ninh: huyện Tiên Du và thị xã Từ Sơn: 7/8 địa điểm đã được giới thiệu để nghiên cứu đầu tư xây dựng lò đốt chất thải rắn tạm thời cấp bách chưa triển khai được do vướng mắc trong công tác GPMB; huyện Yên Phong: Dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho huyện Yên Phong đến nay vẫn chưa thực hiện xong công tác GPMB, trong khi đó tiến độ các cơ sở đốt chất thải rắn tạm triển khai chậm; huyện Lương Tài: Dự án đốt rác phát điện đang thực hiện bước chuẩn bị đầu tư; các hệ thống nhà máy xử lý chất thải rắn cho các làng nghề ô nhiễm môi trường nghiêm trọng chậm được triển khai xây dựng.

³⁸⁷ (i) Tỉnh Bình Dương: KTNN kiến nghị xử lý tài chính 36,5 tỷ đồng bao gồm nộp NSNN 20,3 tỷ đồng, giảm thanh toán 6,2 tỷ đồng; (ii) Tỉnh Bắc Ninh: kiến nghị nộp NSNN 1,4 tỷ đồng; xử lý tài chính khác 13,8 tỷ đồng.

³⁸⁸ Còn 23/40 điểm ngập do mưa, 05/9 điểm ngập do triều; từ năm 2019 phát sinh thêm 12 điểm ngập mới do mưa và 4 điểm ngập mới do triều vượt mức báo động; một số dự án giảm ngập hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng vẫn xuất hiện ngập khi mưa lớn (Dự án Cải tạo hệ thống thoát nước đường Kinh Dương Vương (đoạn từ mũi tàu Phú Lâm đến vòng xoay An Lạc); Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đỗ Xuân Hợp (từ xa lộ Hà Nội đến cầu Rạch Chiếc), Quận 2 và Quận 9).

³⁸⁹ Giải quyết 13/17 tuyến đường ngập nước do mưa, 23/23 tuyến đường ngập nước đã xử lý tạm bằng giải pháp cấp bách trước đây chỉ đạt 47% so với kế hoạch; xây dựng nhà máy xử lý nước thải đạt 14%; nạo vét kênh rạch đạt 12%; hoàn thành các hạng mục kiểm soát triều để giải quyết tình trạng ngập nước do triều đạt 44%; hoàn thành dự án Giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1) đạt 90%; và hoàn thành đầu tư xây dựng 12km đê bao xung yếu thuộc Bờ tả sông Sài Gòn đạt 25%.

³⁹⁰ 05 nhiệm vụ chưa hoàn thành: Nghiên cứu, điều chỉnh quy hoạch tổng thể thoát nước Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020; rà soát, điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn thành đồ án quy hoạch mạng lưới hồ điều tiết phân tán để giảm ngập úng tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức xây dựng mép bờ cao, cắm mốc hành lang bảo vệ đối với các tuyến sông kênh rạch; nghiên cứu một số tiêu chuẩn kỹ thuật trong tính toán thủy văn, thủy lực đối với hệ thống thoát nước áp dụng cho khu vực thành phố đã không còn phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu, đề nghị các Bộ ngành điều chỉnh và ban hành các quy định, quy chuẩn phù hợp.

³⁹¹ 06 nhiệm vụ đang dở dang: Nghiên cứu, rà soát, bổ sung chính sách tạo vốn, huy động các nguồn lực xã hội, các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư trong và ngoài nước; Nghiên cứu, triển khai thực hiện thu phí dịch vụ thoát nước; Xây dựng, ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Nghiên cứu thực hiện việc cổ phần hóa các Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích Quận/huyện; Nghiên cứu đề xuất bố trí các hầm trữ nước tại các dự án phát triển đô thị, cao ốc,... và cơ chế, chính sách khuyến khích các chủ đầu tư khi thực hiện hạng mục hầm trữ nước; Tổ chức xây dựng mép bờ cao, cắm mốc hành lang bảo vệ đối với các tuyến sông kênh rạch.

³⁹² Hoàn thành việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu của mạng lưới thoát nước trên nền số hóa và xây dựng mô hình quản lý, điều khiển hệ thống scada; Xây dựng hệ thống quan trắc, cảnh báo ngập để dự báo, nâng cao chất lượng công tác ứng cứu nhằm kiểm soát và giảm mức độ ngập; Thực hiện việc sửa chữa hệ thống thoát nước bằng công nghệ không đào.

lớn dự án đầu tư tại Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm ngập nước giai đoạn 2016-2020 (thuộc nhóm giải pháp công trình) đều triển khai chậm tiến độ hoặc chưa triển khai³⁹³ do thiếu vốn, vướng mặt bằng; một số dự án giảm ngập hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng vẫn xuất hiện ngập khi mưa lớn³⁹⁴, hoặc chưa được kết nối đồng bộ³⁹⁵ nên chưa phát huy hết hiệu quả đầu tư. Việc thực hiện các nhóm giải pháp, nhiệm vụ hành động chưa kịp thời, đồng bộ, chất lượng chưa cao, tiến độ thực hiện các dự án giảm ngập bị kéo dài hoặc hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng không phát huy được hiệu quả... dẫn đến tình trạng ngập vẫn chưa được giải quyết, môi trường và chất lượng sống của người dân Thành phố chậm được cải thiện, tổn thất đối với kinh tế của Thành phố³⁹⁶.

4.2. Kiểm toán hoạt động

Kết quả kiểm toán hoạt động một số chủ đề chính trong năm 2020:

(i) *Chương trình Nhà ở xã hội (NOXH) thành phố Hà Nội; Quận 9, 12, Bình Tân Thành phố Hồ Chí Minh*: Cả 02 địa phương đều thực hiện chưa đạt mục tiêu đề ra³⁹⁷; lựa chọn chủ đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án NOXH khi chưa có trong Kế hoạch³⁹⁸; chưa xác định vị trí, quy mô hoặc có xác định nhưng chưa đảm bảo tỷ lệ quỹ đất để phát triển NOXH³⁹⁹. Một số dự án

³⁹³ (i) Dự án giải quyết ngập do triều khu vực Thành phố Hồ Chí Minh có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu (giai đoạn 1) gồm 06 công kiểm soát triều Bến Nghé, Tân Thuận, Phú Xuân, Mương Chuối, Cây Khô và Phú Định, 68 công nhỏ dưới đê, xây dựng 7,8km đê bao xung yếu thuộc bờ hữu sông Sài Gòn đang làm thủ tục gia hạn thời gian giải ngân tái cấp vốn và bồi thường giải phóng mặt bằng; (ii) Dự án Xây dựng khoảng 12 km đê bao xung yếu thuộc bờ tả sông Sài Gòn chưa được bàn giao toàn bộ mặt bằng; Dự án Công Kiểm soát triều sông Kinh; Hồ điều tiết: Gò Dưa, Khánh Hội; Cải tạo, nạo vét các tuyến kênh rạch đang kêu gọi đầu tư; (iii) Dự án Hồ điều tiết Bàu Cát; Xây dựng hầm lưu trữ nước tạm thời; Trung tâm Điều hành Khẩn cấp (EOC) - Hệ thống phòng chống ngập Thành phố Hồ Chí Minh; Hệ thống quan trắc kênh Nhiều Lọc - Thị Nghè và các kênh rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Xây dựng hệ thống thoát nước đường Phạm Hữu Lầu (cầu Cống Dinh đến Lê Văn Luông) đang tạm ngừng thực hiện để tổng kết rút kinh nghiệm và có thể ứng dụng đại trà; (iv) Dự án Nhà máy xử lý nước thải Bình Hưng giai đoạn 2; Nhà máy xử lý nước thải Bình Hưng Nhiều Lọc – Thị Nghè đang trình Thủ tướng Chính phủ gia hạn thời gian thực hiện dự án; (v) Các dự án Cải tạo rạch chính khu vực nội đô gồm Văn Thánh, quận Bình Thạnh; Bà Tiêng, kênh Liên Xã, rạch Ông Búp, quận Bình Tân đang thực hiện hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng hoặc đã bàn giao cho quận; (vi) Dự án Cải tạo rạch chính khu vực nội đô: Văn Thánh, quận Bình Thạnh; Dự án Nạo vét, cải tạo rạch Xuyên Tâm dài 8,2km giải quyết thoát nước và chỉnh trang đô thị cho lưu vực 703ha đang trình chủ trương đầu tư.

³⁹⁴ Các dự án được duyệt theo tiêu chuẩn thiết kế quy định trong Quyết định 752/QĐ-TTg nên trong điều kiện biến đổi khí hậu, khi mưa lớn vượt tần suất thiết kế vẫn xuất hiện tình trạng ngập: Dự án Cải tạo hệ thống thoát nước đường Kinh Dương Vương (đoạn từ mũi tàu Phú Lâm đến vòng xoay An Lạc); Dự án Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đỗ Xuân Hợp (từ xa lộ Hà Nội đến cầu Rạch Chiểu), Quận 2 và Quận 9.

³⁹⁵ Theo báo cáo số 354/BC-HĐND ngày 9/7/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: 03 tuyến Ung Văn Khiêm, Nguyễn Xí (quận Bình Thạnh), do hạ nguồn thoát nước là tuyến rạch xuyên tâm chưa được nâng cấp, cải tạo; dự án cải tạo HTTN đường 3 tháng 2 (từ đường Hàn Hải Nguyên đến đường Lê Đại Hành), Quận 11; dự án cải tạo HTTN Lê Quang Sung (từ Mai Xuân Thưởng đến Minh Phụng).

³⁹⁶ Theo ước tính của ADB (tại Báo cáo Thành phố Hồ Chí Minh thích nghi với biến đổi khí hậu do ADB thực hiện năm 2010), tổn thất tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 1,1 tỷ USD/năm do ngập thường xuyên và ngập cực đoan.

³⁹⁷ (i) TP Hà Nội chỉ đạt 16% tổng diện tích sàn; (ii) TP.HCM hoàn thành được 13.874 căn hộ, đạt 69% so với Kế hoạch.

³⁹⁸ (i) TP. HCM: Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2016-2020 đã bao gồm 09 dự án đã xây dựng hoàn thành năm 2016, 2017 (các dự án được chấp thuận đầu tư từ những năm 2014, 2015 trở về trước), 22 dự án đã được chấp thuận đầu tư trước khi có Chương trình phát triển nhà ở của Thành phố giai đoạn 2016-2025; (ii) TP. Hà Nội: 25 dự án đã được duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa có trong danh mục dự án phát triển NOXH kèm theo Kế hoạch.

³⁹⁹ (i) TP. HCM: các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng đô thị, quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 trên địa bàn 03 Quận không xác định cụ thể vị trí khu vực để phát triển NOXH; (ii) TP. Hà Nội: Chưa xác định rõ quy mô

được hoán đổi 20% diện tích đất để phát triển NOXH bằng một khu đất khác không có trong quy định⁴⁰⁰; chưa được tiếp cận đầy đủ chính sách ưu đãi⁴⁰¹, lập, thẩm tra, phê duyệt dự toán chưa chính xác về khối lượng, đơn giá, chưa xác định rõ diện tích chung, riêng, phương án tài chính còn sai sót làm ảnh hưởng giá bán, cho thuê⁴⁰²; còn tình trạng người được mua, cho thuê NOXH sử dụng không đúng mục đích⁴⁰³; có dự án, chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý⁴⁰⁴ nhưng đã bàn giao cho người dân vào sử dụng. Kết quả kiểm toán còn cho thấy một số tồn tại, bất cập về cơ chế, chính sách như chính sách ưu đãi về thuế suất GTGT, thuế TNDN đối với các dự án NOXH⁴⁰⁵; cho phép nộp bằng tiền thay cho việc bắt buộc dành 20% diện tích đất để phát triển NOXH đối với các dự án có quy mô sử dụng đất dưới 10 ha⁴⁰⁶; chưa có hướng dẫn, quản lý, đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ nộp số tiền tương đương với giá trị quỹ đất 20% vào ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng NOXH.

(ii) *Hoạt động Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng*: Cả 02 Quỹ đều có số dư rất lớn nhưng chưa có phương án sử dụng⁴⁰⁷; kết

quỹ đất dành cho NOXH ở mỗi phân khu quy hoạch; đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 có quy mô từ 10ha trở lên có tỷ lệ bố trí đất ở NOXH chưa đạt nguyên tắc dành bình quân 25% diện tích đất ở theo Nghị quyết của HĐND.

⁴⁰⁰ TP.HCM: Dự án Khu dân cư và Công viên Phước Thiện; Dự án Khu dân cư Hoàng Nam, phường An Lạc, quận Bình Tân.

⁴⁰¹ Chi phí giải phóng mặt bằng; không được hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí ĐTXD hệ thống hạ tầng kỹ thuật; gói vay ưu đãi 30.000 tỷ đồng

⁴⁰²(i) TP. HCM: KTTN kiến nghị các chủ đầu tư giảm giá trị dự toán 83 tỷ đồng đối với 05 dự án được kiểm toán chi tiết; (ii) TP. Hà Nội: Giảm chi phí quyết toán dự án đầu tư 5,2 tỷ đồng; Giảm chi phí đầu tư trong phương án tính giá bán, cho thuê 17,2 tỷ đồng; Yêu cầu chủ đầu tư kiểm tra, xác định khi quyết toán dự án 1,2 tỷ đồng đối với 03 dự án được kiểm toán chi tiết; đồng thời kiến nghị một số chủ đầu tư xác định lại chi phí đầu tư khi quyết toán các dự án đảm bảo chính xác, phù hợp với quy định làm cơ sở để xác định giá bán, cho thuê, thuê mua NOXH.

⁴⁰³(i) TP. HCM: Tại 05 dự án được kiểm toán chi tiết có 85 trường hợp người được mua, thuê, thuê mua NOXH có dấu hiệu đã có nhà ở tại thời điểm được mua, thuê, thuê mua NOXH; 64 trường hợp người được mua, thuê, thuê mua NOXH có giao dịch ủy quyền về NOXH, bên cạnh đó còn nhiều trường hợp sở hữu đất đai nhưng chưa có hồ sơ chứng minh có nhà trên đất nên đoàn chưa đánh giá; (ii) TP. Hà Nội: tại 02 dự án được kiểm toán chi tiết có 122 khách hàng được mua, 16 khách hàng được thuê NOXH sử dụng không đúng mục đích.

⁴⁰⁴TP. HCM: Dự án nhà ở xã hội cho thuê - Khu dân cư Lê Thành: Chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất, chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bàn giao mốc giới, lộ giới các tuyến đường, hẻm, cao độ san nền ngoài thực địa liên quan đến khu đất xây dựng công trình tại thời điểm khởi công

⁴⁰⁵Cơ chế ưu đãi về thuế suất GTGT, thuế TNDN đối với các dự án NOXH theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định 100/2015/NĐ-CP còn chưa thống nhất với Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TNDN, cụ thể: Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 quy định “Chủ đầu tư dự án được miễn, giảm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp... Trường hợp đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chỉ để cho thuê thì được giảm 70% thuế suất thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế đối với nhà ở xã hội hiện hành” trong khi khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; Luật số 106/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế) quy định chung thuế suất 5% đối với: bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở và Điều 13 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế) quy định chung thuế suất 10% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng quy định tại Điều 53 của Luật nhà ở.

⁴⁰⁶ Việc cho phép nộp bằng tiền thay cho việc bắt buộc dành quỹ đất 20% phát triển NOXH đối với các dự án có quy mô sử dụng đất dưới 10 ha là không phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 16 Luật Nhà ở năm 2014 và khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013

⁴⁰⁷ (i) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam: số dư tiền dịch vụ môi trường rừng của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam và 30/44 Quỹ tại các địa phương đến thời điểm 30/6/2020 là 267,4 tỷ đồng, trong đó có 111 tỷ đồng các địa phương chưa xác định được nhiệm vụ chi; vốn điều lệ của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam

quả Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích Quỹ Viễn thông công ích thực hiện rất hạn chế, khó đạt mục tiêu đề ra⁴⁰⁸; các cơ quan chức năng chưa ban hành đầy đủ văn bản hướng dẫn làm cơ sở để các địa phương, đơn vị tổ chức thực hiện⁴⁰⁹.

5. Bội chi NSNN và kết dư NSDP

Nghị quyết số 70/2018/QH14 ngày 09/11/2018 quyết định mức bội chi NSNN năm 2019 là 222.000 tỷ đồng, bằng 3,6% GDP. Quyết toán 161.490,7 tỷ đồng, bằng 2,67% GDP thực hiện⁴¹⁰, giảm 60.509,3 tỷ đồng (1% GDP) so với dự toán Quốc hội quyết định; trong đó NSDP quyết toán không bội chi⁴¹¹, giảm so với dự toán 12.500 tỷ đồng; NSTW quyết toán 161.490,7 tỷ đồng, bằng 77,1% dự toán, giảm về số tuyệt đối là 48.009 tỷ đồng.

Kết dư NSDP 177.193 tỷ đồng. Qua kiểm toán cho thấy kết dư NSDP bằng 50,3% tổng số bổ sung từ NSTW cho NSDP (177.193/352.455 tỷ đồng), trong đó 50 địa phương được bổ sung cân đối đều có kết dư NSDP 40.239 tỷ đồng bằng 19% (40.239/211.280 tỷ đồng) số bổ sung cân đối từ NSTW cho NSDP.

6. Nợ công

Dư nợ công đến 31/12/2019 là 3.320.608 tỷ đồng⁴¹², bằng 55% GDP⁴¹³; các chỉ tiêu an toàn nợ công nằm trong giới hạn cho phép của Quốc hội⁴¹⁴. Tuy nhiên, nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với tổng thu NSNN có xu

100 tỷ đồng tính đến tháng 8/2020 không có phương án sử dụng; (ii) Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam: Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông đến năm 2020 còn dư đến 31/12/2019 theo báo cáo tài chính năm 2019 là 7.165,2 tỷ đồng, ước tính đến hết năm 2020 là 5.676,2 tỷ đồng; tại Ban Quản lý Chương trình: kinh phí hoạt động không thường xuyên được giao nhưng không sử dụng 2,7 tỷ đồng, Quỹ phát triển sự nghiệp không sử dụng đến 31/12/2018 là 23,9 tỷ đồng.

⁴⁰⁸ Số thu của Quỹ đã vượt mức kinh phí được phê duyệt (Kinh phí được duyệt là 7.300 tỷ đồng; số đã thu được 7.940.1 tỷ đồng) nhưng số giải ngân chỉ đạt 11,2%; các dự án thiết lập hạ tầng viễn thông băng rộng không triển khai được; sản lượng thực hiện và kinh phí giải ngân cho hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích rất thấp, chỉ đạt 8,2%, trong đó 03/11 nhiệm vụ chưa triển khai; các nhiệm vụ về kết nối truyền hình số đã cơ bản triển khai theo tiến độ và mục tiêu đề ra, song tỷ lệ giải ngân rất chậm chỉ đạt 33,5% và Nhiệm vụ 1, Chương trình thành phần 5: Hỗ trợ trang bị máy phát truyền hình số mặt đất để phát các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo chưa được triển khai thực hiện.

⁴⁰⁹ Bộ Tài chính chưa hướng dẫn chế độ tài chính và công tác kế toán, thanh toán, quyết toán và báo cáo kinh phí thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; Bộ NN&PTNT chưa hướng dẫn phương thức, đối tượng, mức và hình thức hỗ trợ trồng cây phân tán từ nguồn tiền dịch vụ môi trường rừng.

⁴¹⁰ Năm 2019 GDP thực hiện năm là 6.037.348 tỷ đồng.

⁴¹¹ Tuy nhiên, quyết toán cân đối NSDP từng địa phương có 09 địa phương có bội chi, tổng số 2.577 tỷ đồng.

⁴¹² Tăng so với năm 2018 là 88.197 tỷ đồng, tương đương 2,73%; mức tăng thấp hơn so với mức tăng năm 2018 (tăng so với năm 2017 là 159.117 tỷ đồng, tương đương 5,18%).

⁴¹³ Trong đó: Nợ Chính phủ 2.897.858 tỷ đồng, bằng 48% GDP; nợ được Chính phủ bảo lãnh 402.066 tỷ đồng, bằng 6,7% GDP; nợ Chính quyền địa phương 20.684 tỷ đồng, bằng 0,3% GDP.

⁴¹⁴ Nợ công bằng 55% GDP (quy định không quá 65%); Nợ Chính phủ bằng 48% GDP (quy định không quá 54%); Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ/thu NSNN là 18,1% (quy định nhỏ hơn 25%); Nợ nước ngoài quốc gia bằng 47,1% GDP (quy định không quá 50%).

hướng tăng nhanh từ 15,8% năm 2016 lên 18,1%⁴¹⁵ năm 2019. Vấn đề này một mặt làm giảm mạnh dư địa cho nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên của NSNN⁴¹⁶, mặt khác tiềm ẩn rủi ro đối với an ninh tài chính quốc gia, có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến hệ số tín nhiệm quốc gia; áp lực cân đối thanh khoản, bố trí nguồn lực NSNN để trả nợ đến hạn (chủ yếu là nợ TPCP) là không nhỏ trong trường hợp không kiểm chế hiệu quả yêu cầu vay vốn để bù đắp cân đối NSTW, hoặc không tích cực triển khai nghiệp vụ quản lý nợ chủ động (như hoán đổi, mua lại công cụ nợ trước hạn...).

Hiệu quả sử dụng vốn vay còn hạn chế: Tổng số vốn TPCP năm 2019 đã giải ngân, thanh toán 42.328 tỷ đồng, bằng 64,1% kế hoạch vốn được sử dụng⁴¹⁷. Tổng số rút vốn vay nước ngoài của Chính phủ năm 2019 là 52.515 tỷ đồng, chỉ bằng 48% kế hoạch⁴¹⁸. Một số hiệp định được ký kết từ các năm trước nhưng chưa thực hiện rút vốn theo kế hoạch giải ngân và Chính phủ vẫn phải trả các khoản phí cam kết, phí quản lý (lũy kế đến 31/12/2019 là 26,5 tỷ đồng)⁴¹⁹.

Bên cạnh đó, các dự án vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ có nợ quá hạn tồn đọng từ nhiều năm trước⁴²⁰, trong đó nhiều dự án không có khả năng trả nợ, một số doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền chưa có phương án xử lý cụ thể và làm rõ trách nhiệm của tổ chức tín dụng cho vay lại và doanh nghiệp xử lý vốn vay.

Ngoài ra, việc theo dõi nợ còn chênh lệch giữa Sở Tài chính và KBNN⁴²¹; giao dự toán trả nợ vay chưa phù hợp với số nợ đến hạn phải trả⁴²²; tỷ lệ giải ngân vốn vay thấp làm giảm hiệu quả sử dụng vốn vay⁴²³.

⁴¹⁵ 280.800/1.551.074 tỷ đồng (số liệu thu NSNN theo Báo cáo số 234/BC-CP ngày 19/5/2020 của Chính phủ báo cáo đánh giá bổ sung kết quả thực hiện NSNN năm 2019, tình hình triển khai thực hiện dự toán NSNN năm 2020).

⁴¹⁶ Chi trả nợ lãi năm 2019 là 104.998 tỷ đồng bằng 1,59 lần chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương (104.998/65.751 tỷ đồng).

⁴¹⁷ Bộ, ngành 26.784 tỷ đồng, đạt 79,1% kế hoạch; địa phương 15.544 tỷ đồng, đạt 48,3% kế hoạch. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, do vướng mắc trong bồi thường giải phóng mặt bằng, dự án khởi công mới mất nhiều thời gian để triển khai các thủ tục lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế, mời thầu, đấu thầu.

⁴¹⁸ Theo báo cáo của Bộ Tài chính, do đến cuối tháng 6/2019 Bộ KH&ĐT mới giao khoảng 55% kế hoạch vốn, việc chuẩn bị các thủ tục đầu tư của dự án thường kéo dài, dự án chưa được bố trí hoặc bố trí không đủ vốn đối ứng.

⁴¹⁹ Theo báo cáo của Bộ Tài chính, do dự án chưa được bố trí kế hoạch vốn đầu tư công và các vướng mắc về thủ tục đầu tư, cơ chế tài chính.

⁴²⁰ Đến 31/12/2019, còn 54 dự án cho vay lại được thực hiện từ trước năm 2010 quá hạn, với dư nợ là 5.122 tỷ đồng, trong đó nợ quá hạn 3.551 tỷ đồng. Đến 15/12/2020 có 08 dự án đã xử lý xong nợ quá hạn 232 tỷ đồng; 04 dự án có nợ quá hạn 590 tỷ đồng đã trình cấp có thẩm quyền để xử lý; 22 dự án có nợ quá hạn 383 tỷ đồng đang xử lý, có khả năng trả nợ; 20 dự án có nợ quá hạn 2.346 tỷ đồng đang xử lý, khó có khả năng trả nợ.

⁴²¹ Thành phố Hải Phòng: Sở Tài chính theo dõi nợ chính quyền địa phương (phần vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ từ năm 2016 trở về trước) lớn hơn số KBNN theo dõi 146 tỷ đồng.

⁴²² Tỉnh Phú Thọ: Giao dự toán chi trả nợ đầu năm 176 tỷ đồng; dư nợ phải trả 354,7 tỷ đồng. Dẫn đến phải ứng trước nguồn vốn XDCB tập trung năm 2020 để trả nợ Ngân hàng Phát triển 47,5 tỷ đồng. Tỉnh Trà Vinh: dự kiến trả nợ gốc vay đến hạn từ bội thu NSDP thấp hơn số nợ đến hạn phải trả 1,1 tỷ đồng. Tỉnh không dự toán vay để trả nợ gốc cũng chưa giảm trừ dự toán chi đầu tư để đảm bảo mức chi trả nợ gốc đến hạn.

⁴²³ Thành phố Cần Thơ: Số vay nợ từ nguồn vay lại của Chính phủ đến 31/12/2019 là 471 tỷ đồng (đã nhận nợ với Bộ Tài chính), địa phương chi giải ngân 282,6 tỷ đồng; tỉnh Sóc Trăng: Số nhận nợ nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ 22 tỷ đồng, số thực hiện giải ngân (ghi thu ghi chi) 15,7 tỷ đồng.

7. Về quyết toán NSNN

Qua kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN năm 2019 do Bộ Tài chính lập và gửi KTNN kèm theo Công văn số 3076/BTC-KBNN ngày 26/3/2021, báo cáo quyết toán NSNN năm 2019 do Chính phủ lập trình Quốc hội cho thấy: Biểu mẫu quyết toán đã đảm bảo theo các quy định về hệ thống mẫu biểu, chỉ tiêu kế toán và quyết toán ngân sách phù hợp với hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN, phê chuẩn quyết toán NSNN. Tuy nhiên còn một số tồn tại sau:

- Số liệu quyết toán về chỉ tiêu “Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” bao gồm 1.985 tỷ đồng thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trong khi dự toán giao và tại Báo cáo Mẫu số B2-01/BC-NS của KBNN thì “Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” không bao gồm nội dung này (nằm trong chỉ tiêu riêng “Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước” của toàn bộ các khu vực kinh tế)⁴²⁴; số liệu quyết toán thu NSNN tại một số chỉ tiêu chưa phù hợp với số liệu tại Báo cáo Mẫu số B2-01/BC - NS của KBNN năm 2019 kết xuất ngày 28/02/2021 chủ yếu do số liệu KBNN địa phương cập nhật đến 28/02/2021 chưa kịp thời với số liệu Hội đồng nhân dân phê chuẩn.

- Về hạch toán giảm thu NSNN năm 2019:

(i) Về thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: Tại Công văn số 12752/BTC-KBNN ngày 24/10/2019 của Bộ Tài chính chỉ đạo về việc hạch toán hoàn trả các khoản thu NSNN năm 2019 do cơ quan Hải quan quyết định, theo đó toàn ngành Hải quan đã hạch toán giảm thu NSNN năm 2019 số hoàn trả các khoản thu NSNN năm trước trong 9 tháng đầu năm 2019 là 6.077 tỷ đồng⁴²⁵, việc hạch toán giảm thu nêu trên không phù hợp quy định tại Thông tư số 174/2015/TT-BTC ngày 10/11/2015 và Thông tư số 112/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 174/2015/TT-BTC hướng dẫn kế toán nghiệp vụ thuế và thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu⁴²⁶;

⁴²⁴ Số liệu chỉ tiêu “Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” tại Báo cáo Mẫu số B2-01/BC - NS của KBNN năm 2019 kết xuất ngày 28/02/2021 là 210.213 tỷ đồng; tại Phụ lục II- Mẫu biểu số 59 Quyết toán nguồn thu NSNN theo lĩnh vực năm 2019 là 212.198 tỷ đồng, chênh lệch 1.985 tỷ đồng tương ứng với số liệu Vụ NSNN khi rà soát số liệu HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê chuẩn, đã chuyển từ chỉ tiêu “Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước” lên chỉ tiêu “Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” cho phù hợp với Mẫu biểu số 61 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016.

⁴²⁵ Theo báo cáo của KBNN và Tổng cục Hải quan thì không xác định được riêng số liệu đã hạch toán giảm thu NSNN năm 2019 đối với số hoàn trả các khoản thu NSNN năm trước phát sinh trong 3 tháng cuối năm 2019 do đã hạch toán chung cùng với số hoàn trả các khoản thu NSNN năm 2019.

⁴²⁶ (i) Tại Điều 41 Thông tư số 174/2015/TT-BTC ngày 10/11/2015 về nguyên tắc kế toán Tài khoản 354- Điều chỉnh giảm số thu quy định “a) Tài khoản 354- Điều chỉnh giảm số thu dùng cho cơ quan hải quan để phản ánh số thu đã nộp ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách nhà nước (năm trước, năm nay) của người nộp thuế được cấp có thẩm quyền xét miễn, giảm và các khoản được hoàn trả từ ngân sách nhà nước. Tài khoản năm trước dùng để phản ánh các khoản đã hoàn trả thuộc số thu ngân sách nhà nước năm trước nhưng hoàn trả sau thời gian chính lý quyết toán của năm trước; Tài khoản năm nay dùng để phản ánh các khoản đã hoàn trả thuộc số thu ngân sách nhà nước năm hiện hành, được hoàn trả trước khi kết thúc thời gian chính lý quyết toán của

(ii) Về thu nội địa: Tại Công văn số 217/KBNN-KTNN ngày 14/01/2020 của KBNN chỉ đạo về việc hạch toán điều chỉnh hoàn trả thu NSNN năm 2019, toàn ngành thuế đã hạch toán giảm thu NSNN năm 2019 số hoàn trả các khoản thu NSNN năm trước là 3.005 tỷ đồng, việc hạch toán giảm thu nêu trên không phù hợp quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 và Công văn 4696/KBNN-KTNN ngày 29/9/2017 của KBNN⁴²⁷. Theo báo cáo của KBNN, KBNN đã trình Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung về hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu NSNN qua KBNN, trong đó quy định về phương thức hoàn trả các khoản thu NSNN theo nguyên tắc giảm thu để phù hợp với Luật NSNN và Luật quản lý thuế. Tuy nhiên, đến nay Bộ Tài chính chưa ban hành thông tư làm cơ sở pháp lý để thống nhất tổ chức thực hiện.

- Công tác lập BCQT thu, chi NSNN năm 2019 của Bộ Tài chính chậm so với quy định tại khoản 4 Điều 70 Luật NSNN năm 2015 (*chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách*).

II. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Qua hoạt động kiểm toán năm 2020, KTNN đã kiến nghị xử lý tài chính 61.761 tỷ đồng; chuyển 05 vụ việc có dấu hiệu tội phạm được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán sang cơ quan Cảnh sát điều tra để điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật⁴²⁸; cung cấp 131 hồ sơ, báo cáo kiểm toán và tài liệu cho liên quan cho cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, cơ quan điều tra và các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền để phục vụ công tác

năm hiện hành”; (ii) Tại Thông tư số 112/2018/TT-BTC ngày 15/11/2018 về hướng dẫn phương pháp lập Bảng đối chiếu với KBNN số thuế nộp NSNN Mẫu số 10/ĐCKB như sau “*Cột 1: Phản ánh số thu ngân sách nhà nước của cơ quan hải quan trong kỳ theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước hàng tháng về số thu nộp ngân sách nhà nước của cơ quan hải quan trừ đi số đã hoàn thuộc năm ngân sách, kế toán tổng hợp theo các sắc thuế và đưa vào báo cáo. Hoặc lấy từ phát sinh nợ TK 331- Thanh toán với ngân sách về thuế, TK 333- Thanh toán với ngân sách nhà nước về tiền thu phạt, tiền chậm nộp và thu khác trong tháng trừ đi phát sinh Có TK 35402 (điều chỉnh giảm số thu năm nay)*”

⁴²⁷ (1) Theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 59 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 việc hạch toán hoàn trả thực hiện theo hai trường hợp: (i) *Hoàn trả các khoản thu thuộc năm ngân sách, nếu Kho bạc nhà nước thực hiện hoàn trả trước khi kết thúc thời hạn chính lý quyết toán ngân sách nhà nước năm đó thì Kho bạc nhà nước thực hiện hạch toán giảm thu năm ngân sách, theo từng cấp ngân sách, đúng mục lục ngân sách nhà nước của các khoản đã thu...*; (ii) *Hoàn trả các khoản thu sau thời gian chính lý quyết toán ngân sách thì Kho bạc nhà nước hạch toán chi ngân sách năm hiện hành của từng cấp ngân sách, theo số tiền tương ứng với tỷ lệ phân chia khoản thu cho từng cấp ngân sách trước đó*”; (2) Theo hướng dẫn tại Phụ lục số 06 Nguyên tắc, nội dung và kết cấu tài khoản kế toán kèm Công văn 4696/KBNN-KTNN ngày 29/9/2017 của KBNN hướng dẫn thực hiện Chế độ kế toán NSNN và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước thì nguyên tắc hạch toán Tài khoản 7110 - Thu Ngân sách Nhà nước “*Kế toán hoàn trả các khoản thu NSNN được ghi giảm trực tiếp trên tài khoản thu NSNN; sau thời gian chính lý quyết toán, kế toán ghi Nợ tài khoản chi NSNN*”.

⁴²⁸ Công văn số 794/KTNN-TH ngày 22/7/2020 về chuyển hồ sơ đến Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng (C03) của Bộ Công an về hành vi trốn thuế TNCN của ông Nguyễn Tài - Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ kho vận PTL và hành vi có dấu hiệu chuyển giá, trốn thuế của Công ty TNHH Nhôm Toàn Cầu tại Cục Thuế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (02 vụ việc); Công văn số 852/KTNN-TH ngày 06/8/2020 chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong việc quản lý, sử dụng 2.375m² đất tại phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, Đà Nẵng của doanh nghiệp Đa Phước gửi Công an thành phố Đà Nẵng để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật (01 vụ việc); Công văn số 1050/KTNN-TH ngày 25/9/2020 gửi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Phước để điều tra hành vi, vi phạm trong quản lý và sử dụng hóa đơn của Công ty TNHH MTV Cao Su Bảo Long và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thành Phước (02 vụ việc).

điều tra, kiểm tra, giám sát⁴²⁹. Đồng thời, KTNN đã kiến nghị hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới 205 văn bản pháp luật⁴³⁰ sai quy định hoặc không phù hợp với quy định chung của Nhà nước và thực tiễn, nhằm kịp thời khắc phục “lỗ hổng” về cơ chế, chính sách, tránh thất thoát, lãng phí, siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính, góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế; 98 BCKT có kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân.

B. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

I. KIỂM TOÁN DOANH NGHIỆP

Năm 2020, KTNN đã kiểm toán Báo cáo tài chính và các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn nhà nước năm 2019 của 160 doanh nghiệp thuộc 17 TĐ và TCT; kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của 01 doanh nghiệp⁴³¹; quyết toán giá trị phân vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại 29 doanh nghiệp. Kết quả kiểm toán được khái quát như sau:

1. Kiểm toán báo cáo tài chính

Năm 2019, trong bối cảnh đất nước gặp nhiều khó khăn, thách thức, là năm bứt phá để hoàn thành thắng lợi các Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh cải cách môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Theo đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhờ sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước, đặc biệt là sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, kịp thời, hiệu quả của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các cấp, các ngành, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Kết quả kiểm toán cho thấy 17/17 TĐ, TCT được kiểm toán sản xuất kinh doanh có lãi⁴³²; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu tại một số đơn vị đạt tương đối cao⁴³³. Bên cạnh đó, việc quản lý sử dụng vốn, tài sản của các doanh nghiệp được kiểm toán còn một số hạn chế, tồn tại sau:

(1) Phần lớn các đơn vị còn sai sót trong việc hạch toán kế toán, kê khai

⁴²⁹ Ủy ban Kiểm tra TW 37 văn bản, Văn phòng Quốc hội và Đại biểu Quốc hội 33 văn bản; Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an 37 văn bản; Thanh tra Chính phủ 02 văn bản; cơ quan khác 22 văn bản.

⁴³⁰ 205 văn bản, gồm: 01 Luật; 02 nghị định; 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 21 Thông tư và 177 văn bản khác.

⁴³¹ Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV.

⁴³² Lợi nhuận sau thuế năm 2019: PVPower 2.932,35 tỷ đồng; PTSC 995,62 tỷ đồng; PVTrans 982,09 tỷ đồng; EVNCPC 767,93 tỷ đồng; UDIC 671,22 tỷ đồng; Samco 588,85 tỷ đồng; EVN HCM 548,51 tỷ đồng; TCT Địa ốc Sài Gòn 504,78 tỷ đồng; Sawaco 455,16 tỷ đồng; Handico 353,61 tỷ đồng; PVOIL 325,22 tỷ đồng; TCT Đám bảo an toàn hàng hải miền Nam 101,92 tỷ đồng; Hancorp 93,46 tỷ đồng....

⁴³³ PTSC 20,8%; PVTrans 17,87%; UDIC 13,7%; PVPower 9,91%; Handico 9%; Hancorp 7,6%; EVNCPC 7,53%.

nghĩa vụ với NSNN nên qua kiểm toán phải điều chỉnh tài sản, nguồn vốn⁴³⁴, doanh thu, chi phí⁴³⁵ và kiến nghị tăng thu NSNN 1.031,36 tỷ đồng.

(2) Nhiều đơn vị chưa ban hành quy chế quản lý tiền⁴³⁶ hoặc quản lý dòng tiền chưa hiệu quả⁴³⁷; quản lý nợ chưa chặt chẽ, còn để phát sinh nợ phải thu quá hạn⁴³⁸, khó đòi lớn⁴³⁹; thực hiện bán hàng, đặt cọc cho nhà cung cấp không có bảo lãnh hoặc tài sản đảm bảo gây nợ tồn đọng kéo dài hoặc vượt giá trị bảo lãnh⁴⁴⁰; trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi⁴⁴¹, xóa nợ⁴⁴², trích khấu hao TSCĐ⁴⁴³ không đúng quy định. Một số đơn vị mua sắm vật tư chưa đúng với nhu cầu sử dụng dẫn đến lượng vật tư, hàng hóa ứ đọng, chậm luân chuyển hoặc tồn kho lớn⁴⁴⁴; chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang lâu năm chưa được nghiệm thu khối lượng⁴⁴⁵ hoặc chấp thuận thanh toán⁴⁴⁶ hoặc hết doanh thu⁴⁴⁷; đầu tư bất

⁴³⁴ Tổng tài sản, nguồn vốn tăng 629,2 tỷ đồng, giảm 65,78 tỷ đồng.

⁴³⁵ Tổng doanh thu, thu nhập tăng 484,87 tỷ đồng, giảm 209,22 tỷ đồng; tổng chi phí tăng 49,35 tỷ đồng, giảm 818,56 tỷ đồng.

⁴³⁶ PVPower: Công ty CP Thủy điện Hòa Na, Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí; PVOIL: PVOIL Phú Thọ; PVTrans: Công ty CP Vận tải sản phẩm khí Quốc tế (chưa xây dựng đầy đủ kế hoạch sử dụng dòng tiền); Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng thuộc EVNCPC và Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC thuộc PTSC (chưa ban hành quy định về quy trình gửi tiền không kỳ hạn/có kỳ hạn).

⁴³⁷ Công ty CP Vận tải Nhật Việt thuộc PVTrans còn khoản tiền gửi 04 tỷ đồng có kỳ hạn được thế chấp tại Ngân hàng để mua tàu nhưng không thể giao dịch, có thể xảy ra tranh chấp bất lợi cho Công ty; Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam thuộc PVPower còn xảy ra tồn quỹ tiền mặt vượt mức quy định tại Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền; PTSC: Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ, PTSC Phú Mỹ, PTSC Thanh Hóa, Công ty TNHH MTV Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm PTSC còn tình trạng chưa cân đối hoặc rà soát nguồn tiền để chuyển tiền gửi không kỳ hạn sang tiền gửi; PVOIL: Một số thời điểm lựa chọn kỳ hạn ngắn hạn để gửi tiền chưa hợp lý (có thể lựa chọn kỳ gửi dài hạn).

⁴³⁸ PVPower 1.480,09 tỷ đồng; PVOIL 800,73 tỷ đồng; TCT Địa ốc Sài Gòn 306,43 tỷ đồng; Sawaco 42,02 tỷ đồng; Handico 32,27 tỷ đồng; EVNCPC 15,03 tỷ đồng; Samco 12,05 tỷ đồng; EVN HCM 284,36 tỷ đồng (nợ quá hạn/tổng nợ phải thu chiếm 47,01%); Công ty mẹ - UDIC 315,21 tỷ đồng (chiếm 26,9%); PVTrans: Công ty CP Vận tải dầu khí Thái Bình Dương chiếm 32,3%, Công ty mẹ chiếm 3,5%, Công ty CP Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi chiếm 3,4%.

⁴³⁹ PVOIL: TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP 643,36 tỷ đồng; PTSC 343,45 tỷ đồng; Hancorp 321,99 tỷ đồng; UDIC 269,93 tỷ đồng; PVPower 214,45 tỷ đồng; PVTrans 99,49 tỷ đồng; TCT Địa ốc Sài Gòn 17,43 tỷ đồng; Công ty Điện lực Bình Phú thuộc EVN HCM 11,73 tỷ đồng; EVNCPC 9,62 tỷ đồng.

⁴⁴⁰ PVPower: Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí; PVOIL: PVOIL Tây Ninh, PVOIL Huế, PVOIL Vũng Áng, PVOIL Hải Phòng, PVOIL Cái Lân.

⁴⁴¹ (i) Trích thừa: UDIC 5,20 tỷ đồng; PVPower 4,41 tỷ đồng; (ii) Trích thiếu: PTSC 2,37 tỷ đồng; Hancorp 1,92 tỷ đồng; Sawaco 1,63 tỷ đồng; PVOIL 2,27 tỷ đồng; PVTrans 70,58 tỷ đồng.

⁴⁴² Công ty CP Vận tải dầu khí Thái Bình Dương thuộc PVTrans 80 tỷ đồng; PC Kon Tum thuộc EVNCPC 0,17 tỷ đồng.

⁴⁴³ (i) Trích thừa: VNPT Net 11,14 tỷ đồng; Samco 7,49 tỷ đồng; PTSC 6,74 tỷ đồng; PVOIL 3,47 tỷ đồng-(ii) Trích thiếu: Sawaco 2,58 tỷ đồng

⁴⁴⁴ PVPower: Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 là 238,26 tỷ đồng, Công ty Điện lực Dầu Khí Hà Tĩnh 229,59 tỷ đồng, Công ty CP Thủy điện Hòa Na 12,40 tỷ đồng; EVNCPC: Ban Quản lý Dự án lưới điện miền Trung và Ban Quản lý dự án lưới điện nông thôn 175,23 tỷ đồng (chiếm 61,5% lượng tồn kho), Công ty mẹ mua từ năm 2017 là 1,03 tỷ đồng; PTSC 34,30 tỷ đồng; EVN HCM: Ban Quản lý dự án lưới điện vật tư thiết bị 190,75 tỷ đồng, Công ty Lưới điện Cao thế 5,86 tỷ đồng.

⁴⁴⁵ (i) PVPower: Công ty CP Máy - Thiết bị Dầu khí (Công trình Nhà máy xơ sợi Khu công nghiệp Đình Vũ và Công trình Sân bay Tân Sơn Nhất Hồ Chí Minh phát sinh lần lượt từ năm 2010 và năm 2013 với tổng giá trị là 49,14 tỷ đồng); (ii) Hancorp: Công ty mẹ (Dự án 2 tuyến đường Ngân sách TP. Hà Nội qua Dự án Khu đoàn ngoại giao 78,89 tỷ đồng); Công ty Tây Hồ và Công ty Xây dựng số 1 (lần lượt là 20,47 tỷ đồng và 114,92 tỷ đồng).

⁴⁴⁶ PVPower: Công ty CP Máy - Thiết bị dầu khí (Công trình Kho chứa LPG Lạnh Thị Vải 10,08 tỷ đồng); Hancorp: Công ty mẹ 53,1 tỷ đồng, Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ 14,7 tỷ đồng; Samco: Các công trình của Xí nghiệp Đô Thành 12,05 tỷ đồng.

⁴⁴⁷ Hancorp: Công ty Xây dựng số 1 (07 công trình với giá trị 8,69 tỷ đồng), Công ty Tây Hồ (04 công trình 1,97 tỷ đồng), Công ty mẹ (Công trình Cải tạo kênh bắc đoạn 3 - Vinh 23,37 tỷ đồng).

động sản đã hoàn thành công tác xây dựng nhưng chưa bán/khai thác, chậm đưa vào khai thác làm giảm hiệu quả sử dụng vốn⁴⁴⁸; còn một số dự án dừng triển khai từ nhiều năm⁴⁴⁹, chậm tiến độ⁴⁵⁰, chưa hiệu quả⁴⁵¹.

(3) Còn đơn vị có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao⁴⁵²; chưa được góp đủ vốn điều lệ⁴⁵³ hoặc có vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ được phê duyệt nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định⁴⁵⁴; HĐTV EVN ban hành Quyết định giao vốn điều lệ khi chưa được cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước phê duyệt chủ trương là không đúng theo quy định của EVN và quy định của pháp luật; trích trước chi phí phải trả⁴⁵⁵, dự phòng phải trả⁴⁵⁶ không đúng quy định; mất cân đối tài chính⁴⁵⁷ hoặc được đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt⁴⁵⁸ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

(4) Một số đơn vị đầu tư không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp⁴⁵⁹, thua lỗ lớn⁴⁶⁰, mất vốn chủ sở hữu⁴⁶¹; một số khoản đầu tư của TĐ, TCT vào công ty

⁴⁴⁸ Công ty mẹ - TCT Địa ốc Sài Gòn: Khu đất số 481 Bến Ba Đình Phường 9, Quận 8 xây dựng hoàn thành chung cư từ năm 2010, đến nay còn 242/350 căn hộ để trống; khu đất số 339/34A (số cũ 157/R8) Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10 đến nay còn 119 căn hộ để trống từ năm 2013.

⁴⁴⁹ (i) PVOIL: Công ty mẹ (Dự án Kho ngoại quan, dự trữ xăng dầu quốc gia tại Phú Quốc, Dự án Mở rộng nhà máy chế biến condensate tại khu công nghiệp Cái Mép - Bà Rịa Vũng Tàu, Dự án Mở rộng kho xăng dầu Cái Lân giai đoạn 2); TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Dự án kho cảng Cái Mép giai đoạn 2 là 56,16 tỷ đồng, Dự án khu đất Đầm Bà Tài - Hải Phòng 0,82 tỷ đồng, Dự án tích hợp quản lý hàng hóa cửa hàng xăng dầu 0,2 tỷ đồng, Dự án tự động hóa xuất hàng - Xí nghiệp Hòa Hiệp 0,11 tỷ đồng); (ii) EVNCPC: Công ty CP Đầu tư Điện lực 3 (Dự án Công trình thủy điện Sông Tranh 5 là 2,90 tỷ đồng); (iii) PVPower: Dự án tiêu khu 2 tại Nhơn Trạch; (iv) Hancorp: Dự án Nhà máy Gạch bê tông khí chưng áp; (v) Handico: Dự án 174 Hà Huy Tập, Yên Viên, Hà Nội và 51,89 ha tại cụm công nghiệp vừa và nhỏ huyện Sóc Sơn.

⁴⁵⁰ UDIC: Dự án Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội đã quá hạn trên 16 năm nhưng đến nay chưa được UBND thành phố Hà Nội gia hạn thực hiện dự án; Hancorp: Dự án Khu đô thị mới Cao Xanh - Hà Khánh B chậm 10 năm, Dự án N01 - T8 chậm 06 năm, Dự án Khu biệt thự chậm 03 năm, Dự án N04.A chậm 02 năm; Sawaco: Dự án lắp đặt Tuyến ống cấp 2 đường Trần Đại Nghĩa chậm 03 năm, Dự án Lắp đặt tuyến ống cấp 2 đường Quốc lộ 50 từ Tân Liêm đến ranh Long An chậm 02 năm, Dự án Lắp đặt tuyến ống cấp 1 đường Huỳnh Tấn Phát chậm 03 năm, Dự án Lắp đặt tuyến ống cấp 2 đường Lê Đình Cẩn - Ấp Chiến Lược chậm 01 năm, Dự án Lắp đặt tuyến ống cấp 2 đường Đỗ Văn Dậy từ Quang Trung đến Kênh Xáng, huyện Hóc Môn chậm 03 năm, Dự án Lắp đặt tuyến ống cấp 2 đường Dương Thị Mười từ Tô Ký đến Nguyễn Ảnh Thủ, Quận 12 chậm 03 năm, Dự án Xây dựng phân đoạn tuyến ống chuyển tải nước sạch D2400mm Thủ Đức - Bình Thái chậm 08 năm; TCT Địa Ốc Sài Gòn: Dự án chung cư Khuông Việt chậm 02 năm.

⁴⁵¹ PVOIL: Dự án Tòa nhà trụ sở và văn phòng bán, cho thuê tại số 148 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội hoạt động cho thuê lỗ lũy kế đến 31/12/2019 là 11,97 tỷ đồng.

⁴⁵² TCT Địa Ốc Sài Gòn: Công ty CP Đầu tư xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn 5,88 lần.

⁴⁵³ PVOIL: PVOIL Hải Phòng 0,89 tỷ đồng; Hancorp: Công ty Thiết bị và Vật liệu xây dựng Hancorp 6,5 tỷ đồng.

⁴⁵⁴ Công ty mẹ - Handico 33,5 tỷ đồng.

⁴⁵⁵ (i) Trích thừa: PTSC 94,63 tỷ đồng; PVTrans 69,77 tỷ đồng; UDIC 47,05 tỷ đồng; Hancorp 38,91 tỷ đồng; PVOIL 27,80 tỷ đồng; TCT Địa ốc Sài Gòn 10,95 tỷ đồng; EVN HCM 6,60 tỷ đồng; (ii) Trích thiếu: PVPower 1,07 tỷ đồng.

⁴⁵⁶ (i) Trích thừa: PVTrans 25,73 tỷ đồng; TCT Địa ốc Sài Gòn 0,36 tỷ đồng; (ii) Trích thiếu: PVOIL 0,54 tỷ đồng.

⁴⁵⁷ PVOIL: PVOIL Phú Thọ, PVOIL Hải Phòng, PVOIL Sài Gòn.

⁴⁵⁸ UDIC: Công ty CP Xây dựng và Thương mại Ngọc Minh, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hà Thành UDIC, Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất động sản UDIC, Công ty CP UDIC Kim Bình, Công ty CP Vật liệu xây dựng và XNK Hồng Hà, Công ty CP Đầu tư và Bê tông Thịnh Liệt; Handico: Công ty Tài chính CP Handico thuộc diện kiểm soát đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước.

⁴⁵⁹ Công ty mẹ - PVPower: Cổ tức, lợi nhuận được chia năm 2019 đạt 0,2% tổng vốn đầu tư; PVOIL: Công ty mẹ (Công ty CP Dầu khí Dương Đông Kiên Giang, Công ty CP Vận tải Dầu khí Mèkong, Công ty CP Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học dầu khí, Công ty CP Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu khí miền Trung, Công ty CP Khách Sạn Lam Kinh), PVOIL Thanh Hóa, PVOIL Nam Định (khoản đầu tư vào PETEC LAND); Công ty mẹ - Hancorp: 08/33 đơn vị có vốn góp lỗ năm 2019 là 289,05 tỷ đồng.

⁴⁶⁰ Lỗ lũy kế đến 31/12/2019: Công ty mẹ - PTSC đầu tư vào Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV

liên kết, đầu tư dài hạn khác bị thua lỗ, mất vốn⁴⁶²; đầu tư ra nước ngoài hiệu quả chưa đạt theo phương án phê duyệt⁴⁶³; trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính không đúng quy định⁴⁶⁴; chi trả cổ tức chưa kịp thời⁴⁶⁵; chưa ban hành hoặc ban hành quy chế người đại diện vốn⁴⁶⁶ chưa đúng quy định; tình trạng sở hữu chéo tại các doanh nghiệp trong cùng TĐ, TCT chưa được khắc phục⁴⁶⁷; một số người đại diện vốn tại các doanh nghiệp chưa thực hiện đúng trách nhiệm trong việc đề nghị doanh nghiệp nộp lợi nhuận, cổ tức được chia kịp thời⁴⁶⁸, lập báo cáo giám sát chưa đầy đủ⁴⁶⁹; chưa kịp thời nộp tiền thu từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp⁴⁷⁰; quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh chưa bảo toàn được vốn⁴⁷¹.

(5) Việc quản lý chi phí, giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp chưa chặt chẽ, định mức sản xuất kinh doanh⁴⁷², định mức lao động chưa phù hợp thực

2.121 tỷ đồng, Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi 240,71 tỷ đồng, Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC 17,46 tỷ đồng; Công ty mẹ - Handico đầu tư vào Công ty CP Kinh doanh và Phát triển nhà số 68 lỗ 60,99 tỷ đồng; Công ty mẹ - TCT Địa ốc Sài Gòn: 01/05 công ty con năm 2019 lỗ 38,19 tỷ đồng.

⁴⁶¹ Samco: Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn (công ty 100% vốn đầu tư của Công ty mẹ) âm vốn chủ sở hữu 344,25 tỷ đồng.

⁴⁶² Công ty mẹ - TCT Địa ốc Sài Gòn: 07 công ty liên doanh, liên kết lỗ lũy kế 32,91 tỷ đồng; Công ty mẹ - Samco 05 công ty liên doanh, liên kết lỗ lũy kế 194,96 tỷ đồng; Công ty mẹ - UDIC: 05 công ty liên doanh, liên kết lỗ lũy kế 288,7 tỷ đồng, 01 công ty ngừng hoạt động, 02 khoản đầu tư khác lỗ lũy kế 32,1 tỷ đồng và 01 khoản đầu tư dài hạn khác dừng hoạt động; Công ty mẹ - PTSC: 01 công ty liên doanh, liên kết lỗ lũy kế 790,02 tỷ đồng, 01 khoản đầu tư khác lỗ lũy kế 77,56 tỷ đồng và 01 công ty liên doanh, liên kết lỗ năm 2019 là 132,34 tỷ đồng; Handico: Công ty mẹ (03 công ty liên doanh liên kết lỗ lũy kế 25,49 tỷ đồng, 04 khoản đầu tư khác 2.100,68 tỷ đồng), Công ty TNHH MTV Kinh doanh dịch vụ nhà Hà Nội (01 công ty liên kết lỗ lũy kế 0,98 tỷ đồng); Sawaco: 01 công ty liên doanh liên kết lỗ lũy kế 28,09 tỷ đồng; Công ty mẹ - PVPower: 03 khoản đầu tư dài hạn khác (Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí, Công ty CP Thủy điện Sơn Trà Sông Đà, Công ty CP Năng lượng Châu Á Thái Bình Dương) mất vốn phải trích lập dự phòng 20,24 tỷ đồng.

⁴⁶³ PTSC: Công ty MVOT (tàu FSO Orkid) đạt 80%, PTSC Hải Phòng đạt 47,6%, Công ty AP đạt 25%, Công ty VOFT đạt 17%, Công ty Rồng đôi MV12 thấp hơn 13,44% so với phương án.

⁴⁶⁴ (i) Trích thừa: PVPower 3 tỷ đồng; Handico 1,67 tỷ đồng; (ii) Trích thiếu: TCT Địa ốc Sài Gòn 1,66 tỷ đồng.

⁴⁶⁵ PVOIL: PVOIL Phú Thọ; Hancorp: Công ty mẹ, Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ.

⁴⁶⁶ UDIC; Handico.

⁴⁶⁷ PVOIL: Công ty mẹ PVOIL và 5 đơn vị thành viên góp 95,25% vốn vào TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư; PVOIL và Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức góp 66,93% vốn vào PVOIL Sài Gòn; Công ty mẹ - PVOIL và PVOIL Bạc Liêu góp 56,9% vốn vào PVOIL Nam Định; Công ty mẹ - PVOIL và Công ty CP Dầu khí Mê Kông góp 34,96% vốn vào Mekongtrans; TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư và các đơn vị thành viên của PVOIL góp 60,95% vốn vào Công ty Cà phê PETEC; TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư và PVOIL Nam Định góp 39,16% vốn vào PETEC LAND, Công ty mẹ - PVOIL và Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức góp 24,8% vào Công ty CP thương nghiệp Cà Mau.

⁴⁶⁸ TCT Địa ốc Sài Gòn: Công ty CP Phát triển nhà Bắc Trung Nam; Công ty CP Phát triển và Kinh doanh nhà; Công ty CP Phát triển Địa ốc Sài Gòn 5; Công ty CP Đầu tư kinh doanh Nhà; Công ty CP Đầu tư và Địa ốc Sài Gòn Chợ Lớn; Công ty CP Đầu tư xây dựng và Kinh doanh Nhà Sài Gòn; Công ty TNHH MTV Đầu tư Địa ốc Gia Định; Công ty TNHH MTV Đầu tư Địa ốc Bình Thạnh.

⁴⁶⁹ TCT Địa ốc Sài Gòn: Công ty liên doanh cao ốc Indochine, Công ty CP Phát triển Địa ốc Sài Gòn 5, Công ty CP Đầu tư xây dựng Kinh doanh nhà Sài Gòn, Công ty CP Địa ốc 7, Công ty TNHH Keppel Land Watco I, II, III, IV, V, Công ty CP Đầu tư kinh doanh nhà, Công ty liên doanh Đại Dương, Công ty CP Đầu tư Địa ốc Gia Định, Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc 3, Công ty CP Địa ốc 8, Công ty liên doanh căn hộ Sài Gòn.

⁴⁷⁰ PVOIL; PVPower.

⁴⁷¹ PVOIL: PVOIL Bạc Liêu, PVOIL Bình Thuận, PVOIL Tây Ninh, PVOIL Phú Thọ, PVOIL Thanh Hóa, PVOIL Nam Định, TCT Thương mại Kỹ thuật Đầu tư; Hancorp: Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Xây dựng Tây Hồ.

⁴⁷² PTSC: Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí (chi nhánh Công ty mẹ) định mức tiêu hao nhiên liệu phương tiện vận tải ban hành từ năm 2009; PVOIL: Kho Vũng Rô, PVOIL Phú Yên, PVOIL Cái Lân, PVOIL Trans; PVTrans: Công ty CP Vận tải dầu khí Vũng Tàu.

tế⁴⁷³; trích quỹ lương vượt quy định⁴⁷⁴.

(6) Về quản lý sử dụng đất: Một số đơn vị còn nhiều diện tích đất chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả⁴⁷⁵, sử dụng không đúng mục đích⁴⁷⁶, bị lấn chiếm, tranh chấp⁴⁷⁷, chưa đủ hồ sơ pháp lý⁴⁷⁸, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN⁴⁷⁹, qua kiểm toán xác định tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phải nộp tăng thêm⁴⁸⁰; thực hiện hợp tác kinh doanh hoặc nhận hợp tác kinh doanh bằng quyền sử dụng đất⁴⁸¹, giao và thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá đất không đúng quy định⁴⁸².

(7) Nhiều TD, TCT, công ty chưa thoái vốn đầu tư theo kế hoạch được duyệt⁴⁸³, chậm thoái vốn khỏi lĩnh vực tài chính ngân hàng, lĩnh vực không phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính quy định tại Điều 21 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ⁴⁸⁴; còn vướng mắc trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp⁴⁸⁵.

2. Kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa⁴⁸⁶

Một số đơn vị chưa mở sổ theo dõi, định giá tài sản tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp⁴⁸⁷, lập hồ sơ kiểm kê chưa đầy đủ⁴⁸⁸; đối chiếu, xác nhận

⁴⁷³ EVNCPC lao động thực tế chiếm 69% so với lao động định mức.

⁴⁷⁴ Hancorp 2,21 tỷ đồng; Sawaco 0,5 tỷ đồng.

⁴⁷⁵ PVOIL 29,34 ha (PVOIL Tây Ninh, PVOIL Bình Thuận, PVOIL Thái Bình, PVOIL Thanh Hóa, PVOIL miền Trung, PVOIL Huế, PVOIL Sài Gòn, TCT Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP); TCT Địa ốc Sài Gòn 6,3 ha; EVNCPC: Công ty Điện lực Gia Lai 0,54 ha, Công ty CP Đầu tư Điện lực 3 là 0,075 ha; Sawaco 1,14 ha; PTSC 0,28 ha tại số 266 Lê Lợi, Vũng Tàu; Hancorp 0,52 ha và khu đất xây dựng Nhà máy Gạch bê tông khí chung áp; UDIC (Lô đất B2 thuộc khu đô thị mới Yên Hòa, Cầu Giấy; đất tại xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, Kiên Giang và khu đất A1 khu đô thị Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội).

⁴⁷⁶ EVNCPC: Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung 0,14 ha; PVOIL: 13,12 ha; PTSC: 54/120 căn phòng tại số 284 Nguyễn An Ninh, Vũng Tàu.

⁴⁷⁷ TCT Địa ốc Sài Gòn 1,96 ha; EVNCPC: Công ty Điện lực Gia Lai 0,06 ha, Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung 3,08 ha.

⁴⁷⁸ EVNCPC 161,13 ha; EVN HCM 17,08 ha; Sawaco 60,23 ha; TCT Đảm bảo an toàn hàng hải miền Nam 15,62 ha; PVOIL 75,47 ha; PVPower 16,41 ha; PTSC 12,14 ha; Samco 54,29 ha; Công ty mẹ - Handico 1,11 ha.

⁴⁷⁹ VNPT NET 11,16 ha; PVPower 6 ha; EVN HCM 1,25 ha; Sawaco 18,97 ha; PTSC 0,18 ha tại số 266 Lê Lợi, Vũng Tàu; PVOIL: PVOIL Vũng Áng, PVOIL Vũng Tàu, PVOIL Sài Gòn, PVOIL Thái Bình, PVOIL Thanh Hóa; Hancorp: Lô đất CC2, CC3, CC4, CC5, CC5a, QT1, QT2, QT3, QT4, QT5, QT6, P1, P2 và 9,9 ha tại Quê Võ, Bắc Ninh; TCT Địa ốc Sài Gòn 1,32 ha; EVNCPC 36,57 ha.

⁴⁸⁰ Sawaco 145,58 tỷ đồng; UDIC 47,05 tỷ đồng; Samco 23,16 tỷ đồng; TCT Địa ốc Sài Gòn 4,32 tỷ đồng; EVN HCM 5,09 tỷ đồng; EVNCPC 1,09 tỷ đồng; PVOIL 0,55 tỷ đồng.

⁴⁸¹ PVOIL: PVOIL Thái Bình, PVOIL Nam Định, Công ty CP Dầu khí Mê Kông.

⁴⁸² UBND thành phố Hà Nội thu hồi đất của Công ty CP Kinh doanh phát triển nhà và Đô thị Hà Nội thuộc Handico giao cho Công ty CP Tập đoàn Tecco để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở để bán cho cán bộ, công chức, viên chức liên cơ quan huyện Thanh Trì và UBND Thành phố Hồ Chí Minh thu tiền sử dụng đất đối với 10 mặt bằng đất tại Dự án Rạch Ủ Cây thuộc TCT Địa ốc Sài Gòn không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai 2003 và khoản 1 Điều 118 Luật Đất đai 2013.

⁴⁸³ UDIC: Toàn bộ các đơn vị theo danh mục được phê duyệt; Handico chậm thoái vốn đầu tư tại 05 đơn vị, chưa thoái vốn tại 10 đơn vị; Công ty mẹ PVOIL; Công ty mẹ - PVPower: 03 công ty.

⁴⁸⁴ Sawaco (Công ty CP Quảng trường Quốc tế); Handico (Công ty Tài chính CP Handico).

⁴⁸⁵ Handico: Công ty Đầu tư Xây dựng số 2 Hà Nội, Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 68.

⁴⁸⁶ Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV

⁴⁸⁷ Công ty Thủy điện Quảng Trị; Trạm quan trắc khí tượng nhận bàn giao từ Ban Quản lý dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận.

chưa đầy đủ các khoản công nợ tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp⁴⁸⁹; lập báo cáo tài chính và xử lý tài chính trước khi xác định giá trị doanh nghiệp chưa đúng quy định⁴⁹⁰. Đơn vị tư vấn định giá giá trị một số tài sản cố định, giá trị lợi thế kinh doanh chưa chính xác. Kết quả kiểm toán xác định tăng giá trị thực tế doanh nghiệp 1.166,84 tỷ đồng, tăng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 523,78 tỷ đồng (xác định theo phương pháp tài sản) và kiến nghị tăng thu NSNN 806,58 tỷ đồng.

3. Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần⁴⁹¹

Đa số các đơn vị đối chiếu, xác nhận công nợ phải thu, phải trả chưa đầy đủ⁴⁹²; chưa nộp đầy đủ, kịp thời các khoản phải nộp về cổ phần hóa⁴⁹³; lập báo cáo quyết toán cổ phần hóa chậm⁴⁹⁴; chưa tuân thủ quy định trong việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược⁴⁹⁵; chưa xây dựng phương án sử dụng đất trình UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt trước khi xác định giá trị doanh nghiệp⁴⁹⁶; chưa thực hiện các thủ tục pháp lý để điều chỉnh doanh nghiệp thuê đất từ công

⁴⁸⁸ Công ty Thủy điện Sông Bung: Hệ thống đường ống cấp nước cho Trạm trộn Bê tông RCC do nhà thầu SINOHYDRO để lại.

⁴⁸⁹ Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nak: 1,03 tỷ đồng nợ phải trả; Công ty Thủy điện Trung Sơn: 15,77 tỷ đồng nợ phải thu và 23,02 tỷ đồng nợ phải trả.

⁴⁹⁰ Xác định không chính xác một số khoản doanh thu, chi phí, giá trị tài sản cố định, qua kiểm toán điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN 858,11 tỷ đồng; chưa xử lý khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu so với vốn điều lệ tại 31/12/2018 (Công ty mẹ 289,03 tỷ đồng, Công ty Thủy điện Trung Sơn 28,67 tỷ đồng); năm 2018, Công ty mẹ hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện vào kết quả kinh doanh 613,29 tỷ đồng chưa phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 17 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

⁴⁹¹ 28 doanh nghiệp thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

⁴⁹² Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông công chánh; Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia; Công ty Kinh doanh Thủy hải sản; Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú; Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn; Công ty Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận; Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghiệp Sài Gòn; Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Sài Gòn 5...

⁴⁹³ Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn 188,74 tỷ đồng; Công ty Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận 40,86 tỷ đồng; Công ty Kinh doanh Thủy hải sản 29,38 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia 19,87 tỷ đồng...

⁴⁹⁴ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành; Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành; Công ty TNHH MTV Đầu tư Địa ốc Gia Định; Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghiệp Sài Gòn; Công ty Kinh doanh Thủy hải sản; Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Thủ Thiêm; Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Sài Gòn 5; Công ty TNHH Công trình cầu phà Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH MTV Xe khách Sài Gòn; Công ty Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận.

⁴⁹⁵ (i) Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia: Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoàn Lộc Việt được lựa chọn là nhà đầu tư chiến lược nhưng chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chí đối với nhà đầu tư chiến lược; (ii) Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành: Chưa có thông tin về lý do Công ty CP Sovico không được trình phê duyệt nhà đầu tư chiến lược; (iii) Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành: Ký hợp đồng mua bán cổ phần với nhà đầu tư chiến lược trước khi được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt tên và giá bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược; (iv) Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sài Gòn: Chưa công bố rộng rãi việc mời nhà đầu tư chiến lược, thư mời gửi nhà đầu tư chiến lược chưa đầy đủ tiêu chí được UBND Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

⁴⁹⁶ Công ty TNHH MTV Cảng sông Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia; Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Công ty mẹ, Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc); Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Thủ Đức; Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Công cộng Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Sài Gòn 5; Công ty TNHH MTV Đầu tư Địa ốc Gia Định; Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú; Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghiệp Sài Gòn.

ty TNHH MTV sang công ty cổ phần hoặc chưa hoàn tất thủ tục để ký hợp đồng thuê đất⁴⁹⁷; sử dụng đất không đúng mục đích⁴⁹⁸; lập báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần chưa chính xác⁴⁹⁹, kết quả kiểm toán xác định tăng giá trị thực tế vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại các doanh nghiệp 334,92 tỷ đồng⁵⁰⁰ và kiến nghị tăng thu NSNN 505,97 tỷ đồng.

UBND Thành phố Hồ Chí Minh chậm có ý kiến về phương án sử dụng đất hoặc chưa phê duyệt phương án sử dụng đất của các doanh nghiệp⁵⁰¹; chưa phê duyệt giá đất đối với diện tích đất khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần⁵⁰², chậm phê duyệt hầu hết các Báo cáo quyết toán tài chính, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp.

4. Kiểm toán một số dự án của tập đoàn, tổng công ty

- Công tác quy hoạch và lập kế hoạch đầu tư: Chưa đảm bảo tính ổn định, phải điều chỉnh nhiều lần, phê duyệt chậm⁵⁰³; kế hoạch đầu tư chưa phù hợp cho cả giai đoạn⁵⁰⁴; đề xuất danh mục dự án đầu tư và phê duyệt kế hoạch đầu tư hàng năm chưa phù hợp phải điều chỉnh⁵⁰⁵; thực hiện thấp hơn quy hoạch⁵⁰⁶, kế hoạch⁵⁰⁷.

⁴⁹⁷ Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sài Gòn; Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh nhà; Công ty TNHH MTV Đóng tàu An Phú; Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ; Công ty TNHH MTV Cảng sông Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty Kinh doanh Thủy hải sản; Công ty TNHH MTV Dịch vụ du lịch Thủ Đức.

⁴⁹⁸ Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xuất khẩu lao động và Chuyên gia: Khu đất 635A Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ: Khu đất số 79 Hòa Bình, Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; một phần diện tích số 03 Hòa Bình, Quận 11, diện tích 582,7 m²; Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh: Khu đất số 3-5 Mễ Cốc, Phường 15, Quận 8 và khu đất số 301, 301A, 301B, 301C Bến Bình Đông, Quận 8; Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sài Gòn: 04 lô đất được Nhà nước cho thuê thu tiền thuê đất hàng năm với tổng diện tích 5.019,1 m² (khu đất số 63 (số cũ 1/8) đường Quốc lộ 13, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 609,2 m²; khu đất số 3/1 đường Nguyễn Thị Định, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 988 m²; khu đất số 652A (số cũ 17/4 Khu phố 3) đường Tô Ký, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích 2.741,9 m²; khu đất số 127-129 Nơ Trang Long, Phường 12, quận Bình Thạnh, diện tích 680 m²) để hợp tác kinh doanh với Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Cần Giờ chưa tuân thủ theo đúng hợp đồng thuê đất.

⁴⁹⁹ (i) Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ; Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh; Công ty Kinh doanh Thủy hải sản; Công ty TNHH MTV Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản... (ii) Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh nhà xác định thiếu thành phẩm tồn kho đối với 26 lô đất tại khu dân cư Long Toàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

⁵⁰⁰ Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam 113,54 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn 186,51 tỷ đồng; Công ty Kinh doanh Thủy hải sản 15,61 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Phát triển và Kinh doanh nhà 11,04 tỷ đồng; Công ty Kỹ thuật Xây dựng Phú Nhuận 3,41 tỷ đồng...

⁵⁰¹ Công ty TNHH MTV Phát triển nhà Bến Thành; Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông công chánh; Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Bến Thành.

⁵⁰² Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Sài Gòn 5; Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ; Công ty TNHH MTV Phát triển Khu công nghiệp Sài Gòn: Dự án khu dân cư Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2; Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn: Dự án Khu tái định cư Vĩnh Lộc A 44 ha, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc mở rộng 56 ha, đất nền thuộc dự án Khu tái định cư và khu lưu trú công nhân tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, một phần các thửa đất đã đền bù đường Nguyễn Thị Tú.

⁵⁰³ TCT hạ tầng mạng: VNPT phê duyệt quy hoạch mạng lưới di động VNPT giai đoạn 2016 - 2020 còn chậm (phê duyệt tháng 03/2017), thiếu chi tiết số trạm đến từng tỉnh, chưa đảm bảo tính ổn định, phải điều chỉnh nhiều lần (từ 2017-2019 điều chỉnh 02 lần), còn chưa nhất quán giữa thuyết minh và phụ lục.

⁵⁰⁴ TCT hạ tầng mạng: Kế hoạch còn chưa phù hợp cho cả giai đoạn dài, dẫn đến một số thiết bị vô tuyến lắp đặt được một thời gian phải di chuyển đi nơi khác.

⁵⁰⁵ TCT Điện lực miền Nam.

- Giao KHV khi không có danh mục dự án⁵⁰⁸; phê duyệt dự án chưa có trong danh mục quy hoạch⁵⁰⁹, quy hoạch ngành⁵¹⁰, chưa đầy đủ cơ sở⁵¹¹, chưa xác định quy mô đầu tư⁵¹² hoặc chưa có báo cáo đánh giá tác động môi trường⁵¹³; thuyết minh dự án chưa đầy đủ nội dung⁵¹⁴; phương án tài chính, phương án trả nợ chưa được tổ chức cho vay thẩm định trước khi quyết định đầu tư⁵¹⁵; TMĐT thiếu chính xác⁵¹⁶, chưa đầy đủ cơ sở⁵¹⁷; thiết kế không tính toán kết cấu⁵¹⁸, thiếu nội dung xác định quy mô công trình⁵¹⁹; chỉ định thầu chưa phù hợp⁵²⁰; nhiều dự án chậm tiến độ, thậm chí có dự án phải tạm dừng⁵²¹, chất lượng chưa đảm bảo⁵²²; hạch toán chưa đầy đủ⁵²³; chưa xác định và kê khai thuế

⁵⁰⁶ TCT Điện lực miền Nam: Giai đoạn 2017 - 2019 là giai đoạn chính để thực hiện các nội dung phát triển điện lực của EVNSPC trong kế hoạch 2016 - 2020, nhưng sản lượng điện thương phẩm thực tế đến tháng 8/2020 chưa đạt như quy hoạch được duyệt, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm chỉ đạt 9,87%/11,2% quy hoạch.

⁵⁰⁷ TCT Điện lực miền Nam: Giá trị vốn đầu tư được EVN giao cho EVNSPC theo xu hướng tăng nhưng quá trình thực hiện đều không đạt, tỷ lệ thực hiện hàng năm theo chiều hướng giảm so với kế hoạch được giao.

⁵⁰⁸ Tổng công ty hạ tầng mạng: Giao kế hoạch vốn năm 2018, 2019 không có danh mục dự án cụ thể như hướng dẫn xây dựng kế hoạch hàng năm "Tập đoàn chấp thuận danh mục dự án" đối với dự án tập trung.

⁵⁰⁹ Dự án ĐTXD công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1: Tại thời điểm phê duyệt ngày 05/4/2011, Dự án không có trong danh mục các nhà máy điện trong quy hoạch điện VI của Thủ tướng chính phủ.

⁵¹⁰ Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng chưa có tên trong danh mục đề án cung cấp than của Bộ Công Thương tại Quyết định số 5964/QĐ-BCT ngày 09/10/2012 và Quyết định số 2845/QĐ-BCT ngày 06/5/2013.

⁵¹¹ (i) Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1: PVN Phê duyệt dự án khi chưa làm rõ khả năng huy động vốn đầu tư theo ý kiến của Bộ Tài chính và của Ngân hàng Nhà nước; tính toán lại một số chỉ tiêu hiệu quả kinh tế, tài chính có một số yếu tố không phù hợp so với phương án ban đầu; (ii) Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Long Phú: PVN phê duyệt đầu tư dự án trong khi báo cáo thẩm định thiếu ý kiến thẩm định về các yếu tố đảm bảo tính hiệu quả và tính khả thi của dự án, thiếu ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở.

⁵¹² TCT hạ tầng mạng: Chưa phân tích, đánh giá, xác định quy mô đầu tư tại một số dự án (*Dự án Mở rộng mạng MAN-E tại 27 tỉnh, thành phố năm 2019; Net1; Net3*) để đảm bảo tính kinh tế, tiết kiệm.

⁵¹³ Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng; Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Long Phú; Dự án ĐTXD công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1; Dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Sông Hậu.

⁵¹⁴ Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm điện lực Long Phú: thiếu thuyết minh về các giải pháp phòng cháy, chữa cháy và các yêu cầu về an ninh, quốc phòng, khả năng thu xếp vốn, nguồn vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ.

⁵¹⁵ TCT Điện lực miền Nam: Dự án Lại Sơn, Dự án Cần Đước, Dự án Long Xuyên 2, Dự án Tiên Hải và Dự án Hòn Nghê.

⁵¹⁶ Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng; Dự án ĐTXD công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1.

⁵¹⁷ Dự án đường dây 500kV Nhiệt điện Long Phú - Ô Môn; Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng; Dự án ĐTXD công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1.

⁵¹⁸ TCT Điện lực miền Nam: Dự án Năng lượng mặt trời áp mái tại Văn phòng điều hành PC Cần Thơ.

⁵¹⁹ TCT Điện lực miền Nam: Dự án Nhà làm việc Bàu Bàng.

⁵²⁰ (i) TCT Điện lực miền Nam: Dự án Cần Đước và Dự án Long Xuyên 2; (ii) Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1: Chỉ định thầu Gói thầu số 6 (*EPC Nhà máy chính*) chưa đảm bảo quy định, dẫn đến Nhà thầu được chỉ định gặp khó khăn trong quá trình thực hiện và không thực hiện đúng tiến độ hợp đồng do chưa có kinh nghiệm làm tổng thầu nhà máy nhiệt điện có công nghệ phức tạp.

⁵²¹ Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1: Do Nhà thầu PM bị Chính phủ Mỹ cấm vận và đơn phương chấm dứt hợp đồng, tiến hành khởi kiện PVN ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Singapore, dẫn đến dự án chậm phát điện theo quy hoạch điện VIII đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; đồng thời việc kéo dài tiến độ làm tăng chi phí quản lý dự án và các chi phí phát sinh bảo quản công trình và ảnh hưởng đến các dự án kết nối như Đường dây 500KVA, sân phân phối đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào sử dụng do nhà máy chưa phát điện.

⁵²² (i) Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3: Thông số độ ồn của một số thiết bị sau khi lắp đặt, thí nghiệm kiểm tra cho kết quả lớn hơn độ ồn cho phép theo quy định của hợp đồng; kết quả thí nghiệm thông số "*Suất hao nhiệt turbin*" là 7.505,7 kJ/kWh lớn hơn giá trị bảo đảm cho phép (*tuy vẫn nằm trong giới hạn theo quy định của Hợp đồng EPC*); (ii) Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1: Một số hạng mục chính, quan trọng bị tạm dừng thi công khi chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật đã xuất hiện những khiếm khuyết như rỉ sét, bị ăn mòn do chịu tác động của điều kiện khí hậu, chưa có biện pháp bảo quản dài hạn (*đang bảo quản theo cách thông thường*).

⁵²³ (i) Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng: Hạch toán thiếu nguồn vốn khấu hao cơ bản do EVN cấp vốn 12,339 tỷ đồng tiền thuế TNDN trả thay nhà thầu theo Thông báo số 5090/EVN-TCKT ngày 24/9/2019; (ii)

GTGT⁵²⁴; nguồn vốn vay vượt cơ cấu so với TMĐT được duyệt⁵²⁵; nghiệm thu, bàn giao công trình khi chưa thực hiện đầy đủ thủ tục theo quy định⁵²⁶; ghi nhận chi phí đầu tư chưa đúng quy định⁵²⁷.

II. KIỂM TOÁN CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

Kết quả kiểm toán BCTC, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 04 tổ chức tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và năm 2018 của Ngân hàng Chính sách xã hội được khái quát như sau:

Năm 2019, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt góp phần kiểm soát lạm phát bình quân ở mức 2,79%⁵²⁸, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định thị trường tiền tệ và ngoại hối; giảm lãi suất điều hành 02 lần. Các tổ chức tài chính, ngân hàng, bảo hiểm được kiểm toán đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động⁵²⁹, kinh doanh có lãi⁵³⁰, đạt mục tiêu tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 2%⁵³¹.

Một số tổ chức tín dụng tăng trưởng tín dụng vượt mức tối đa cho phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam⁵³². Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc xác định giá trị tài sản đảm bảo, việc hạch toán giá trị tài sản cho thuê tài chính chưa phù hợp⁵³³. Một số đơn vị đầu tư tài chính không hiệu quả hoặc hiệu

Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng: Xác định doanh thu bán điện trong thời gian chạy thử chưa đầy đủ chi phí nhiên liệu than, dầu sử dụng số tiền 5,857 tỷ đồng.

⁵²⁴ Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng: Chưa xác định và kê khai thuế GTGT 3,0225 tỷ đồng đối với hoạt động tư vấn quản lý dự án theo quy định của hợp đồng.

⁵²⁵ Dự án ĐTXD công trình Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1: Chi phí đi vay thực tế phát sinh đến ngày 30/6/2020 là 4.425,218 tỷ đồng, vượt cơ cấu chi phí đi vay trong TMĐT điều chỉnh (là 3.754,329 tỷ đồng).

⁵²⁶ Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3: Chưa có giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định. Chưa thực hiện đầy đủ các thử nghiệm đối với tổ máy phát điện, hệ thống kích từ, hệ thống điều tốc đã bàn giao đưa vào vận hành hòa lưới điện.

⁵²⁷ Dự án Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1: Ghi nhận chi phí đầu tư 142,244 tỷ đồng đối với Máy biến áp bị rơi là chưa đúng quy định do thiết bị trên chưa được các bên ký xác nhận (*BQLDA, tư vấn quản lý dự án và nhà thầu PTSC*) bàn giao máy móc thiết bị theo quy định và ghi nhận chi phí đầu tư Gói thầu số 6 (*EPC nhà máy chính*) vượt 38,23 tỷ đồng so với đơn giá trọn gói ban đầu theo quy định hợp đồng.

⁵²⁸ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ: Kiểm soát tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân dưới 4%.

⁵²⁹ Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ và hợp nhất của VCB lần lượt là 9,24% và 9,6%, NHNo là 9,2% và 9,6% (quy định 9%); NHNo: Tỷ lệ dự trữ thanh khoản 15,8% (quy định tối thiểu 10%), tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày đối với VND là 72,2% (quy định tối thiểu 50%), tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn là 29,6% (quy định tối đa là 40%)...; Bảo Minh đảm bảo khả năng thanh toán theo quy định của Bộ Tài chính.

⁵³⁰ Lợi nhuận trước thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu của VCB lần lượt là 23.211,57 tỷ đồng và 22,99%; NHNo là 13.896,02 tỷ đồng và 16,02%; Bảo Minh là 254,02 tỷ đồng và 9,05%.

⁵³¹ VCB 0,73%, NHNo 1,59%, NHCSXH 0,69% (Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ: Phân đầu tư tỷ lệ nợ xấu nội bảng xuống dưới 2%).

⁵³² Ngân hàng TMCP Đại Chúng vượt 13.656 tỷ đồng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn vượt 8.654 tỷ đồng, Ngân hàng TMCP Bảo Việt vượt 3.153 tỷ đồng, Ngân hàng Shinhan Bank vượt 132 tỷ đồng, Ngân hàng Mizuho Hồ Chí Minh vượt 192 tỷ đồng, Ngân hàng Busan - Chi nhánh Hồ Chí Minh vượt 83 tỷ đồng, Ngân hàng Liên doanh Việt - Nga vượt 69 tỷ đồng.

⁵³³ (i) Việc xác định giá trị tài sản bảo đảm cho thuê tài chính theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 chưa căn cứ vào giá trị thực tế hợp lý của tài sản mà phụ thuộc vào dư nợ cho thuê, chưa phản ánh đúng bản chất của tài sản bảo đảm; (ii) Việc hạch toán, theo dõi, phản ánh giá trị tài sản cho thuê tài chính theo giá gốc ban đầu theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-NHNN ngày 17/01/2018 chưa phù hợp với nguyên tắc giá trị tài sản cho thuê giảm dần và được chuyển giao cho bên đi thuê khi hết thời gian thuê.

quả thấp⁵³⁴; hạch toán doanh thu, thu nhập, chi phí chưa phù hợp, chính xác⁵³⁵. Bảo Minh có nợ phải thu quá hạn, khó đòi lớn⁵³⁶.

Một số ngân hàng phân loại nợ chưa phù hợp⁵³⁷, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chưa chính xác⁵³⁸, còn sai sót về trình tự, thủ tục cho vay⁵³⁹. Hoạt động mua bán nợ xấu theo giá thị trường của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam còn hạn chế⁵⁴⁰.

Ngân hàng Chính sách xã hội xóa nợ 19,44 tỷ đồng⁵⁴¹ cho nhiều khách hàng được coi là mất tích theo xác nhận của chính quyền cấp xã⁵⁴², không phù hợp với quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015⁵⁴³, trong đó có 17 trường hợp vẫn đóng bảo hiểm xã hội; điều chỉnh kế hoạch vốn Chương trình cho vay hộ dân tộc thiểu số nghèo chưa kịp thời dẫn đến năm 2018, 2019 có 3.135 trường hợp không được vay lãi suất ưu đãi⁵⁴⁴ tương ứng tiền lãi ưu đãi 2,56 tỷ đồng; áp

⁵³⁴ (i) NHNo: Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng 1,17% vốn đầu tư. Đầu tư 294,41 tỷ đồng vào Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính II - NHNo (ALC II) đã phá sản và chấm dứt hoạt động, phải trích lập dự phòng 100% vốn đầu tư, ngoài ra NHNo còn phải chịu trách nhiệm về khoản tổn thất phải bồi thường cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo phán quyết của Tòa án 862,64 tỷ đồng do NHNo bảo lãnh cho ALC II; 172,08 tỷ đồng vào Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính I - NHNo và 8,2 tỷ đồng vào Công ty TNHH Liên doanh Quản lý Đầu tư Agribank-VGFM phải trích lập dự phòng 100% vốn đầu tư; 1.250,91 tỷ đồng vào Công ty CP Chứng khoán Agribank phải trích lập dự phòng 92,34 tỷ đồng (lỗ lũy kế đến 31/12/2019 của Công ty là 360,6 tỷ đồng); (ii) Bảo Minh: Tỷ suất lợi nhuận/vốn đầu tư bằng 4,8%; 18/21 mã chứng khoán kinh doanh phải trích lập dự phòng 86,25 tỷ đồng (tương ứng 33% vốn đầu tư); một số khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phải trích lập dự phòng 100% vốn đầu tư (178,25 tỷ đồng tiền gửi tại ALC II; 68,4 tỷ đồng trái phiếu Vinashin; 8,76 tỷ đồng trái phiếu Công ty CP Sông Đà Thăng Long; 20 tỷ đồng trái phiếu Công ty CP Vận tải Biển Bắc).

⁵³⁵ (i) VCB: Ghi nhận lãi dự thu không đúng quy định đối với các khoản nợ được cơ cấu lại 85,47 tỷ đồng; hạch toán thiếu 29,25 tỷ đồng phí bảo lãnh, phí phát hành L/C; hạch toán thừa lãi dự chi 19,07 tỷ đồng; (ii) NHNo: Hạch toán thừa lãi dự thu 114,7 tỷ đồng; (iii) Bảo Minh: Hạch toán thiếu doanh thu 7,04 tỷ đồng đối với các hợp đồng bảo hiểm đã phát sinh trách nhiệm; chưa hạch toán thu đòi người thứ ba 55,21 tỷ đồng; trích lập dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thừa 13,96 tỷ đồng.

⁵³⁶ Nợ quá hạn phí bảo hiểm gốc 1.062,16 tỷ đồng, chiếm 98,77% nợ phải thu phí bảo hiểm gốc, trong đó nợ phải thu khó đòi 743,56 tỷ đồng, bằng 70,67% nợ quá hạn.

⁵³⁷ Ngoại trừ các trường hợp năm 2020 các ngân hàng đã phân loại vào nhóm nợ cao hơn hoặc đã tắt toán nợ vay nên KTNN không điều chỉnh nhóm nợ (tại NHNo: không điều chỉnh giảm dư nợ nhóm 1 là 2.874,96 tỷ đồng, nhóm 2 là 1.303,32 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 3 là 2.057,69 tỷ đồng, nhóm 4 là 1.187,83 tỷ đồng, nhóm 5 là 932,76 tỷ đồng; tại VCB: Không điều chỉnh giảm dư nợ nhóm 1 là 992,84 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 841,49 tỷ đồng, nhóm 3 là 143,86 tỷ đồng, nhóm 4 là 0,77 tỷ đồng, nhóm 5 là 6,72 tỷ đồng), kết quả kiểm toán còn điều chỉnh nhóm nợ tại: (i) NHNo: Giảm dư nợ nhóm 1 là 1.128,63 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 823,82 tỷ đồng, nhóm 3 là 184,77 tỷ đồng, nhóm 4 là 19,92 tỷ đồng, nhóm 5 là 100,12 tỷ đồng; (ii) VCB: Tăng dư nợ nhóm 1 là 16,34 tỷ đồng, nhóm 2 là 417,66 tỷ đồng, giảm dư nợ nhóm 4 là 434 tỷ đồng.

⁵³⁸ Ngoại trừ các trường hợp năm 2020 các ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng hoặc đã tắt toán nợ vay nên KTNN không điều chỉnh giảm chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tại VCB 1.940,2 tỷ đồng, không điều chỉnh tăng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng tại NHNo 1.357,58 tỷ đồng, kết quả kiểm toán còn điều chỉnh giảm chi phí dự phòng tại VCB 183,87 tỷ đồng, tăng chi phí dự phòng tại NHNo 97,16 tỷ đồng.

⁵³⁹ Thẩm định thiếu chặt chẽ; định kỳ chưa đánh giá lại tài sản bảo đảm; giải ngân bằng tiền mặt không có hoặc thiếu chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay; không kiểm soát, giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay...

⁵⁴⁰ Đến 31/12/2019, tổng số nợ xấu mua bằng nguồn vốn không phải trái phiếu đặc biệt (mua nợ theo giá thị trường) là 3.599 tỷ đồng, bằng 3,25% tổng số nợ mua bằng trái phiếu đặc biệt là 110.694 tỷ đồng.

⁵⁴¹ Nợ gốc 14,78 tỷ đồng; nợ lãi 4,66 tỷ đồng.

⁵⁴² Điều 7 Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Hồ sơ pháp lý để xử lý nợ bị rủi ro: "...phải có giấy chứng tử hoặc văn bản công bố chết, mất tích của cơ quan có thẩm quyền hoặc xác nhận của chính quyền cấp xã".

⁵⁴³ Khoản 1 Điều 68 "...theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan, Tòa án có thể tuyên bố người đó mất tích".

⁵⁴⁴ Vay vốn theo Chương trình cho vay hộ nghèo với lãi suất 6,6%/năm trong khi lãi suất ưu đãi Chương trình cho vay hộ dân tộc thiểu số nghèo là 3,3%/năm.

dụng thời gian ân hạn 12 tháng đối với hầu hết các khoản cho vay HSSV không phù hợp quy định tại Quyết định 157/2007/QĐ-TTg (chỉ áp dụng trong trường hợp HSSV ra trường chưa có việc làm/không có thu nhập); chính sách giảm lãi cho HSSV khi trả nợ trước hạn còn bất cập⁵⁴⁵.

NHCSXH chưa triển khai quản trị hệ thống CNTT đầy đủ theo định hướng, kế hoạch và quy định của NHNN⁵⁴⁶; khả năng hỗ trợ quản lý của hệ thống CNTT chưa hiệu quả⁵⁴⁷; chưa thực hiện đầy đủ các quy định của NHNN về đảm bảo ATTT⁵⁴⁸; ứng dụng CNTT vào các nghiệp vụ liên quan đến BCTC còn hạn chế⁵⁴⁹. Tại VCB, đến cuối năm 2019, một số nghiệp vụ kế toán tài chính chưa được hoàn toàn tự động hạch toán trên các hệ thống CNTT, một số dữ liệu chấm điểm xếp hạng tín dụng chưa được rà soát toàn diện dựa trên các nguồn dữ liệu sẵn có của đơn vị⁵⁵⁰.

C. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM 2018

Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán năm 2019 về niên độ NSNN năm 2018 của KTNN trong năm 2020 cho thấy hầu hết các đơn vị được kiểm toán đã chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị của KTNN, trong đó:

(1) Kiến nghị xử lý tài chính thực hiện đến 31/12/2020: 59.596 tỷ đồng, đạt 73,5% tổng số kiến nghị (năm 2017 đạt 73,2%; năm 2018 đạt 71,8%), trong đó tăng thu, giảm chi NSNN 19.941.9 tỷ đồng, đạt 73,8%, cụ thể:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Số kiến nghị	Số thực hiện	Tỷ lệ (%)
----	----------	--------------	--------------	-----------

⁵⁴⁵ (i) Đối tượng thực sự khó khăn lâu dài (như HSSV mồ côi, hoặc hộ nghèo) không được hưởng chính sách do không có khả năng trả nợ trước hạn; (ii) Chính sách miễn giảm lãi giúp thu hồi và tăng nhanh vòng quay vốn không còn phù hợp do dư nợ của chương trình giảm nhiều; (iii) Gia tăng cấp bù lãi suất từ NSNN.

⁵⁴⁶ (i) Chưa triển khai quản lý đối tượng hưởng ưu đãi tín dụng của nhà nước với giải pháp quản lý quan hệ khách hàng; xây dựng và triển khai chiến lược, kế hoạch về an toàn CNTT theo Kế hoạch ứng dụng CNTT của các TCTD giai đoạn 2011-2015 của NHNN; (ii) Chưa triển khai hệ thống kho dữ liệu doanh nghiệp và công cụ phân tích thông minh, xây dựng nguồn nhân lực CNTT đủ về số lượng và chất lượng, thực hiện tốt việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ và chủ động trong đảm bảo hoạt động các HTTT theo Kế hoạch ứng dụng CNTT của các TCTD giai đoạn 2017-2020 của NHNN; (iii) Chưa ban hành đầy đủ chính sách, thủ tục liên quan đến CNTT; (iv) Chưa triển khai kiểm toán CNTT theo hướng dẫn của NHNN.

⁵⁴⁷ Chưa gắn kết được các nhu cầu phát triển nghiệp vụ; chưa ứng dụng CNTT vào việc rà soát thông tin nghiệp vụ; chưa sử dụng các nguồn thông tin đa chiều; còn phụ thuộc công nghệ, dữ liệu, nguồn thông tin từ phía đối tác; mô hình, kiến trúc CNTT chưa hiệu quả, không phù hợp với trình độ cán bộ CNTT.

⁵⁴⁸ (i) Chưa ban hành đầy đủ quy định về: vận hành hệ thống dự phòng thảm họa, quy trình xử lý các tình huống mất an toàn, gián đoạn hoạt động của từng cấu phần trong HTTT từ mức độ 2 trở lên; quản lý sử dụng thiết bị di động, sử dụng vật mang tin; quản lý mã khóa bí mật, kết nối internet; (ii) Chưa xây dựng Hệ thống quản lý và phân tích sự kiện ATTT; (iii) Chưa có hệ thống dự phòng đảm bảo dự phòng thảm họa theo tiêu chuẩn của NHNN; (iv) Chưa triển khai các biện pháp ATTT cho phần mềm Intellect và thông tin báo cáo; (v) Quản lý nguồn nhân lực, quản lý truy cập... chưa đáp ứng yêu cầu của NHNN.

⁵⁴⁹ Quản lý thông tin cá nhân khách hàng chưa chặt chẽ, dẫn đến cho vay ưu đãi vượt hạn mức đối với khách hàng dùng 02 CMND; chưa bắt buộc ứng dụng CNTT trong quản lý khách hàng vay là hộ gia đình, dẫn đến cho vay chồng chéo, sai quy định; quản lý các đối tượng xóa nợ trên hệ thống CNTT chưa chặt chẽ...

⁵⁵⁰ Ứng dụng phân hệ thể tín dụng chưa tích hợp tự động chỉ tiêu lãi dự thu, lãi chưa thu với hệ thống Corebanking, hệ thống CNTT chưa hỗ trợ rà soát tự động hoặc bán thủ công trong trường hợp chỉ tiêu trên BCTC và chỉ tiêu chấm điểm xếp hạng tín dụng chưa thống nhất.

1	2	3	4	5
	Tổng cộng	81.095,6	59.596	73,5%
1	Tăng thu NSNN	8.151,1	6.650,8	81,6%
2	Giảm chi thường xuyên	9.436,2	7.680,1	81,4%
3	Giảm chi đầu tư	9.447,7	5.611	59,4%
4	Kiến nghị khác	54.060,6	39.654,1	73,4%

Ngoài ra, kết quả kiểm tra tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán còn tồn đọng các kiến nghị từ niên độ NSNN năm 2017 trở về trước của KTNN thực hiện bổ sung trong năm 2020 cho thấy đến 31/12/2020 các đơn vị được kiểm toán bổ sung thêm 7.041,1 tỷ đồng (tăng thu, giảm chi NSNN 3.350,1 tỷ đồng), trong đó, số xử lý kiến nghị tài chính trong năm 2020 của niên độ 2017 là 2.454,5 tỷ đồng (nâng tỷ lệ thực hiện kiến nghị kiểm toán cho niên độ ngân sách năm 2017 tính đến 31/12/2020 đạt khoảng 82,7% tổng số kiến nghị).

Mặc dù năm 2020 KTNN đã có nhiều giải pháp quyết liệt để nâng cao hiệu lực thực hiện kiến nghị kiểm toán nhưng kết quả thực hiện kiến nghị xử lý tài chính năm 2019 cho niên độ ngân sách năm 2018 cho thấy còn một số kiến nghị xử lý về tài chính chưa thực hiện do các nguyên nhân chính như: Đơn vị được kiểm toán gặp khó khăn về tài chính hoặc đang rà soát nguồn tài chính để bố trí nguồn nộp NSNN; dự án đầu tư đang trong quá trình thực hiện hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán; kiến nghị kiểm toán liên quan nhiều đối tượng, đơn vị nên chậm trễ trong quá trình thực hiện...

(2) Về sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách: Có 51/198 văn bản đã được Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung theo kiến nghị của KTNN⁵⁵¹, các kiến nghị khác đang được các đơn vị nghiên cứu sửa đổi theo quy định ban hành văn bản.

(3) Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân: Có 95/180 Báo cáo kiểm toán có kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm đối với cá nhân, tập thể đã được các đơn vị thực hiện.

D. KIẾN NGHỊ

I. KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KÍNH ĐỀ NGHỊ CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Chỉ đạo Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị kiểm toán, trong đó số kiến nghị xử lý tài chính của KTNN đối với niên độ ngân sách 2019: 61.761 tỷ đồng, gồm các khoản tăng thu 5.103 tỷ đồng (Thuế, phí, lệ phí 2.494 tỷ đồng; thu khác 2.609 tỷ đồng); giảm chi NSNN 13.247 tỷ đồng (Giảm chi thường xuyên 9.316 tỷ đồng; giảm chi đầu tư 3.931 tỷ đồng) và xử lý tài chính khác 43.411 tỷ

⁵⁵¹ 01 Luật, 01 Nghị quyết của Quốc hội, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 10 thông tư, 41 văn bản khác.

đồng (điều chỉnh số liệu quyết toán, chưa đủ thủ tục, chưa được quản lý, theo dõi, chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản ngoài ngân sách...) (*Chi tiết tại Phụ lục số 05, 06, 07, 08, 09 kèm theo*).

2. Chỉ đạo Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có giải pháp đẩy mạnh thực hiện việc giải ngân, sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí chi bảo vệ môi trường, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ đã được ưu tiên bố trí dự toán chi; có giải pháp và chế tài để khắc phục tình trạng chi chuyển nguồn quá cao và liên tục tăng hàng năm. Chấn chỉnh các trường hợp cơ quan, đơn vị đã tiếp nhận, sử dụng kinh phí viện trợ nhưng không quan tâm tổng hợp báo cáo kịp thời Bộ Tài chính để xử lý theo quy định.

3. Chỉ đạo Bộ Tài chính rà soát, trình Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền để thống nhất các quy định về chuyển nguồn giữa Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 và Luật NSNN 2015 nhằm đảm bảo phản ánh đúng tình hình triển khai thực tế đối với các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi.

4. Báo cáo Quốc hội việc thực hiện dự toán hoàn thuế **GTGT** vượt **21.742 tỷ đồng**; trình Quốc hội xem xét, quyết định điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên, đồng thời tăng tương ứng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của Bộ Tài chính **2.240,2** tỷ đồng để quyết toán trong năm 2019 là 1.065,3 tỷ đồng, chuyển nguồn sang năm 2020 là 1.174,9 tỷ đồng.

5. Chỉ đạo Bộ Tài chính chấn chỉnh công tác quản lý tài chính công, tài sản công

(i) Rà soát, sửa đổi Mẫu biểu số 61 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 về chỉ tiêu “Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài” không bao gồm thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, bảo đảm thống nhất cách tổng hợp như đối với các khu vực kinh tế khác (khu vực doanh nghiệp nhà nước, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh), đồng thời thống nhất từ khâu giao dự toán, hạch toán kế toán đến quyết toán đối với chỉ tiêu “Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài”.

(ii) Chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với việc chậm ban hành thông tư hướng dẫn, sửa đổi hạch toán hoàn trả các khoản thu NSNN; đồng thời khẩn trương ban hành thông tư hướng dẫn, sửa đổi phù hợp với quy định của Luật quản lý thuế, Luật ngân sách nhà nước để thực hiện thống nhất, đồng bộ giữa các cấp ngân sách.

(iii) Tổ chức rút kinh nghiệm về việc: (i) Lập báo cáo Quyết toán NSNN năm 2019 chậm so với quy định; (ii) Chưa thực hiện báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất về kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách trung ương năm 2019 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 936/NQ-UBTVQH14 ngày 05/5/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

(iv) Nghiên cứu xây dựng cơ chế nộp và tỷ lệ nộp NSNN đối với số chênh lệch thu chi từ hoạt động nghiệp vụ ngân quỹ; quy định, hướng dẫn về phương pháp, cách thức tính và lập dự toán hỗ trợ bổ sung có mục tiêu để bù mặt bằng chi cho NSDP.

6. Chỉ đạo Bộ KH&ĐT chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ:

(i) Giao kế hoạch vốn NSTW cho một số dự án tại các địa phương chưa phù hợp phạm vi, đối tượng của Chương trình 266,397 tỷ đồng.

(ii) Bổ sung vốn dự phòng NSTW chậm dẫn đến các địa phương không thể triển khai phân bổ được trong năm 2018 nên phải kéo thời hạn giải ngân đến hết 31/12/2020 số tiền 2.097 tỷ đồng, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn dự phòng.

(iii) Phân bổ nguồn dự phòng NSTW cho một số dự án đã được ghi vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và được phân bổ vốn song chưa đủ so với kế hoạch vốn trung hạn, dự án đã được ghi vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa được bố trí vốn hàng năm và giao cho dự án thuộc nhiệm vụ chi của NSDP trong khi chưa làm rõ việc địa phương đã sử dụng dự phòng nguồn ngân sách cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu theo quy định tại tiết b khoản 2 Điều 10 Luật NSNN.

(iv) Bố trí dự toán năm cho các dự án chưa đủ điều kiện (dẫn đến dự toán chi đầu tư phát triển chưa phân bổ là 16.861,168 tỷ đồng); giao kế hoạch vốn chậm, nhiều lần sau thời điểm 20/12/2018 chưa phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 66 Luật Đầu tư công.

7. Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương xử lý các vấn đề về cơ chế, chính sách, các tồn tại trong công tác quản lý đã nêu tại từng báo cáo kiểm toán của KTNN thực hiện trong năm 2020 (*Chi tiết tại Phụ lục số 10 kèm theo*).

8. Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và địa phương rà soát để hủy bỏ hoặc thay thế, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới 205 văn bản, gồm: 01 luật, 02 nghị định, 04 quyết định, 21 thông tư và 177 văn bản khác không phù hợp với quy định pháp luật hoặc chưa phù hợp với thực tiễn (*Chi tiết tại Phụ lục số 11 kèm theo*). Chỉ đạo Bộ Tư pháp làm đầu mối đôn đốc, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị về hoàn thiện cơ chế chính sách.

9. Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị được kiểm toán kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với các khuyết điểm và sai phạm đã nêu trong báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán thực hiện trong năm 2019 (*Chi tiết tại Phụ lục số 12 kèm theo*).

II. KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC KÍNH ĐỀ NGHỊ QUỐC HỘI

1. Xem xét, phê chuẩn quyết toán NSNN năm 2019:

- Thu cân đối NSNN 2.139.639,446 tỷ đồng;
- Chi cân đối NSNN 2.119.541,763 tỷ đồng;

- Bội chi NSNN 161.490,730 tỷ đồng, bằng 2,67% GDP thực hiện.

(Số liệu trên chưa điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên, đồng thời tăng tương ứng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của Bộ Tài chính 2.240,2 tỷ đồng; tổng số quyết toán thu, chi cân đối NSNN không đổi).

2. Ban hành nghị quyết chỉ đạo các đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị hợp lý của KTNN, trong đó: hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới 205 văn bản (01 Luật, 02 Nghị định, 04 Quyết định, 21 Thông tư và 177 văn bản khác).

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2020, KTNN trân trọng báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Chủ tịch nước;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Chủ tịch HĐĐT và Chủ nhiệm các UB của QH;
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

(Đã ký)

Trần Sỹ Thanh

MỤC LỤC

A. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2019.....	1
I. Về quyết toán thu, chi cân đối NSNN (Phụ lục 02, 03, 04 kèm theo)	1
1. Về lập và giao dự toán.....	1
1.1. Dự toán thu NSNN	1
1.2. Dự toán chi NSNN.....	2
1.2.1. Dự toán chi đầu tư phát triển	2
1.2.2. Dự toán chi thường xuyên	5
2. Về chấp hành ngân sách.....	8
2.1. Thu ngân sách nhà nước	8
2.2. Chi ngân sách nhà nước.....	13
2.2.1. Chi đầu tư phát triển	13
2.2.2. Chi thường xuyên	21
2.2.3. Chi chuyển nguồn	24
2.2.4. Chi bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho các địa phương	26
2.2.5. Chương trình mục tiêu quốc gia	26
2.2.6. Về sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2019.....	27
2.3. Cho vay, tạm ứng và ứng trước dự toán	28
2.4. Về mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản.....	29
2.5. Quản lý, sử dụng các quỹ ngoài ngân sách	33
3. Kết quả kiểm toán các chuyên đề và Chương trình mục tiêu	34
3.1. Chuyên đề việc phân bổ, quản lý và sử dụng nguồn vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự phòng 10% tại các bộ ngành và địa phương.....	34
3.2. Chuyên đề việc quản lý và sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020.....	36
3.3. Kết quả kiểm toán các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT.....	36
3.4. Việc chấp hành chính sách pháp luật về đất đai, công tác quản lý thực hiện đầu tư các dự án khu đô thị giai đoạn 2015-2019; các dự án BT, BLT tại tỉnh Sơn La.....	38
3.5. Kết quả kiểm toán một số Chương trình	39
4. Kiểm toán môi trường và kiểm toán hoạt động.....	41
4.1. Kiểm toán môi trường	41
4.2. Kiểm toán hoạt động.....	44
5. Bội chi NSNN và kết dư NSDP	46
6. Nợ công	46

5. Về quyết toán NSNN	48
II. Công tác phòng chống tham nhũng	49
B. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	50
I. Kiểm toán doanh nghiệp	50
1. Kiểm toán báo cáo tài chính	50
2. Kiểm toán kết quả tư vấn định giá và xử lý các vấn đề tài chính trước khi chính thức công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV	54
3. Kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại 29 doanh nghiệp	55
4. Kiểm toán một số dự án của tập đoàn, tổng công ty	56
II. Kiểm toán các tổ chức tài chính ngân hàng	58
C. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN ĐỐI VỚI NIÊN ĐỘ NGÂN SÁCH NĂM 2018.....	60
D. KIẾN NGHỊ	61
1. Kiểm toán nhà nước kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.....	61
2. Kiểm toán nhà nước kính đề nghị Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán NSNN năm 2019:	63